

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN

CHÍNH TRỊ

KINH TẾ

XÃ HỘI

VĂN HÓA

Số 29

Tháng 12-1969

tạ văn nho
nguyễn kim thạch

nguyễn văn xuân
nguyễn hữu nhật

mang viên long
võ hồng

trùng dương

ngụy ngữ

đặng tấn tới, huy tướng,

từ kế tường

phạm thiên thư

từ kế tường

túy hồng

tuấn anh

mai thảo

1	rút hay không rút
10	tầm quan trọng của địa chất học ứng dụng đối với miền nam v.n.
17	lại chữ
29	khúc oan
30	trên đỉnh tháp chuông
49	chuyến về tuy hòa
59	kẻ phản trắc
63	trong bầu áo chưa phai
77	thơ
81	cửa vào tâm giới
86	cửa biển
95	những sợi sắc không
99	thời sự và sinh hoạt
106	bài viết trang bìa

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP : **VŨ CÔNG TRỰC**
CHỦ BIÊN : **VŨ KHẮC KHOAN**
THƯ KÝ TÒA SOẠN : **MAI THẢO**

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho bà BÙI-THỊ HÒA-KHANH
Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

TẠ VĂN NHO rút hay không rút ?

Mới đây Cựu Phó Tổng Thống Mỹ, ô. Hubert Humphrey có lên tiếng nhắc nhở dư luận rằng Hoa Kỳ là một cường quốc Thái Bình Dương, và tất nhiên hằng lưu tâm đến những biến cố xảy ra trong vùng thế giới này. Có lẽ lời tuyên bố trên muốn nhằm đánh tan những ngờ vực về chính sách mới của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á, tiếp theo những tin đồn về việc rút quân ở Việt Nam. Sự thực thì trong khoảng 15 năm nay, sự hiện diện quân sự của Mỹ tại Đông Nam Á đã ngày một tăng cường đến mức độ biến Thái Bình Dương thành một cái « hồ của Mỹ » và phần nào làm phương hại đến khả năng ứng chiến của Mỹ ở những phần thế giới khác. Những nhà chỉ trích đã nêu lên trường hợp cuộc xung đột Á Rập, Do Thái ở Trung Đông, và vụ Nga can thiệp ở Tiệp Khắc. Trong cả hai trường hợp, người ta có cảm tưởng rằng Hoa Kỳ hình như thiếu phản ứng mau lẹ để đối phó với cục diện và chỉ đưa ra được vài lời tuyên bố suông. Khiến cho những kẻ có ác ý với Mỹ cho rằng Mỹ có một thỏa thuận ngầm nào đó với Nga !

Cả một trường phái tư tưởng chính trị ở Mỹ gần đây đã công khai lên tiếng đòi hỏi Mỹ phải duyệt xét lại chính sách Đông Nam Á, và khuyến cáo Mỹ nên quay sang Âu Châu nhiều hơn. Những người chủ trương cho rằng chính sách đối ngoại của Mỹ vận

chuyên như một con lắc; hoành độ thiên về Đông của nó đã tới cùng cực, và từ nay về sau con lắc sẽ dần dần trở sang Tây...

Vả chẳng chính quyền Cộng Hòa cũng muốn thanh toán êm đẹp cái di sản nặng nề mà 10 năm chính quyền Dân Chủ đã để lại, trong đó sự tham chiến ở Việt Nam là gánh nặng nhất, khó khăn nhất.

Về phía dân chúng Mỹ, những thúc đẩy tình cảm sôi nổi đã phát sinh nhiều vụ biểu tình to lớn khắp nước, làm áp lực buộc Chánh Phủ Mỹ rút ngay quân đội khỏi Việt Nam.

Mặc dầu ô. Nixon đã cam kết là sẽ thực hiện một giải pháp để thu xếp vấn đề V.N dư luận quần chúng Mỹ hình như đã bị kích thích đến độ bất chấp mọi hậu quả của sự rút lui tức khắc. Một vài chính khách Mỹ cũng đã lợi dụng đề tài rút quân để tự đề cao cá nhân, nhằm dọn đường cho các cuộc bầu cử sắp tới (1970, 1972). Một vài người đã đưa ra những lời tuyên bố quá lỗ, my dân và vô trách nhiệm. Những phong trào gây rối tại các đại học đường của những nhóm thanh niên hiếu động đang đi tìm đối tượng để biểu dương sự quật khởi và hiện tượng hổ sâu giữa thế hệ trẻ già, bèn vô lấy vấn đề Việt Nam để có một cái gì vững chắc cho nhu cầu biểu tình thường xuyên của họ ..

Bối cảnh chính trị nội bộ hiện nay của Mỹ quả là một hoàn cảnh khó khăn cho Chính Phủ Nixon — Những cuộc biểu tình, dù đông đảo đến đâu, cũng chỉ là một cách tỏ bày ý kiến của dân chúng. Nó có thể là một hướng đi phải theo; nhưng ở địa vị Chính phủ, phải đem đối chiếu với toàn bộ chính sách đối ngoại, với những cam kết và trách nhiệm mà một cường quốc lãnh đạo thế giới tự do phải, và có vinh dự, gánh vác.

Bình tĩnh mà xét, người ta thấy rằng, tựu chung, ô. Nixon không chủ trương trái ngược với những người biểu tình; vì ông đã cam kết là sẽ cố gắng đạt đến một giải pháp thương thuyết cho vấn đề V.N để có thể rút quân đội Mỹ đi. Có khác chăng là ở chỗ thời biểu nhanh hay chậm mà thôi. Và nhất là ở phương thức rút quân.

Một vài người thiên cận và ưa đồng hóa những trường hợp lịch sử bề ngoài tương tự, đã đưa ra ý kiến là Mỹ nên rút quân ngay như Pháp ngày trước, sau vụ Điện Biên Phủ. Theo họ, Mỹ đủ mạnh và đủ uy tín để không sợ « mất mặt » vì một chuyện rút lui ở một xứ xa xôi, không mấy quan trọng đối với Mỹ.

Nhưng họ quên rằng khác với Pháp, Mỹ không thua trận, và Mỹ đã tự kiểm chế, không dốc toàn lực ra để chiến thắng B.V về quân sự. Như vậy, nếu cần ra đi, ít nhất Mỹ cũng có quyền thu xếp cách nào cho miền Nam đủ khả năng tự bảo vệ lấy mình.

Mặt khác, người Mỹ thường tự hào rằng từ ngày lập quốc đến nay, Mỹ chưa thua một trận chiến nào, nếu đã đích thân tham dự. Những vụ tham chiến ở Đại Hàn hồi 1950-53 và ở miền Nam hiện nay, tuy không kết thúc bằng 1 chiến thắng rõ rệt, nhưng cũng ngăn chặn được xâm lăng của Cộng sản; vì thế có thể gọi là bán-chiến-thắng.

Chính trong ý nghĩ này mà ô. Nixon đã từng tuyên bố rằng ông không có ý muốn trở nên vị Tổng thống Mỹ đầu tiên chứng kiến sự bại trận.

Vả chẳng, nếu chiều theo ý muốn của một thiểu số dân chúng, mà Mỹ vội vã rút quân thì đối với dư luận quốc tế và nhất là các đồng minh khác của Mỹ ở Đông Nam Á, sự kiện này sẽ được coi như thất bại, đầu hàng trước Cộng sản vậy. Cũng trong giả thuyết này, nhiều người đã nhắc đến thuyết « bài cầu » (Domino) dự liệu ảnh hưởng tai hại của sự rút quân vội vã ở miền Nam đối với các nước lân cận như Lào, Miên, Thái, Miến... Theo thuyết Domino, nếu miền Nam mất vào tay Cộng sản thì chẳng bao lâu, các nước như kẻ trên cũng sẽ bị Cộng sản thôn tính, như khi ta rút một con bài cầu thì những con bài khác cũng sụp theo... Thuyết này đã bị một số chuyên viên chính trị chỉ trích tinh cách « máy móc » của sự sụp đổ, không đếm xỉa đến ý chí và khả năng tự tồn của những quốc gia liên hệ. Họ cho nó là một « cliché » lý trí, thuận tiện cho sự biện luận, nhưng quá dẫn dụ để phản ánh sự thực. Dù sao chẳng nữa, có một vài sự kiện khiến người ta nghĩ rằng việc rút lui tức khắc sẽ tai hại lớn cho Đông Nam Á. Thứ vậy, mọi người đều biết tình trạng « ung thối » ở Lào hiện nay, với 45.000 quân Cộng sản B.V chiếm đóng thường trực trên lãnh thổ. Cao Miên cũng không hơn

gi. Có thể nói ô. Shianouk dùng đường Cộng Sản B.V và MTGP nhưng một phần nào có thể nói là Chính quyền Miên không đủ khả năng đề ngăn cấm Cộng Sản sử dụng lãnh thổ của mình. Cái chính sách « nước đôi » mà ông Hoàng Miên hiện đang thi hành cách khéo léo, thực ra chỉ dùng được khi quân đội Mỹ còn có mặt ở miền Nam.

Trong giả thuyết miền Nam bị Cộng Sản thôn tính, người ta thực không thấy « phép lạ » nào bảo đảm sự sống còn của một Cao Miên « trung lập » như hiện nay.

Miền Đông Bắc Thái Lan đã bị C.S B.V lén lút xâm nhập và phá rối từ mấy năm nay. Những vụ ám sát các viên chức xã ngày một nhiều thêm, và người ta đã thấy xuất hiện những tiểu đội du kích CS di chuyển trong miền biên giới Thái Lào và đụng độ với quân tuần biên của Chính phủ Thái.

Miền Điện cũng không thanh bình như người ta tưởng. Mới đây Thủ tướng Miến Ne Win đã cho biết là, trong năm qua, Trung Cộng đã xung đột biên giới với Miến có tới 8 lần chính! Số người chết và bị thương đến trên 100. Tất cả những hành động xâm lăng này chỉ có thể tăng gia hơn nữa, nếu tình hình miền Nam trở nên quá suy sụp. Như vậy những người chủ trương thuyết Domino cũng không phải là bị quan vô căn cứ.

Bây giờ ta hãy rời bình diện những giả thuyết để thử thảo luận vấn đề Mỹ rút quân trên bình diện của chính trị thực tiễn. Nói khác đi, đặt vấn đề Mỹ rút quân đối chiếu với thể quân bình lực lượng và vùng ảnh hưởng của ba cường quốc hiện đang có mặt trong miền Đông Nam Á là Trung Cộng, Hoa Kỳ và Nga Sô.

Vấn đề đặt ra là Mỹ có thể và có nên rút khỏi Đông Nam Á không trong khi mà Trung Cộng đang cố mở rộng vùng ảnh hưởng xuống miền Nam và Nga Sô đang cố tạo một « đầu cầu » ở miền Bắc Việt Nam để dễ dàng phát triển sau này? Ta hãy kiểm điểm những lực lượng đối nghịch của ba cường quốc và tìm hiểu lý do thâm kín của một số hoạt động của họ trong vùng thế giới này.

Sau khi đã thống nhất được đại lực Trung Hoa, Trung Cộng

không hề giấu diếm những tham vọng đế quốc của mình. Hết xâm chiếm Tây Tạng, lại « dần mặt » Ấn Độ ở biên thủy Hoa-Ấn.

Trung Cộng hình như muốn tái lập đế quốc ngày xưa gồm các « phiên bang » như Miến, Lào, Thái, Việt... được coi như những đất bảo hộ. Không kể là về phía Bắc, Trung Cộng đã xung đột với Nga Sô tại biên giới những tỉnh như Tân Cương, Hắc Long Giang mà một phần đã bị các Nga Hoàng ngày trước xâm đoạt. Hiện nay, Trung Cộng đang mở đường chiến lược sang tận biên giới Lào, Thái, và như các báo đã loan tin, Trung Cộng đã xung đột biên giới với Miến đến 8 lần trong một năm, khiến hàng trăm người chết và bị thương. Trung Cộng lại cũng xúi dục những sắc dân thiểu số miền Thượng Du Bắc Việt nổi lên quấy phá C.S. miền Bắc, không ngoài mục đích tăng gia ảnh hưởng và áp lực, sau khi Hồ chí Minh chết.

Lẽ tất nhiên, Trung Cộng rất lo ngại khi thấy quân lực Mỹ được tập trung hùng hậu ở miền Nam và khi không quân Mỹ bay đến oanh tạc ngay trên biên giới Hoa Việt. Trung Cộng thôi thúc C.S B.V chiến đấu đến người Việt cuối cùng, chẳng qua cũng chỉ là muốn dùng BV làm bình phong cho mình, nếu không may có xung đột với Mỹ. Trung Cộng tự nhận thấy không đủ sức trực tiếp gây hấn với Mỹ nên đã dùng thủ đoạn lấy chur hầu B.V để tiêu hao lực lượng của Mỹ tại Đông Nam Á. Nếu Mỹ vội vàng rút quân khỏi bãi sa lầy miền Nam thì Trung Cộng được hai điều lợi — Thứ nhất là nhờ được lưỡi dao đe dọa bên hông mình — Thứ hai là chứng minh với dư luận quần chúng Đông Nam Á rằng Hoa Kỳ chỉ là « con cọp giấy » như Mao chủ tịch đã khẳng định. Đồng thời cũng chứng minh rằng chủ trương « chiến tranh phiên đảo » của mình là đúng. Vì tính cách tượng trưng của kết quả chiến cuộc tại miền Nam đối với tương lai của chủ trương nói trên, nên Trung Cộng thúc đẩy B.V tiếp tục cuộc xâm lăng miền Nam, khiến cho việc hội đàm ở Ba Lê trở nên vô nghĩa. Những vụ các nhà lãnh đạo B.V từ Lê Duẩn, Phạm văn Đồng đến Lê đức Thọ và Xuân Thủy qua lại Bắc Kinh như đi chợ để phúc trình và xin chỉ thị, cho thấy rằng hội đàm Ba Lê chỉ có mục đích thăm dò ẩn ý của đối phương Mỹ và chỉ có tính cách một sự tiếp xúc gián tiếp giữa hai cường quốc có quyền

lợi đối nghịch ở Đ.N.Á. Hội đàm Ba Lê, cho đến nay, chỉ có một quan trọng thứ yếu vì « kếp chính » là Trung Cộng chưa xuất hiện.

Người ta tiên đoán là, khi thời cơ thuận tiện, Trung Cộng sẽ nối tiếp lại sự gặp mặt ngoại giao với Mỹ, và chỉ khi đó thôi, hai nước sẽ cố gắng đạt tới một *thỏa hiệp tạm thời* (modus vivendi) hầu xác định vùng ảnh hưởng và những quyền lợi thiết yếu của đôi bên ở khu vực thế giới này.

Hiện nay Trung Cộng còn tự giam mình trong tình trạng cô độc và còn tiếp tục giữ thái độ chống đối Nga, thù nghịch Mỹ. Trung Cộng không ngớt tố cáo Nga đồng lõa với Mỹ để khuynh loát thế giới; vì thực tình, có thể nói là Nga và Mỹ có những quyền lợi song hành ít nhất là ở Đông Á. Thực thể, trên bình diện quyền lợi quốc gia và an ninh lãnh thổ, Nga và Mỹ đều không muốn thấy một Trung Hoa đồ cường mạnh và hiếu chiến đến mức phá hủy thế quân bình lực lượng hiện nay ở Đ.N.Á.

Nga sô đã vô lấy sự kiện chiến tranh ở miền Nam để nói rộng vùng ảnh hưởng của mình ở Á Châu, trước kia chỉ tập trung ở Đông Á.

Nhất là từ 1960 trở đi, sự xích mích với Trung cộng ngày càng trầm trọng, khiến Nga sô lo đối phó với Mỹ thì ít, nhưng với Trung cộng thì nhiều hơn. Nhờ sự viện trợ quân sự và kinh tế cho B.V, Nga sô hy vọng tìm một « đầu cầu » cho sự hiện diện của mình ở Đông Nam Á. Việc duy trì ảnh hưởng chính trị của Nga tại B.V trở nên cần thiết vì B.V là một vị trí tốt để Nga sô canh chừng sức bành trướng của Trung Cộng. Đồng thời Nga sô cũng tăng cường những quan hệ ngoại giao với các nước Đông Nam Á khác như Mã Lai Á, Ấn Độ, v.v... Những cố gắng ngoại giao của Nga tại Đ.N.Á mấy năm nay thật có ý nghĩa. Nga tỏ thái độ hòa hoãn đối với Nhật, cử phái đoàn đi tiếp xúc với Thái, đứng làm trọng tài để thu xếp việc hòa giải giữa Hồi quốc và Ấn Độ (hội nghị Tachkent) và đáng lưu ý hơn nữa, đã cử một đại diện sang tận Đài Loan tiếp xúc với Tưởng Kinh Quốc, người sẽ thừa Kế Tưởng Giới Thạch ! Mục đích của những cố gắng này dĩ nhiên là để đề cao uy tín của Nga Sô đối với các chính quyền và dân chúng ĐNÁ, và gián tiếp ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Cộng vậy.

Về phương diện tuyên truyền, Nga Sô cố gắng trình bày cho

du luận ĐNÁ hình ảnh một nước Nga tân tiến, hùng mạnh nhưng thân hữu, sẵn sàng giao thiệp thân thiện với mọi nước trong vùng, và nhất là không có mấy may tham vọng về đất đai nào. Nga Sô lại chú ý đến cả những chi tiết có thể làm nức lòng các quốc gia nhỏ bé ĐNÁ như việc Thủ tướng Kosygin đích thân sang Hanoi dự đám tang HCM, đích thân ra tận phi trường Mạc Tư Khoa chào đón phái đoàn Phạm Văn Đồng v.v... Giả thử như B.V. một nước tỷ hơn, lại nằm tại một vùng nào đó ở Phi Châu, thì chưa chắc gì đã được Nga Sô chiếu cố tận tình như thế. Mới đây, Nga Sô vừa công bố sẽ tiếp tục viện trợ quân sự và kinh tế cho B.V, tổng số viện trợ lên đến một tỷ Mỹ Kim ! Như vậy ta thấy rằng Nga Sô đã quyết định duy trì chỗ đứng của mình ở ĐNÁ, vì B.V thì ít, nhưng để ngăn chặn Trung Cộng thì nhiều. B.V ngẫu nhiên được o bế như thế, vì vị trí chiến lược của mình trong toàn bộ chính sách của Nga chống Trung Cộng, nên lại có thêm lý do để tiếp diễn cuộc xâm lăng miền Nam — Ta có thể nói rằng một phần nào B.V phải duy trì cuộc chiến vì những lý do chính tình nội bộ. Còn chiến tranh thì còn được cả Nga lẫn Trung Cộng viện trợ; về mặt tinh thần còn được hãnh diện là chiếm trang đầu của các nhật báo thế giới.

Nếu chẳng may phải chấp nhận hòa bình, thì viện trợ sẽ ít hơn, công cuộc tái thiết nội bộ sẽ làm nản lòng cán bộ và dân chúng, và sau hết, tên tuổi B.V sẽ chìm trong quên lãng.

Về phần Hoa Kỳ, mặc dầu là cường quốc Thái Bình Dương, chỉ thật sự hiện diện ở ĐNÁ trong những năm đầu của thập niên kỷ 50. Thực vậy, quyền lợi thiết yếu của Hoa Kỳ (cũng như Nga Sô) nằm ở Đông Á, nhắm vào Trung Quốc và Nhật.

Hoa Kỳ chỉ đến ĐNÁ một cách ngẫu nhiên, gần như miễn cưỡng. Số là sau khi đề mất đại lục Trung Hoa vào tay Cộng Sản Tàu vì chính sách Trung Hoa lãng mạn và không tưởng của chính quyền Dân chủ Roosevelt, chính quyền Cộng Hòa Eisenhower vội vàng hoạch định một chính sách mới để bảo vệ quyền lợi của Mỹ tại vùng này. Người ta thấy xuất hiện những thuyết ngăn chặn hay « be bờ » (containment) hoặc thuyết « đẩy lui » (roll back) của cựu ngoại trưởng nổi danh đầu John F. Dulles, được hệ thống hóa bởi chủ trương « an ninh hỗ tương » (Mutual security) với những liên

TRẦN KIM THẠCH

tâm quan trọng của địa chất học ứng dụng đối với miền Nam Việt Nam

Gần đây mười hôm, hai phi hành gia Hoa-kỳ đã đáp xuống mặt trăng. Mục đích cuối cùng của họ là gì? Có phải chăng là do những điều kiện về nhiệt độ, áp lực không khí, ánh sáng hay không? Thưa rằng không. Vì những điều đó, từ dưới đất, chúng ta đã rõ hết rồi. Mục đích cuối cùng của họ là lấy vài mươi ki lô đất đá đem về địa cầu để khảo sát. Đất đá ở cung quảng còn quý như thế, huống gì đất đá ở nước ta, mà nhất là ở miền Nam Việt-nam.

Từ lâu, chúng ta đã nghe nói đến một môn học về đất đá, về cách chúng sinh ra, cách chúng tan rã và cách chúng tái tạo. Đó là khoa địa chất học cùng những vật liệu quý giá chứa bên trong chúng. Chúng ta đã biết môn học này rất nhiều trong cạnh khía lý thuyết, nhưng ít ai nghe nói đến cạnh khía ứng dụng của nó. Đem môn học ra phụng sự xứ sở, một địa chất gia ước mong làm được việc gì? Chắc chắn họ sẽ nghĩ đến địa hạt công chánh, địa hạt kinh tế và cuối cùng là địa hạt quân sự. Ba địa hạt này thuộc về phần xác của một nước. Mà một nước có xác thì may ra mới

có hồn được. Do đó, địa chất gia dù ở chân trời góc biển nào đi nữa, cũng phải làm sao phát triển cho được ba ngành ứng dụng của địa chất học: địa chất công chánh, địa chất kinh tế và địa chất quân sự.

ĐỊA CHẤT CÔNG CHÁNH

Công chánh là gì? Đó là những công tác xây cất và trùng tu đại qui mô, những phương tiện giao thông, vận tải, tồn trữ và khai thác thiên nhiên trên bình diện quốc gia. Đường sá, cầu, cống, kênh, rạch, đường hầm, đê đập, ao hồ nhân tạo, hải cảng phi đạo là hình ảnh cụ thể nhất của môn này.

Tất cả những công tác đó đều thực hiện trên mặt đất và dùng vật liệu rút từ trong vỏ đất ra. Nói như thế có nghĩa là nhấn mạnh đến sự cần thiết về kiến thức địa chất học trong ngành công chánh vậy.

Các môn địa chất nào liên hệ đến ngành công chánh? Ở miền Nam Việt Nam, sự mài mòn và bồi đắp của gió, nước chảy và của biển có tính chất khốc liệt của vùng nhiệt đới gió mùa. Chính điều này đã làm cho hình dạng mặt đất (tức địa hình) của xứ ta hóa già trước tuổi. Bình nguyên hiện ra khắp nơi, mặc dầu núi ở miền Nam là những núi trẻ như các vùng ở trung lưu Đồng Nai ở miền Tây, ở Đà Lạt, ở Ban me thuật, ở Pleiku, ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, ở Thừa thiên. Và ngành địa thể học khám phá rằng những nơi có địa thể cũ thì dễ phóng đường sá, bắt cầu cống, làm phi đạo v.v...

Hậu quả của sự xáo trộn nơi vỏ đất cũng có nhiều ảnh hưởng quan trọng đối với sức chịu đựng của nền đất. Miền Nam là nơi đã bị xáo trộn dữ dội trong quá khứ địa chất gần đây. Hậu quả là làm cho nền đá bị vụn vẹo, nứt nẻ. Đó là những điều cần phải suy xét kỹ trước khi xây một vật nặng lên trên.

Miền Nam là miền chưa được mở mang đúng mức. Những thiết lộ xuyên núi chưa có đầy đủ các quốc lộ vẫn không đủ dùng. Chính chỗ đó khiến ta nghĩ rằng ngành địa chất kiểu lộ phải gánh vác nhiều trách nhiệm trong thời chiến cũng như thời bình. Ở các vùng đồng

bằng có nước mặn xâm nhập như hạ lưu của sông Đồng Nai và Cửu Long và những vùng đất phèn chua (Cà Mau, Đồng Tháp) đều cần có một hệ thống kênh đào hơn, để rửa đất. Kênh lớn còn có nhiệm vụ quân bình lưu lượng, tránh sự tàn phá của nước chảy xiết và giúp ta chuyên chở phù sa theo ý muốn.

Muốn thực hiện các công tác qui mô đó, cũng phải biết rõ về sự trầm tích hiện tại của sông suối nơi các hạ lưu sông. Mà trầm tích học là một khoa học then chốt của địa chất học.

Đọc theo Trung và Cao-nguyên Trung-phần, vô số thung lũng và bồn thu nước giúp ta trữ nước và chế tạo điện lực một cách dồi dào. Đập Đa-nhim tuy thực sự ích lợi, nhưng chỉ là một đập ấp nhỏ, và qua khảo cứu của ngành địa chất để điều sau này. Xuống đến bờ biển lồm chồm ở vùng từ Quảng nam đến Phan Thiết, sự khảo cứu về ứng dụng hải dương địa chất sẽ giúp ta bảo vệ bờ biển tránh sự sụp đổ vì sự sống và cũng chỉ định các vị trí phù hợp để lập hải cảng hay căn cứ hải quân. Cam ranh là nơi đã có một hải cảng tốt bậc nhất Đông Nam Á hơn cả Đà Nẵng, Qui Nhơn và Nha trang? Trong tương lai, nhiều hải cảng nữa sẽ phải được thiết lập khi cả miền Trung được kỹ nghệ hóa và thông thương với láng giềng Ai lao.

Cuối cùng, vật liệu công chánh thiên nhiên (như đá, đất) và nhân tạo (như ciment portland, ciment puzzolane) thì được môn nham học và tính khoáng học ứng dụng nghiên cứu từng tính chất một.

Nước ta nói chung và miền Nam Việt Nam nói riêng, là nơi có vật liệu công chánh rất dồi dào đến nỗi không ai nghĩ đến sự tìm kiếm. Đá được lấy từ các núi nhỏ lớn ở rải rác khắp nơi. Vùng Châu thổ Đồng nai - Cửu Long, tuy là đồng bằng phù sa, nhưng vẫn có đây đó nhiều gò, nhiều đồi hữu ích nơi mà một số nông dân chẻ đá để lấy thóc: Châu thới, Bửu long, ở Biên hòa, Thị vải, Rao quang ở Bà Rịa, Sam, Sập, Ba thê, Bình trị ở miền Tây đang tiếp tục cống hiến những thứ đá tốt có gốc phun xuất (hoa cương, an sơn, lưu vân) hay gốc trầm tích (sa thạch, diệp thạch và đá ông Biên hòa). Cát và sỏi ven sông nước ngọt (nhất

là sông không có thủy triều dọc miền Trung Việt) là những vật liệu dùng để đúc vào tổ.

Phần lớn công tác công chánh tối tân đều dùng cách đúc chế ra đá. Đúc bê tông tức chế tạo đá theo ý muốn trong thời gian cực ngắn. Nhu cầu về xi măng trở nên cấp bách Xi măng là đất sét (1/10) trộn với vôi sống (9/10) Khi gặp nước, hợp chất này kết tinh để thành đá, và kết các vật liệu như sạn đá lại với nhau. Chúng ta có nhà máy xi măng Hà tiên. Nhà máy này lại chia làm hai phần. Phần ở Kiên lương dùng để nung vôi và đá đất sét. Còn phần ở Thủ đức thì nghiền nhuyễn và vô bao. Nhu cầu mỗi ngày một gia tăng, nên sẽ có nhiều nhà máy chế tạo xi măng nữa được thiết lập. Địa chất gia phải tìm cho ra nơi có vừa đá vôi, vừa có đất sét, vừa có đường giao thông thì mới có hy vọng xi măng rẻ.

Nói tóm lại, một số lớn bộ môn địa chất đã được ứng dụng vào ngành công chánh. Sự xây cất tối tân bao giờ cũng khoa học và qui mô. Thành ra sự góp sức của địa chất gia trở nên thiết yếu. Riêng với miền Nam, ngành công chánh còn phát triển nhiều, công tác còn nặng nhọc, thì ta cần phải đẩy mạnh sự tìm biết và lợi dụng vô đá của địa cầu.

ĐỊA CHẤT KINH TẾ

Địa chất kinh tế là ngành chuyên về sự tìm tòi, liệt kê và khai quật những quặng mỏ. Những khoáng sản này được xem như là các tài nguyên không tái tạo; số lượng của chúng trở nên một ngày một ít đi, chúng trở nên một ngày một thiếu hơn.

Các môn sau đây sẽ giúp chúng ta hiểu biết rõ những gì tích chứa trong lòng đất. Trước nhất là môn tính khoáng học và thạch học, quặng mỏ quý giá. Các loại đất đá kỹ nghệ hết sức hữu ích và môn trầm tích học giúp ta khám phá các nhiên liệu quý giá như than đá, dầu hỏa để vật lý tìm xem khoáng sản nằm ở nơi nào trong lòng đất.

Tuy công cuộc tìm khoáng chưa được tổ chức qui mô, các khoáng sản cũng đã được khai quật ít nhiều phần nhỏ trước nội chiến, phần lớn sau nội chiến? Từ trước nội chiến, người Pháp đã

đề ý đến mỏ và tinh khoáng quí. Sau nội chiến, Nha Khoáng chất khám phá thêm một số nữa. Tất cả có thể chia ra như sau :

Về đất đá kỹ nghệ, cát rông silic được triệt để khai thác dọc từ Bà Rịa đến Nam Ô. Phần lớn đã được xuất cảng. Nhất là sang Nhật. Đó là vật liệu để làm kính, thủy tinh và pha lê. Ngoài cát ra, sa thạch silic và đá thạch anh rông cũng có thể dùng để chế thủy tinh xấu và có màu.

Quặng mỏ tìm thấy gồm [có các mạch chì. Chì được cô đọng dọc theo những nơi có thạch anh thứ cấp chen vào với đá phun xuất. Gần như những nơi nào có sự xáo trộn thì có sự xuất hiện của mạch chì. Ví dụ, vùng khối Kontum, vùng Đà Lạt, vùng Định Quán — Châu Thới, vùng núi Sam núi Sập. Cùng một lúc với chì còn có molybdenit một kim loại dùng chế thép tối tân hiện nay. Vùng núi Đà Lạt, Phan rang, Núi Sam, núi Sập rất giàu mạch của thứ khoáng này. Các mạch sắt thì hình như có nhiều tuổi khác nhau. Đầu tiên là sắt của đá, bị gấp nếp. Loại này gồm có 3 thứ: sắt đỏ, sắt đen và màu chàm. Chúng xuất hiện ở vùng Liên chiểu, Quảng Ngãi, dưới dạng thừng của mạch to, rất dễ khai quật. Ở Mộ Đức, người ta đang nghĩ đến việc khai thác một thứ sắt khác, trong nhóm đá đỏ Biên hòa. Sắt này do sự thoái hóa của đá huyền vũ. Nguyên đá này thuộc nhóm kiềm, rất giàu chất sắt. Phần nhiều sắt này lẫn quất như bụi trong đá, nhưng trong vài hốc khoáng, đã được cô đọng thành từng khối to, như đã thấy ở cù lao Ré. Khi đá bủn, sát theo nước cô đọng lại thành đá đỏ, nơi lượng sắt có thể đến 60 phần trăm.

Triển vọng về kim loại miền Nam không phải ít. Cùng một cấu tạo như Mã Lai Á, nơi mà địa chất gia Anh đã khám phá ra những kim loại quí giá như đồng, chì, kẽm, thiếc, vùng Cao nguyên Trung phần sẽ đem lại cho ta một kho tàng to lớn trong lòng đất.

Riêng về nhiên liệu, tức là những vật liệu để quay máy chưa biết miền Nam sẽ có gì đáng kể. Hiện nay, ta chỉ có một ít than đá, mà tình trạng chiến tranh làm đình trệ hẳn từ mấy năm qua. Than Nông Sơn là than của kỹ nghệ nên có nhiều triển vọng lắm. Thí điếm khai quật chỉ có một cây số vuông, thật không đáng kể đối với nhu cầu quốc gia, chẳng may nếu than đá khiếm khuyết

ta còn có số lượng than bùn đáng kể trong vùng Cà mau (U minh) Bạc Liêu, Rạch Giá, nghĩa là hầu như khắp cả vùng Hậu giang. Biết triệt để khai thác loại than non này như người Ai nhĩ lan thì cũng sẽ lợi cho quốc gia.

Dầu hỏa, cho đến nay, hình như không có hứa hẹn gì với miền Nam. vì nhiều lý do :

- 1) — Vô bị đất xáo trộn dữ dội nhiều lần trong quá khứ.
- 2) — Môi trường địa chất không đủ sức tạo dầu.

Theo kết quả cuộc hội thảo về dầu hỏa ngày 10-4-69 tại Đại học Khoa học Sài Gòn, thì hy vọng về dầu hỏa càng ngày càng lớn dần. Chỉ có một điều đáng tiếc là vị trí có chứa dầu nằm ngoài khơi của biển Rạch giá. Nha Tài nguyên thiếu nhiều đề nghị khảo cứu vùng đó trước, rồi dần dần sẽ đi vào đất liền, một ý kiến thực sự cách mạng mà các cơ quan Shell và Esso không biết có đủ can đảm đề theo hay không.

Tóm lại, quặng mỏ cần phải được tìm tòi thêm nữa.

ĐỊA CHẤT QUÂN SỰ

Không ai chối cãi được tinh chất quốc phòng của địa chất học. Và đây cũng là khía ứng dụng độc đáo nhất của môn học trong lãnh vực phòng ngự.

Địa thế quyết định cách đóng quân ; cách chuyển quân và cách hành quân. Phòng thủ và tấn công hữu hiệu hay không là nhờ nắm vững được thế đất. Ví dụ như muốn phòng thủ phi cơ đến oanh tạc ta cần biết tường tận những nơi trí cao xạ và phi đạn. Bởi vì phi cơ oanh tạc cũng phải tùy địa thế (micro relief) của vùng sắp đến, một khoa mà ngày nay người ta chú ý đến rất nhiều. Địa thế đáy biển cũng có chỗ hiểm yếu cần được bảo vệ kỹ, ví dụ đáy biển nằm ở ngoài khơi Nha trang là nơi tiềm thủy đình của địch dễ đến nấp và trồi lên tấn công bất ngờ, ta khó diệt được.

Giếng nước không có ích lợi xã hội, mà cần yếu cho việc trú quân hay hành quân. Châu thổ Cửu long và Đồng Nai, ngạc nhiên thay, lại là nơi thiếu nước ngọt. Công tác đào giếng, qui mô hay không, cũng trở nên thật cần thiết.

Địa chất học là khoa học quốc nội có nhiều khía cạnh ứng dụng rất quan trọng. Riêng đối với miền Nam, nó đóng một vai trò tối quan trọng cho sự kỹ nghệ hóa nước nhà.

Đó là nguyên do sâu xa để chúng ta tìm lại vị trí xứng đáng của môn học trong nền văn hóa và kỹ thuật nước nhà. Toàn dân có hiểu được như vậy, thì chính phủ mới có thể nỗ lực không ngừng để đào tạo chuyên viên, để xây cất học viện, để trang bị phòng thí nghiệm. Kho tàng khoáng sản của miền Nam còn nhiều hứa hẹn. Hơn ai hết, các địa chất gia Việt Nam, dù có mơ ước dấn chân lên cung Quảng cũng không thể quên rằng trong thực tại, chỉ có họ mới tìm biết và bảo vệ kho tàng quý giá của lòng đất, một kho tàng mà chỉ có người Việt Nam mới có quyền làm chiếm ngụ và chỉ có người có quyền biết rõ, như biết rõ bí mật quốc phòng của chính nước họ.

trần kim thạch

NGUYỄN VĂN XUÂN

lại chữ

Vừa rồi, nhân đọc Võ Phiến ở B.K. (271), tôi thấy ông bàn đến vấn đề chữ khá hăng giữa lúc chiến tranh còn hơn là sự đe dọa mà đã là sự thực ở ngay trung tâm các thành phố. Thật là một thái độ bình thần của người muốn xoay lưng lại đến mức tối đa đối với thời cuộc. Nhưng nghĩ cho cùng, chữ là gì nếu không phải là một trận giặc nhỏ bên một trận kinh thiên động địa? Và phải chăng, chính từ ý nghĩa tranh chấp, chữ đã xuất hiện như hình thức thô sơ nhất rồi tự tìm lấy lối phát triển riêng và chậm tiến bên cạnh những lối khác, chẳng hạn dùng bạo lực và chính trị?

NHƯNG TRƯỚC HẾT CHỮ LÀ GÌ?

Theo lối định nghĩa thông thường, chữ là dùng những lời hỗn, rất hỗn bất chấp nặng đến thế nào đối với kẻ khác. Và khi có đối thoại thì đó là chữ lộn. Nhưng thế nào là hỗn? Là dùng những tiếng mà địa vị mình không được dùng để nói với người ngang hàng hoặc người trên. Đưa con nói với mẹ mà dùng lời của chú, cha mình hoặc không thưa hỏi gì đã là vô phép là hỗn, là hỗn láo. Nhưng các trường hợp như thế hoặc có nặng hơn như dùng

những lời loạn luân thì cũng chỉ mới là *nói hỗn*. Chửi còn ở trên tình trạng nói hỗn một bậc vì không chỉ dùng lời nói hỗn mà giọng và điệu bộ đã bày tỏ thái độ khinh bỉ, chống đối, miệt thị, không chỉ hỗn láo mà còn *hỗn hào*. Vậy khi cha mẹ nói: «mày chửi cha mày đó à?» là chỉ trích con vô lễ chứ chưa hẳn con đã dám chửi. Khi hai người hàng xóm nói nặng nhẹ với nhau thì cũng có thể là tình trạng đôi co, xô xát (bằng lời) mắng mỗ, nói hỗn chứ chưa hẳn chửi. Chửi phải có nét mặt, thái độ, giọng nói cho thấy tình thần người nói đã có sự biến đổi ít nhiều, nước đã bắt xủi tằm và nước có thể sôi sục nếu không khéo tự dàn xếp, không nuốt tự ái, không nhờ đệ tam nhân giải quyết. (Nhưng nhiều khi tại các đệ tam nhân mà nước thực sự vọt sôi.) Chửi có thể chỉ là chửi thuần túy nghĩa là chửi một cách hỗn hào, hoặc bao hàm nhiều loại chửi sau: Chửi bới là đào bới những người bà con, ông bà kẻ đối thoại ra mắng một cách tổng quát; hỗn nhất là dám động chạm hoặc dám gọi thẳng *tên húy* cha mẹ đối thủ ra rồi còn bảo ăn cái này, cái nọ... Chửi đến mức độ đó là cao nhất. Vì thường thường hễ phạm đến những điều ấy là có thể đánh nhau, đưa tới làng xã, nằm vạ... *Chửi rửa* là trong lời chửi có bày tỏ những ước nguyện kẻ đối thủ sẽ gặp sự rủi ro, nguy hiểm như ông Phường Chèo, bà Đỗ Mỏ hay Âm hồn Dịch bóp bắt họ đi, khi qua sông dìm, khi lên núi cộp ăn. Có khi là *chửi thề*. Không phải lối chửi thề thông thường ở Sài Gòn là gặp đâu «Đ... mẹ» đó. Chửi thề là vừa chửi, vừa thề để tự mình oan. «Nếu tau có làm, Hà bá vật tau, tau chết không thấy chồng con». Có khi biến thành một sự thề bởi hẳn hoi ở miếu khi cả hai tin tưởng chân lý mình viện ra là đúng và cần thần linh chứng giám, phán đoán «làm học máu, bóp đứt cuống họng đưa gian». Còn *chửi tục* là chửi không chút thanh nhã văn hoa gì, toàn dùng những tiếng cụ thể, chỉ những vật cụ thể như các bộ phận sinh dục, kể cả những chất/dơ ngay có kinh hoặc dể dãi, rất kém vệ sinh. Nhiều khán giả hâm mộ môn chửi (vì đời sống ngày trước rất vô sự, không có gì xem) thề mà khi nghe nhiều bà chửi tục đến độ kinh tởm phải bỏ chạy. Nhiều bà khác còn đủ can đảm cời cả q... vất lên cồ đề tên hên ra như thề mà chửi, *Chửi mắng* phần lớn là dùng tiếng chửi và lời la rầy

mắng nhiếc dạy dỗ của kẻ bề trên. Lối chửi này tuy thường xảy ra nhưng bao giờ cũng có sự hạn chế chứ không quá kinh khủng trừ khi là *chửi ghen*. Nhiều bà chủ nhà mắng đũa ở, nhiều bà di ghê chửi con chồng, bà gia chửi dâu... chửi mắng là vì phần uất, bức tức, giận dữ nhưng không muốn đánh mỗi tay, không thể rầy vì thiếu lời nói, thiếu uy thế hay vì kẻ dưới mình lì lợm quá nên chửi mắng cho hả dạ.

Lại còn có *chửi trộm* là ghét mặt ai, khi nó đi qua, lén lút chửi vài tiếng cho đã giận. *Chửi đồng* là chửi va vơ, chửi giữa trời *chửi trời*. «cha thằng nào ngựa cồ xỏ miệng vô là đại! Tao có chửi nó đâu (thề mà là chửi chúng nó). *Chửi thăm* là không dám chửi lớn mà chỉ chửi trong miệng, như trường hợp người ở chửi [chủ] nhà. *Chửi chối* là ngồi buồn, tức bực, chửi lên ít tiếng mà cũng không định chửi ai. Có rất nhiều lối chửi theo từng hoàn cảnh, trường hợp, khó nói cho hết (1).

Lại có trường hợp tự chửi: «Thằng cha, ông nội tôi ngu như vậy đó! Kệ cao tăng cổ tổ tôi» nhưng ai cũng hiểu *tôi ở đây là kẻ đối thoại*, ngôi thứ hai trong nhân vật đại danh từ.

Chửi còn có khi không chửi gì cả. Như khi thù nhau, anh A đem tên của ông cha anh B đặt cho tên con mình hay con chó nhà mình. Vậy là sinh sự với nhau rồi, huống chi gặp lúc B đi qua nhà, A lại kêu con, kêu chó mà mắng? Hay trường hợp những bà tức giận nhau rồi thì không cần chửi nhiều mà chỉ thi nhau vừa nhảy vừa vỗ... Ai nhảy cao nhất vỗ nhiều nhất và ai dám biểu diễn cả môn thoát y vũ thì thường là thắng.

(1) Chẳng hạn trong một tạp chí ở Sài Gòn (Hình như Văn Lang) có kể chuyện bà T... vợ một thượng quan ở Huế. Bà trẻ trung có nhan sắc diễm kiều và đại hỗn. Người ta kể nhiều trường hợp đơn cử một: trong một bữa tiệc lớn đủ các cụ lớn, ông T... phát biểu gì đó mà cả tiệc cười. Bà cũng cười rồi bảo chồng: Minh nghiêng tai, em nói nhỏ điều này! Khi ông nghe bà thì thầm, luôn luôn gật đầu thích thú lắm. Bà cũng tươi cười. Nhưng khi tan tiệc, người lính hầu đứng phía sau ông bà T... bảo chẳng có chi thú thích vì bà chửi: «Thằng cha cổ tổ mi, ăn nói chi mà ngu như chó Mị uống máu q...» Đó phải chăng là lối chửi riêng (à part)?

Ngoài ra, thực sự chữ chửi còn nhiều nghĩa, chẳng hạn trong câu thơ của Trần Tế Xương mang một tên công tử nghênh ngang áo quần lờ lợt tráp điệu sang trọng : « Thăng tiều Phù Lương nó chửi mày » Chửi đây có nghĩa là thăng vô giá trị đó đã ngủ với mẹ anh công tử một cách cụ thể, anh đừng làm tàng nữa.

NHƯNG TẠI SAO LẠI CHỬI ?

Trong bài của Võ Phiến, ông có trích lời Nguyễn văn Trung trong tác phẩm « Ca tụng thân xác ». « Người ta không thể chửi tục nếu không dựa trên một số niềm tin có tính chất tôn giáo ». Rồi ông Võ Phiến hỏi : « Thật vậy chăng ? Nói những câu như « Đồ mất dạy, mày cứ há hốc mồm ra thì ông ị vào »... Không biết có phải tại cố ý hiểu chữ *chửi tục* của Nguyễn văn Trung cho đúng và họ Võ phát biểu hai lần những thí dụ loại « ị » đó ? Vì như ta thấy chửi tục vẫn tồn tại khi tôn giáo hay niềm tin có tính chất tôn giáo mất. Nhưng chửi tục sẽ mất khi khoa vệ sinh cơ thể và mỹ thuật Tây phương tìm được chỗ đứng ở Việt Nam. Ví như hiện nay, nếu có phim nào quảng cáo là có nhiều con gái khỏa thân dơ đủ « đồ nghề » ra, những nhà trí thức, nhà đạo đức giả hay thật, những tay bảo vệ luân lý, những cụ giáo mang kính dày liền hăm hở chen nhau mua vé đi xem trước nhất. Vậy mà ngày xưa người ta gọi đó bằng một chữ rất thô tuy rất xác đáng « dòm l... ». Ở Hội An, trước kia có một khách trú lại nổi tiếng lừng lẫy vì những hoạt động tích cực trong ngành này và chỉ cần nhắc Hòa Chư là lớp trung niên hiền muốn nói cái gì rồi. Ấy thế mà y rất bị khinh bỉ, miệt thị. Bây giờ, ta thử tưởng tượng một cô gái cứ làm như các bà, các cụ ngày xưa mỗi khi đầu khầu kịch liệt lại thoát y thì quang cảnh sẽ ra sao ? Có lẽ « vừa chửi vừa la cũng đắt hàng » ! Sự thực, hình như các cô biết rõ tâm lý sẵn sàng xung phong của các thanh niên, học thức ngày nay cho nên môn chửi-tục-có-trình-diễn ấy gần như ít khi phô bày ra nữa (1). Còn chửi

(1) Môn chửi tục này, nếu đem qua Thụy Điển chẳng hạn chắc không có chỗ đứng.

bới, chửi rủa, chửi thề thì đúng như nhận xét ông Trung là khi nào người Việt không thờ cúng tổ tiên (phải nói thêm là quỷ thần) thì nó không còn ý nghĩa, tác dụng. Tôi nói thêm quỷ thần vì lời rủa, lời thề, lời nguyện trong chửi thường rất nhiều và vì tin sự linh ứng của các bậc đó nên mới có. Còn *chửi bới* thì chỉ do ý muốn làm tổn thương, lăng nhục đối phương và ông bà của y chứ không nặng về tin tưởng thần linh (1) bằng.

Vậy chửi là một hiện tượng của Văn hóa là một loại phong tục, tập quán nhưng thiết yếu là một sự tranh đấu, một hình thức tranh đấu trong một hoàn cảnh xã hội. Nói cách khác đi, nếu xã hội của ta có tổ chức hành chánh vững vàng, có kỷ luật nghiêm minh, có cảnh sát ở cơ sở địa phương, không có tham nhũng thì không cần có chửi. Và nhất là nếu đời sống dân chúng phong phú và công dân giáo dục được khuếch trương thì lại càng không có chửi nữa. Chửi là một hình thái không thể thiếu trong hoàn cảnh xã hội thiếu tổ chức. Trong làng tôi có nhiều bà mà tôi lấy một bà làm tí dụ. Bà rất nghèo nhưng không có tính khuất phục. Do đó, khi nào bà mất con gà là cả xóm phải biết. Thôi thì bà kêu đủ tam đại những đứa nào ăn trộm gà của bà ra mà cho nó ăn đủ thứ. Hoặc có ai đánh con bà, bà cũng dùng tiếng chửi để đối phó. Tại sao ? Tại vì bà biết nếu đi thưa với làng thì đời nào những ông tai to mắt lớn thêm đề ý đến con gà tuy nó là báu vật của nhà bà. Làng cũng không có cảnh sát để đi tìm hộ cho bà con gà hoặc bệnh vục cho con bà. Cái lệ làng ngày xưa chỉ có đánh nhau rồi *nằm vạ* mới được chiếu cố. Chiếu cố thường là *nguyên* hay *bị* gì cũng bị phạt hay thiệt thòi ráo cả. Thành ra bà đại gì mà đánh nhau vì : a/ bà sẽ thua b/ bà sẽ phải rạch mặt rạch mày để nằm vạ rồi phải nhịn đói cho được nhiều ngày để trầm trọng hóa vấn đề, mong mau được xử c/ bị phạt. Đã mất gà, con lại bị đánh rồi thân mình phải chịu thiệt thòi như thế thì tội gì ? Tốt hơn hết là chửi ! Biết hay không biết đứa trộm gà, đứa đánh con mình cũng hãy cứ chửi như nhà thơ trào phúng, kẻ làm về cứ sáng tác rồi đem đọc cùng xóm, dân cùng làng chơi !

(1) Môn chửi hỗn và thề, mà đem qua các nước vô thần chắc không có chỗ đứng.

Dân bao giờ chẳng tìm cách né tránh pháp luật và tranh đấu hợp pháp khi mình có khả năng? Thần hoặc cũng đôi khi làng bắt những người *chửi* hoặc *chửi lộn* đấy, nhưng đó là trường hợp bị những lực lượng có uy thế làm áp lực, còn thì ít khi xảy ra. Hoặc cũng có kẻ nổi xung xông vào đánh kẻ *chửi* mình, nhưng kẻ *chửi* kia cũng tinh khôn lắm! Với kẻ ngang bằng thì *chửi* thắng, kẻ có máu mặt, có sức khỏe thì *chửi xéo*, *chửi xa*, *chửi gần* hay gọi con cháu chó mèo mình ra mà *chửi*. Miễn thể nào *chửi* cho *dả nư*, *hả giận* lăng nhục đối phương và ít bị hậu quả tai hại hơn hết. Rồi thường thường tiếng *chửi* ấy vẫn có tác dụng quan trọng. Vì chính những kẻ bắt trộm gà vẫn coi chừng con gà của ai trước khi bỏ vào nồi nước sồi, nếu là của con-mẹ-hay-chửi thì « Thôi, thả nó ra! ăn của con mẹ hỗn đó rồi nghe nó *chửi* cho sưng cả ông bà à? » Hoặc « Lũ bay đừng có đánh con của con-chó-dại đó! Bay muốn nó kêu hết ba đời ra à? » Thành ra, *chửi* trước hết chính là hình thức tranh đấu của kẻ yếu, có thể, kẻ bị chèn ép và lời *chửi* là phương tiện để đạt mục tiêu của nó.

Nói vậy, không phải kẻ bề trên, kẻ có uy thế không dùng tiếng *chửi*. Nhưng chung qui nó cũng chỉ là phương tiện tranh đấu, một áp lực dùng để sửa đổi, miệt thị hay thúc đẩy công việc và thêm uy quyền cho mình. Những trường hợp này rất thông thường tuy vậy như đã nói trên, loại *chửi* *mắng* ấy tương đối vẫn được hạn chế, âm ỉ, rời rạc nhiều khi được che dấu kỹ như những cái xấu xa chỉ nên xảy ra ở buồng kín. *Chửi* *mắng* chỉ bùng ra to khi xô xát quyền lợi thực sự như đưa ở ăn cắp, con gái bỏ nhà theo trai, nàng dâu muốn lần lượt mẹ chồng trên đồng tiền, bát gạo. *Chửi* *mắng* ít khi biến thành *chửi lộn* vì con cháu ít khi dám dùng lời hỗn, lời *chửi* đối đáp kẻ bề trên nên nó tiêu biểu cho một thứ quyền lực bất công của chế độ đại gia đình, phong kiến coi rẻ giá trị con người(1).

(1) Xem như ở nước ta hiện nay, vì người ở khó tìm nên sự kiện chủ nhà *chửi* đưa ở ít khi xảy ra, chứ không như trước kia, đó là chuyện cơm bữa và nói thế, trước kia những kẻ lép vế bị *chửi* *mắng* mãi không phải không biết cách cư xử, chống đối hay trả đũa, nhiều khi rất kinh khủng đâu!

Nó cũng thuộc phạm vi nội bộ các gia đình, chứ không có những công dụng lớn lao, rộng rãi của cái *Chửi* nói chung trong xã hội và đã giữ một vai trò quan hệ trong các mối tiếp xúc giữa người với người, giữa đoàn thể với đoàn thể ngày xưa.

NHỮNG AI CHỬI!

Nhiều người sẽ trả lời liền « Thì ai hỗn mà cần *chửi* là họ *chửi* chứ ai nữa. » Đúng, nhưng chưa hẳn.

Trước hết, ta phải nhận là có hỗn mới *chửi* được. Vì nhiều người tức giận ghê gớm, giận « tràn hông trào máu » nhưng mở miệng *chửi* là run, hoặc không biết nói cái gì, cứ lờ quờ những là cha mi, mẹ mi... trong khi đó đối phương có thói quen *chửi* bới thôi thì moi hết gia phả và những cái gì dấu kín của kẻ địch phô bày ra cho thiên hạ biết, khiến cho chính kẻ địch cứng mồm, phải đem về giật tóc mai, đồ giùng vô miệng, hơ lửa cho lại tỉnh! Vậy *chửi* cũng phải quen như đánh lộn, lâm trận luôn mới dạn dĩ, *chửi* khắp thiên hạ mới có đủ ngón hay, từ ngữ mới, cách đặt câu gây xúc động, cách tạo hình ảnh khiến khiếp sợ (như bà Đỗ Mỏ, bà Phường Chèo) và những phương pháp đầy cho tấn kịch mỗi lúc một đi tới và có những phương pháp mãnh liệt triệt hạ đối phương. Không gì vô duyên bằng một cuộc *chửi* mà ban đầu thì có kho từ ngữ tàn nhẫn nhất cho ra hết rồi rồi cuộc cứ nhai đi, nhai lại nhàm chán. Cũng như không có cuộc *chửi* nào lật lẻo bằng hai bên mỗi miệng rồi thì huề. *Chửi* vậy không độc, chưa đáng gọi là tay *chửi* cừ khôi và lỗ gấp địch thủ là tay lão luyện ngành này thì đành thất bại, có khi mất cả chồng, cả sản nghiệp là khác. Lại có khi *chửi* cũng phải biết tự kim hãm. Giá dụ hai người còn cần phải giao dịch với nhau, nhưng cần cho kẻ kia biết là đừng đi quá trớn thì phải lựa lời gì và chấm dứt ở chỗ nào. Nói tóm lại, *chửi* thông thường chỉ là do sự tức giận giữa cá nhân, những nhóm người (vì vẫn có *chửi* tập thể và thủ lãnh tiên phong là tay *chửi* giỏi nhất nhưng lãnh tụ thực sự là quân sư lẫn lộn bên trong) cần phải phát biểu bằng lời hỗn hào, ra bộ tịch rất hung bạo, tàn tệ nhưng không cần đánh đá gì để thỏa tự ái, trả

đũa, trả thù hoặc đòi hỏi, tranh giành quyền lợi trong một xã hội không có luật mà *cải trị bằng lệ* (1). Nhưng vì lâu ngày, nó trở thành một nghệ thuật được đào luyện qua nhiều thế hệ (có giòng chữ) nhiều năm tháng, nhiều kinh nghiệm và đào tạo được những người chữ chuyên môn hoặc hạng chữ thuê.

Nghề chữ thường bị xem như dễ tiền nhất và không cần phải học hỏi, nghiên cứu, thật ra đó chỉ là chữ vì giận, vì tức nhất thời. Còn những ai muốn thắng đối thủ, bằng cách chữ cho hay, cho dai phải:

a) Giọng nói thật to, thật tốt, càng tốt chừng nào càng phát biểu rõ ràng rành rọt — Giọng phải uyển chuyển để có thể lên xuống, nhấn mạnh những chỗ cần mọi người để ý, đối phương xúc động, ăn nói phải lưu loát và có óc sáng kiến về cách đặt câu, chọn chữ. Nói tóm lại, phải có tài hùng biện, đối thoại thật linh hoạt, biết mở đầu và kết thúc khéo léo.

b) Phải có cơ mưu quyền biến, tùy người, tùy nơi, tùy việc mà đương đầu, chứ không phải bạ lúc nào cũng xông ra để hứng sự nguy hiểm. Phải khôn ngoan biết chọn địa điểm để có đường tiến và thoái.

c) Phải có óc nhớ dai, biết nhiều, hiểu rộng để chờ đối phương có lệch lạc, nhược điểm gì thì tung ra. Nếu không nhớ thật kỹ những sự việc đã xảy ra, hoặc mình làm ơn, hoặc cha mẹ đối thủ làm bậy, ông bà nghèo nàn khốn nạn ra sao... hay không hiểu những nhân vật, phong tục, làng xã, vấn đề cho vay, thuê má, cung cấp, thuê mua, bệnh hoạn súc vật, hàng hoá lên xuống... thì lấy gì mà cãi, mà biện bác, mà đối thoại sát-sàn-sạt mà chẹn họng đối thủ?

d) Phải biết cách theo dõi đối phương để phản ứng kịp thời bằng lời nói hay cử chỉ. Phải vạch rõ những mâu thuẫn trong lời biện luận, những sai lầm trong việc kể lể, những điều láo xược của nhân chứng. Phải biết cách trào phúng đánh trống lảng bằng

(1) Dù có luật chẳng cũng xin các luật gia đừng đem ni ra mà bắt bẻ kẻ viết bài này. Vì một lẽ dễ hiểu là cơ sở xóm làng xưa, chẳng ai cần biết luật mà chỉ cần biết lệ trong các hoạt động thông thường. (Phép vua cũng thừa lệ làng).

lời, lối bịch hóa bằng cử chỉ để làm nhục đối phương. Phải biết tâm lý khán giả để kéo họ về hùa với mình, ngấm ngấm ủng hộ mình hoặc cười chê đối phương.

Nhiều người không quen nghe chữ mà đọc thấy những lời trên đây thì tưởng e kẻ viết bài này làm nó với một cuộc cãi lộn. Thật ra, muốn chữ lâu dài để thắng đối phương không chỉ bằng lời lẽ mà còn bằng cả hơi sức và thời gian nữa. *Chữ lộn* không phải chỉ dùng lời hỗn, lời tục mà đủ thắng và thắng như thế đâu phải vinh dự. Chữ lộn còn thắng bằng chính lời lẽ, sự lý, tuy mỗi lời lẽ, sự lý không phải bắt đầu bằng « thưa anh, thưa chị » mà là « Tồ cha mi ! thắng đầu giấy nhà mi mi có nhớ không.. ? » Ngày nay nọ, tháng kia cao tăng đũa nào mang cái mặt méo xệch vô lay dưới đáy quần tao mà mượn hai chục (giả giọng y như đối thủ): « Thưa chị, chị cho em mượn đỡ, đúng ba ngày em đem sang trả chị. Em biết là chị... » Ba ngày rồi ba tháng. Đồ chó đẻ cứ rúc trong bếp vv... và vv...

Có thể nói là nếu kiểm duyệt những lời chữ, tiếng hỗn, tiếng tục... thì một trận chữ lộn là một cuộc tranh luận quá lớn tiếng, nhưng vẫn có nội dung và lối tranh luận thường rất linh hoạt, lời lẽ lưu loát đôi khi đầy ý nghĩa mà *nhà văn học, xã hội học phải lưu ý*.

Người nghe chữ thường không thiếu dù vẫn bị kẻ bề trên mắng. Và loại khán giả này rất giữ ý, ít khi biểu lộ rõ ý kiến ngoài tiếng cười. Vì sợ bị... chữ lây ! (Thật ra, muốn viết về khán giả chữ cũng mất mấy trang, nhưng sợ lạc đề!)

Chuyên môn chữ là một số đàn bà rồi cá. Hạng này vì sống riêng biệt, ít tiếp xúc với những đám dân khác lại buồn phải món hàng *dễ ươn, dễ thối* một cách *nặng nhọc* nên hay sinh nóng tính, hỗn hào. Nhiều người hờ cái gì cũng chữ, chữ cộc cằn, thô bạo. Nước ta vẫn có thành ngữ « *Hỗn như rội cá* » hay « *ăn nói kiểu hàng tôm hàng cá* ». Yếu hơn hạng bán cá là hạng ở ghe, hạng bán thịt, hạng cho vay nhỏ, hạng thu thuế chợ, bán rau hành, tạp hóa thường ở chợ nhiều hơn là các khu vực khác. Thân hoặc cũng có đàn ông biết chữ ngon lành. Nhiều ông sợ chữ mang tai tiếng nên phải uống vài chén rượu, giả say rồi lên giọng lẽ nhe đi cùng xóm trên, xuống xóm dưới, chữ lung tung. Nếu có ai bắt vạ thì họ

đồ lỗi cho là rượu chữ chứ không phải họ. Nhưng ở thôn quê, ít ai muốn dính dáng, lời thôi gì với những tay chữ nhất là khi họ rạch mặt, rạch mày chuẩn bị hành hung như Chí Phèo (Truyện của Nam Cao, nhiều người biết tiếng). Thường các ông chữ là vì quyền lợi ruộng đất hay ăn uống chiếu trên, chiếu dưới ở làng và họ bị lép vế, lép vế.

Còn những tay khá giả, những hạng cho vay,... thì họ không cần tự mình chữ lấy vừa *bần miêng*, vừa phí sức, vừa tự hạ mình ngang bằng đối thủ. Họ thuê những người chuyên nghiệp. Ngày trước, chúng ta vẫn có những người chuyên khóc đám ma và chuyên chữ thuê. Hạng này là hạng phụ chân thu thuế chợ, tay sai của những người cho vay, ăn mầy phưởng (tức là có giọng dõ ăn mầy) hay ăn không ngồi rồi, bay mưa đặt kế... Những người chữ thuê có thể tự do đến đòi thắng tiền nợ cho chủ rồi tìm cách chữ như chính mình đòi nợ cho mình. Hoặc chữ ghen thì tìm đến đương sự, gây chuyện cho có duyên cớ mà chữ, trong cuộc chữ tuy là *chữ nhau*, nhưng ai cũng biết là kẻ chữ thuê *chữ cho ai*. Tiến lên một bước, khi chữ không thành công, một đôi khi có thể kẻ chữ thuê, nằm lì ra đó ngày này ngày nọ tự do ăn, ỉa. Còn việc nhờ *anh chị* ra tay thì ít khi thấy xảy ra ở thôn quê và nó đã trở thành vấn đề khác. Bởi cái chữ phần lớn tự nó đã được *giới hạn bằng ngón tay và cử chỉ thích đáng* chứ ít khi được dẫn sang phương diện khác và người chữ thuê nhiều lắm là nằm lì, đuôi không về, lạy không đi, chờ cho tới khi thành đạt được yêu sách bằng cách bắt bạo động. Nếu chuyển sang bạo động, có thể chủ thuê không chịu trách nhiệm. Tiếng chữ trong trường hợp này trở thành công cụ của kẻ mạnh nhưng tin ở sự hữu hiệu của luật pháp.

Ngoài ra, ta cũng nên biết thêm là không phải hạng tuổi nào chữ cũng giỏi đâu ! Các cô con gái thường chữ dở vì thiếu kinh nghiệm và chưa đủ danh từ cho kêu. Phải trên dưới bốn mươi, sức lực cương cường và *không quan tâm đến sự e thẹn* (các cô gái khó có thái độ này) thì chữ mới mạnh nhất, hay nhất, dai nhất. Có người chữ liên tiếp nằm bấy ngày không mỏi, không vấp. Sáng dậy chữ luôn, nghỉ ngơi, ăn cơm, ngủ rồi lại cho máy phát thanh

lên tiếng. Có khi họ chỉ chờ chiều về ăn cơm xong là chữ đến khuya rông rả nhiều ngày oang oang cả xóm làng.

Chữ mà nhiều người thích nghe là người Bắc ở các thành thị lớn. Giọng đẹp, thanh, nhiều câu, lời văn hoa và cũng nhiều *lời không thể tả*. Người Huế cũng tỏ ra không thua các chị em ở chốn ngàn năm văn vật bao nhiêu: chữ có pho có sách, câu kéo linh động nhịp nhàng. Đàn bà Sài Gòn tuy lịch sử chưa lâu dài gì, nhưng môn chữ xem ra cũng có hạng lắm. Các tỉnh lẻ thì lời chữ chưa mấy nơi được điều luyện bằng.

Chúng ta ít đi vào các chợ, chứ chợ nào thường cũng có một vài bà *chữ* được thiên hạ ngán lắm. Nhất là ở phía sau chợ, nơi hàng cá, hàng thịt. Nhưng ta phải nhìn nhận một sự thực là môn chữ xem ra càng ngày càng suy yếu dần. Trước 1945, nó rất phổ biến. Sau đó, những sự cải cách trong làng xã, những buổi tập ăn tập nói, những lời kiểm thảo phê bình, bắt học tập và nhất là bị tiếng chữ mạnh gấp trăm ngàn của đại bác, liên, thanh đã làm cho những tiếng chữ nặng quyền lợi cá nhân giảm sút và nhiều nơi như mất hẳn. Bây giờ, chỉ còn những thành phố mà chiến tranh chưa đến viếng, nhất là nơi chợ búa, tiếng chữ vẫn còn, nhưng chỉ còn sức thu hút như tiếng thút thít của đứa trẻ con sau khi khóc xong chưa chịu nín hẳn... Và nói thế tức nghệ thuật chữ không còn gì đáng kể nữa mà chỉ còn là những vụ nói hõn, chữ hõn một hồi...

TƯƠNG LAI CỦA MÔN CHỮ —

Cũng theo Võ Phiến (trong bài báo ấy), linh mục Trương đình Hòe đang soạn một luận án tiến sĩ về ý nghĩa cái chữ Việt Nam. Thường người ta nói những ai kém môn nào hay chú ý về môn ấy. Người Trung có óc thực tế trong đời sống nghèo nàn thì hay mơ mộng làm thơ và thơ hay. Người Nam kém chính tả nhất nên ông Lê Ngọc Trụ viết sách dạy chính tả và sách ngữ vựng. Một vị linh mục mà bảo chữ thì chắc không bao giờ, nhưng có lẽ vì thế lại càng nao nức muốn biết và có thể đề ý đến những khía cạnh không ai ngờ. Nhưng kẻ ra một cái luận án tiến sĩ loại ấy chắc chỉ có

thề có một giá trị tiêu cực dù hay bao nhiêu đi nữa. Vì dân Việt, Nam xem ra yếu môn này và ai cũng mong đẩy nó vào dĩ vãng bằng những cảnh sát viên đứng đắn, những vụ phản xử nghiêm minh, những luật lệ tôn trọng danh dự và quyền lợi cá nhân... và nhất là bằng chính sự thảo luận. Vì không hay thảo luận, không có tập quán thảo luận nên phải chửi, chứ nếu đã thảo luận giỏi, tranh luận hay thì có thể dàn xếp được, không đến nỗi cộc, nổi dóa, nổi hỗn, nổi chửi.

Nhưng trong cái dở nào cũng có cái hay. Những kẻ quen chửi, những vùng quen chửi là kẻ dám đương đầu và vùng có tài đấu khẩu. Do đó, những kẻ, những nơi ấy khi học thảo luận, tranh luận họ sẽ có những khả năng gần như thiên phú để thành những tay hùng biện cừ khôi. Và chúng ta đang chờ những nhà hùng biện nhiều nhà hùng biện.

nguyễn văn xuân

NGUYỄN HỮU NHẬT

MƯA TRONG THƠ TÔI

giọt sa chủ ý tình buồn
giọt chao lã chã những cơn phớt mây
con qua keo lạnh tháng đầy
xui tôi phận mỏng thân vầy khổ sai
giọt nao loáng thoáng tóc dài
hâm hơi thở cũ giọt ngoài người ta
phần chia cửa sổ kính nhòa
phần đêm thiếu phụ phần xa ngóng phiên
nửa mai tạnh trận hai miền
ô che thư thả người biên thùy về

TÌNH ĐAU

nung tôi gạch đỏ tình người
vật đau sờ chỉ sợi dài xót chia
người còn bọt sủi ly bìa
những chân râu xót lắm lý phiền gương
yêu người chẳng đã nguôi cơn
theo mưa lá đỏ về nguồn khe sâu
cuộc bầy bông chốc đêm thâu
giường lơ tiếng động còn sau này thì
tưởng người mỗi bước chân đi
chứa gai độc nhọn thay vì trăm hoa

nguyễn hữu nhật

MANG VIÊN LONG

trên đình tháp chuông

Khi Tiên đầy cánh cửa nơi cổng bước vào cô nhi viện thì một người lính Mỹ áo mở cúc để lộ khoảng ngực trần vạm vỡ với chòm lông đen mọc tua tủa chấp chới đi ra trên tay còn giữ chai rượu đã mở sẵn nắp, gương mặt hần đỏ như, màu đỏ như đang trở màu tím thắm đôi môi hần đỏ còn đọng trên những cọng râu cứng bên mép. Đặc biệt đôi mắt hần đã đại hần đi, trông bắt ớn. Đó là đôi mắt có chút màu xanh long lanh nằm sâu hút trong một màu đỏ ửng chong hực lên như muốn dồn đuổi, thu bắt hết mọi hình ảnh chung quanh. Tiên lui lại bên bờ tường, nhường lối cho hần, lòng ái ngại. Hần quơ tay lên cao, chụp xuống một cánh cổng, nhào người ra ngoài. Chai rượu đã tuột khỏi tay hần, bể vung vãi trên những tấm vỉ sắt lót đường. Hần cúi mặt ngần ngừ nhìn lên vũng bọt rượu, miếng chai vụn một lúc rồi gặt gù bỏ đi. Chân tay hần bắt đầu run rẩy, co giật như người vừa chui ở nước lên vào mùa rét. Đi chấp choạng ngã chúi tới trước được mấy bước, hần ngoái cổ nhìn lại cô nhi viện. Tiên nhận ra vẻ già nua của hần trong dáng dấp gầy mòn, cần cổ; cùng với mái tóc đã bắt đầu điểm bạc...

Di Lucia lấp ló sau khung cửa kính. Qua tấm kính còn mờ ẩm hơi sương đóng khung khuôn mặt, Tiên trông thấy Di rộn

ràng về hốt hoảng chưa được kìm giữ. Đôi mắt mở tròn cổ hủ trong cơn sợ hãi ngạc nhiên, và nước da Di xanh mét không còn chút máu. Thấy Tiên, Di vội vã rời khung cửa. Ở dãy nhà sau chị Hà rụt rè với nửa khuôn mặt thấp thoáng sau tường. Trong sân vắng bóng lũ trẻ, có lẽ chúng được dồn đuổi hết vào các lồng gỗ trong nhà ăn. Tiên bước lên mấy bậc thềm, tới chỗ Di Lucia đang chờ dưới giàn hoa giấy, bên cái kệ đá dài.

Khuôn mặt Di đã trở lại nét bình yên đậm đà, gần gũi. Di hỏi Tiên ông lính say rượu lúc nãy đi đâu. Tiên nói hần đi xuống ngã quận hay chợ gì đó. Có lẽ hần đi không được xa đâu, bởi hần đã yếu lắm. Di ngồi xuống kệ đá, vuốt bàn tay nhẹ nhàng lên ngực, giữ yên nơi đùi. Di kể ông Mỹ già đó thường lui tới đây hoài, bạn nào cũng mang theo chai rượu, say mềm. Có hôm mặc đồ lính cũ rách, xốc xếch, dơ nhớp; có hôm mặc đồ thường, ướt sũng bọt rượu. Lão tới đây đòi xin cho được con Na. Con bé Na cậu biết chứ? Hễ lão tới là như lúc nào cũng say khướt ở đâu rồi đó, làm cho con bé nó sợ lão. Lão sẵn tới đưa cho nó hộp bánh, bông nó đi một vòng, rồi cười giỡn với nó một hồi, lão hết biết gì nữa. Lão làm con bé sau này cứ nhìn thấy dáng lão là nó bỏ chạy, khóc ròng. Lão bảo cho con Na cho lão nuôi, lão sẽ đem về Mỹ...

Tiên nhìn vào mặt Di, thoáng thấy Di bồi hồi:

— Di nghĩ sao?

Di Lucia sẽ chép miệng cười:

— Cậu nghĩ, chúng tôi nuôi con bé Na đã mấy năm nay, từ lúc nó chỉ được vài tháng. Nay nó bắt đầu lớn, làm cho cả viện ai cũng vui. Có nó đó, cũng như những trẻ em khác, nhưng mấy soeur đã dành cho nó nhiều tình thương hơn bởi nó nhỏ xíu, lạc lõng hơn. Vậy mà lão Mỹ già tới đòi xin, bạn nào cũng say mềm. À, hình như lão có bệnh kinh phong gì nữa đó, cậu. Tôi nghĩ, ở đâu có thể lo cho nó đầy đủ, sung sướng là được. Chúng tôi không giữ nó lại làm gì, nhưng lúc này thì không thể được. Lão Mỹ già đó cũng sắp sửa được về Mỹ rồi, lão tới một ngày hai ba bạn lặn... Lão say sưa bệnh hoạn, con Na sẽ khổ. Với có một chuyện nữa mà tôi dứt khoát không thể cho bé Na cho lão được...

Tiên băng khoảng, hỏi:

— Thưa Di, chuyện gì vậy?

Đôi mắt Di nhìn lơ đãng ra khoảng sân trống, buổi sáng hiu hắt giăng mờ những giọt nước mưa thưa. Chợt Di cúi xuống nhìn đôi bàn tay, mẩn mê một chốc. Di Lucia ngừng lên nhìn đứng vào mắt Tiên (cái nhìn cổ hữu của Di khi Di sắp muốn nói một chuyện gì quan trọng, ần ứ). Di thở dài, giọng cứng:

— Hôm qua đây tôi có tiếp ông Macvill, cố vấn viện trợ trong quân. Ông ta tới bảo chúng tôi nên cho con Na cho lão Mỹ già hồi đó. Tôi trình bày rõ ràng rằng chúng tôi không giữ con bé lại làm gì, miễn khi rời viện chúng tôi biết được đời nó sau này sẽ vui sướng. Sẽ thanh thẳng trong tình yêu thương bao la của Chúa. Nhưng bây giờ thì chưa có thể, bởi con bé còn quá nhỏ, còn lão kia thì lúc nào cũng nồng nặc mùi rượu. Có thể nào lương tâm chúng tôi yên ổn được khi sự ra đi của một trong những người con trong viện có một ngày mai không sáng sủa? Hơn thế, các ông nên nghĩ tình yêu thương đã buộc chặt chúng tôi với hầu hết những đứa trẻ ở đây thấm thiết. Cắt đứt tình yêu thương đi, không phải dễ dàng như mấy ông tưởng. Nghe tôi nói, ông Macvill đã lên giọng hăm dọa. Ông ta làm in như ông ta có toàn quyền trên đất nước này. Ông bảo nếu viện không cho con Na cho người Mỹ đó, thì tự hậu viện sẽ không nhận được sự giúp đỡ nào của Mỹ, của các cơ quan từ thiện. *Bà phải chọn một trong hai trường hợp đó đi?* Tôi trả lời dứt khoát, không thể được. Không thể có sự đánh đổi, buôn bán, trong việc này. Chúng tôi không làm công việc nuôi trẻ mồ côi (dù Mỹ hay Việt) để bán đi với mỗi tháng ít chục thùng dầu, bột bắp, gạo, hay vài thứ vật dụng đã phế thải khác...

Tiên ái ngại nhìn Di Lucia:

— Rồi thằng Macvill nói thế nào nữa, Di?

Di lại nở nụ cười se sắc, buồn bã:

— Ông ta [giận dỗi bỏ đi... Tôi chắc lão Mỹ già kia đã nhờ ông ta tới can thiệp.

Dừng một lát, Di lại nhìn mơ hồ ra sân. Mưa loáng thoáng trong ánh nắng: Tiên đã nghe tiếng lao xao đọc kinh, ca hát của lũ trẻ trong viện phía sau nhà chơi. Tiếng Di lại vang lên như nói với khoảng không:

— Tôi cũng vừa nhận được một giấy can thiệp của ông quận,

Ông quận cũng khuyên chúng tôi nên cho con bé cho lão Mỹ nọ, nhưng phần quyết định tùy thuộc vào qui viện. Người đưa thư là gã thông dịch viên của ông Macvill. Gã lại quyến dụ chúng tôi còn hơn ông quận, và hăm dọa chúng tôi còn hơn ông Macvill. Tại sao gã có thể nghĩ được rằng, chúng tôi sẽ ưng thuận với sự đòi chác bản thiêu này với những quà tặng, thực phẩm, vật dụng?

Chật Di Lucia quay lại nhìn đứng vào mắt Tiên:

— Cậu nghĩ như thế nào?

— Thưa Di, những gì Di nói rất giống với ý nghĩ tôi...

Di lại mỉm cười:

— Tôi chỉ biết làm theo sự dẫn dắt của Chúa. Lạy Chúa hãy giúp con...

Nắng làm tan hết những sợi mưa ngoài trời, nắng rực rỡ hồng ảm trong sân. Những khóm hoa vàng dưới chân tượng Đức Mẹ bừng dậy tươi tỉnh khác thường. Ngoài cổng, hàng bạc hà rũ bóng lấp lánh nước trong vũng sáng chói chang. Cỗ xe ngựa rập rình chạy qua cổng viện mở hờ, những người đi lễ mượn vội vã xuống phố...

Di Lucia trở vào phòng riêng, cúi đầu trên bàn máy đánh chữ. Tiên bỏ ra nhà sau, nơi lũ trẻ đang tụ nhau đùa giỡn. Tiên dừng lại bên bé Na. Con nhỏ lai Mỹ có tóc vàng hoe, đôi mắt lớn nhiều màu xanh, nước da trắng hồng. Nó xấu hơn những đứa con lai khác ở lỗ mũi hơi lớn, thô kệch. Nhìn chung, nó vẫn có vẻ quyến rũ của một đứa trẻ hai giòng máu. Thấy Tiên, nó chạy tới đưa hai tay đòi bồng. Nụ cười nó mở rộng, tự nhiên. Thằng nhỏ có bốn phen coi sóc cho cả lũ nhỏ lắc chắt kéo nó lui lại. Nó vùng vằng, nhào tới. Thằng nhỏ bảo nó nằm xuống, chổng mông lên cho nó đánh, nó làm theo lời cũng tự nhiên. Thằng nhỏ đập vào mông nó một cái, nó ngừng đầu lên nhìn Tiên, cười. Chị Ha ở dãy nhà nấu ăn đi ngược lên, nói với Tiên, anh xin con bé đó không? Tiên đùa bảo nó là giống Mỹ, đầu có ở lâu với người Việt Nam mà nuôi cho mất công. Chị Hà kể lại trường hợp của bé Na được viện nhận nuôi như sau: Buổi chiều nọ có cô gái bồng bé Na tới. Bé Na mới có mấy tháng. Cùng đi với cô gái, có người đàn ông, hình như chồng của cô gái sao đó. Nghe lời thuật, cô gái trước khi lấy người đàn ông kia đã đi làm trong Sở Mỹ. Cười nhau chưa được nửa

năm, cô gái đã sinh bé Na ra. Người đàn ông hết mực thương bé Na, cứ ngỡ vợ sinh thiếu tháng. Lâu dần, bé Na phẳng phất đáng một đứa nhỏ lai, cả xóm đều bàn tán, xàm xi. Người đàn ông cũng nhận biết đứa nhỏ không phải con của mình, bàn tính với vợ đem cho, cho xong. Cô gái ngán ngừ, rồi cũng chịu. Tới viện, cô gái ngồi mãi không chịu về. Người đàn ông bỏ đi, cô gái lẻ đẽo theo sau. Từ chiều đó, không còn thấy tăm dạng của cặp vợ chồng đó nữa...

Tiên nói:

— Đã hư thân cò lưu luyến với tội lỗi của mình, thứ con gái đó có đem chém đi cũng không ai thương mà.

Chị Hà cười:

— Anh nóng dữ. Thời này, thiếu gì con gái hư...

Tiên định nán lại chơi với lũ nhỏ một hồi, xưng mình là ba, gọi chúng là con; để được làm cha con giả một lúc cho vui nhưng chợt nhớ tới Sa, Tiên hỏi chị Sa, Tiên hỏi chị Hà:

— Mai giờ có cô Sa xuống đây chứ chị?

Chị Hà cài lại những cúc áo hở của mấy đứa ngồi ngoài bờ gỗ miệng đang la hét những bài hát gì đó. Tiên không nghe được câu nào ra câu nào trong những âm thanh ồn ào, lộn xộn, ngóng nghệu của chúng. Ở mỗi vẻ mặt đó, Tiên vẫn nhận thấy nỗi ngơ ngác lạc lõng, âm thầm, cho dù chúng có ngồi cùng nhau mà hò hét như bây giờ. Một thế giới đau khổ, bơ vơ, lạnh lùng có thể tìm thấy ở trong viện này. Nhìn chúng, người ta có thể nhìn thấy được nỗi chua cay, khốn đốn, bần thủ của đời sống. Cô nhi viện là nơi thu góp lại những bất hạnh đó. Chị Hà gần gũi chúng, chăm sóc chúng, buồn vui bên chúng đã lâu, nên trông chị cũng có vẻ gì lơ ngơ, lảng lẽ, tội nghiệp của một đời người con gái góa bụa, mất hết niềm tin yêu; quay về với những an ủi vớ vẩn về trong sự đau xót của kẻ khác.

Chị Hà quay lại nhìn Tiên cười. Nụ cười khác lạ có nơi chị khi nghe Tiên hỏi tới Sa. Chị hỏi:

— Anh tìm cô Sa chỉ mà tìm hoài vậy?

— Có chút việc ở trường mà...

Chị Hà đứng thẳng dậy, quay mặt sát bên Tiên:

— Cô Sa tập múa, tập hát bên phòng Di Thérèse...

Tiên nói, tôi đi, chị; rồi quay trở ra sân, tới phòng Di Thérèse. Căn phòng ảm dẫu trong tàn bóng cây dày, hơi tối, vắng vẻ như cuộc sống Di. Hơi mát quần quít gót chân khi Tiên rẽ từ lối sỏi đi xâm xâm vào bãi cỏ tìm tới cánh cửa sổ mở.

Di Thérèse nhìn thấy Tiên lộ đầu lên khung cửa, niềm nở cười, gọi:

— Cậu Tiên, Sa này...

Sa đang mãi mê dẫn dắt một bầy con gái nhỏ trạc mười, mười hai tuổi uốn éo theo điệu múa lễ nghe gọi, đứng khựng lại nhìn Di Thérèse. Di chỉ tay ra khung cửa sổ. Sa nhận ra Tiên đang đứng sững sau khung cửa kính. Rất nhanh, Sa tới mở cửa lớn cho Tiên vào.

— Chào Di...

— Cậu đi tìm cô Sa?

— Dạ.

Sa đề Tiên ngồi nói chuyện với Di Thérèse, tiếp tục điệu múa bỏ dở. Bầy con gái sốt sắng bắt chước từng dáng điệu của Sa rất dễ dàng. Hình như những điệu múa, bài ca, đã làm chúng yên vui hơn bao giờ.

Di Thérèse nhìn lũ nhỏ đang tập múa, cười:

— Chúng thích tập ca, tập múa lắm. Vắng cô Sa lâu, chúng cứ hỏi sao cô giáo không thấy tới Di...

Tiên cười theo Di:

— Cô giáo Sa làm biếng lắm mà, Di. À, Di định chuẩn bị cho ngày lễ chắc?

— Vâng, cũng định tổ chức trong buổi chiều... Nếu rảnh, mời cậu ghé lên chơi với mấy em cho vui? Ở đây tổ chức sơ sài thôi.

Tiên cười do dự bởi nghĩ tới cái hẹn của Sa trong suốt ngày lễ, nhưng Di như đọc được ý Tiên, Di nói:

— Chiều đó cô Sa cũng đã nhận lời tới giúp viện rồi đó...

Tiên dạ nho nhỏ, hơi ngượng với Di. Có lẽ nào Di cũng đã có thời yêu thương như Sa, như mình? Di có biết tình yêu là gì không nhỉ? Tiên nhìn lướt qua khuôn mặt Di che lấp bởi mảnh vải đen âm u, buồn bã. Di không có gì khác những người con gái mà Tiên đã gặp. Di rất đời giống Sa kia, nếu Di cởi bỏ lớp áo

chùng đen dài thướt. Trong ánh mắt, nụ cười, tiếng nói của Di, Tiên không tìm thấy điều gì khác lạ. Chỉ có một vẻ sâu kín, ẩn ức nào đó quyến rũ thôi. Thì ra, tấm áo choàng đen đã che chở cho Di được nhìn ngắm với vẻ xa lạ ; nhưng Di không có gì xa lạ hết. Di có nhận ra thế không ? Chợt Di Thérèse quay lại nhìn Tiên, hỏi :

— Ở trường cậu có tổ chức gì không ?

— Nhân tiện cũng có bữa tiệc nho nhỏ...

Sau câu hỏi, Di Thérèse hơi cúi mặt, như cố tránh đôi mắt thoáng bắt gặp của Tiên đắm đuối nhìn Di. Tại sao Di lại lảng tránh những ánh mắt đó của Tiên ? Di chạy trốn những ánh mắt cùng nỗi xao xuyến tìm tòi với Di được à ? Lại một nỗi dằn vặt khó người đến trong đầu Tiên về mối bận gặp mặt Di nữa. Rất thoáng qua, rất mơ hồ, nhưng Tiên đã có lúc nghĩ tới Di Thérèse như nghĩ tới một cõi nào xa xôi, êm ái...

Ra tới sân Sa ngược nhìn trời, bầu trời sà xuống thấp khép kín mây mù. Gió từ mặt đồng trước cổng viện thổi dạt vào thật lạnh. Cái lạnh ngầy ngất, âm u của mùa đông với nỗi hoang vắng đã được của khu nhà cô nhi tối sập bóng cây. Nghe bước chân của Sa, Di Lucia vội vã mở cửa chạy ra

Sa cúi đầu chào :

— Thưa Di, con về...

— Cho Di gửi cái này...

Di trao cho Tiên tấm giấy mời vừa được đánh máy Tiên đọc lướt qua, nói cảm ơn Di đã nghĩ tới. Di khoát tay cho Sa ra cổng' vội vã trở vào phòng. Sa đi cạnh Tiên nhỏ bé như một con chim, nói cuộc sống của mấy Di thật đẹp. Tiên nhìn nàng bảo em thích được như vậy không ? Sa lại nhìn vào mắt Tiên, một thoáng im lặng, nàng bảo thích, thích lắm, nhưng đâu phải dễ dàng mà được sống yên ổn trong tình yêu thương của Chúa. Kể nào có phước lắm mới có thể ở lại Chúa chứ anh. Tiên nghe rõ trong giọng Sa một vẻ gì ghen ngào, buồn bã. Có lẽ nàng lại nhớ tới chuyện của Hinh. Hinh đuổi bắt nàng như người bủa lưới, giăng câu ; còn nàng thì lẩn tránh với nỗi sợ hãi. Càng ngày nàng càng cô lẻ trong nỗi buồn, chơi vơi trong niềm hốt hoảng ám ảnh. Nàng đã kè hết cho

Tiên nghe từ đầu chỉ cuối cuộc tình ngang trái của nàng với Hinh : Em không ngờ trên đời lại có kẻ ngu muội đến nỗi bỏ phí cuộc đời để chỉ giăng bắt một cái bóng. Trong gia đình, em bắt đầu thấy hết nơi đề nương tựa, an ủi. Mọi người như cùng rủ nhau cảm thông, bắt em nằm lại với lời cười hỏi của Hinh. Anh nghĩ có nỗi buồn chán nào hơn cho một người con gái phải ung chịu một cuộc gấn bó ngoài ước mơ của họ không ?

Tiên nhìn xa đến ngôi nhà thờ bên kia cánh đồng, đã có bóng người đi nguyện trở về. Cén đường đất ngoằn ngoèo ẩn khuất trong bờ ruộng, lùm cây mù mờ êm dịu lạ. Khi cả hai qua hết bờ tường của dãy nhà cô nhi, trời bắt đầu mưa. Tiên mặc áo mưa cầm sẵn, giữ lấy tay Sa cùng nàng xuống phố...

Tiên và Sa tới trường thì sự việc đã được xảy ra xong xuôi, nhưng vũng máu và ngôi nhà cạnh trường dùng làm trụ sở ấp chấy sắp còn đó. Lũ học trò đứng bu quanh vũng máu, và ngóng cổ nhìn trụ sở ấp bị đốt phá còn vương vất khói. Đêm rồi những người trên núi đã mò xuống đây...

Lũ học trò thấy mặt Tiên, òn ào lên :

— Thưa thầy, ông Cai bị mìn thầy...

Nhìn xuống vũng máu đã đen, rỉ từng dòng theo mạch nước chảy loang trên sân cát, Tiên biết việc gì đã xảy ra. Mọi người nhón nháo ủa ra khỏi sân trường, tản mát vào các ngõ hẻm theo sự dàn xếp trật tự của mấy người lính dân vệ, xây dựng nông thôn. Lũ học trò được Tiên nhốt vào các phòng học bằng một hồi kiếng. Sân trường còn lại cái không khí im vắng, hiu hắt của một đám tang còn nồng hương khói đằng nhà ông phu trưởng bốc lại. Sa e dè theo Tiên từng bước, trên nét mặt của các bạn đồng nghiệp luống tuổi, Tiên bắt gặp nhiều nỗi hoang mang, khó xử. Họ thần thờ ở hiên lớp, nhìn mông lung lên dãy núi trước mặt trường. Cánh đồng trống trải lặng lẽ phía sau như còn lay động bàn chân, hơi thở của đám người lúc đêm lên vào đốt ấp.

Tiên bước tới trước xác người phu trưởng già được bỏ nằm trên mảnh chiếu cũ, mặt phủ giấy trắng. Bà vợ lão phu trưởng ngồi khóc sùi sụt dưới chân. Bà kè lè than khóc gì đó, Tiên không

nghe rõ. Bà oán trách réo gọi gì đó, Tiên không để ý. Chỉ có xác lão phu trường nằm lạnh lùng đây đã làm Tiên nghe đau thắt trong lòng. Như vậy từ nay, cả xóm, sẽ không còn kêu ca lão về thói uống rượu như nước lã nữa. Vợ con lão cũng chẳng phàn nàn lão lèm nhèm tối ngày. Lũ học trò hết chọc ghẹo lão múa võ, rượt đuổi mỗi bận xin Tiên được tiền mò ra quán uống đã bao từ mới chập choạng trở về. Cuối cùng, quý thầy qui cô sẽ không còn đề nghị trong biên bản cuối tháng rằng yêu cầu ông Bảy đóng ngay các cánh cửa lớp để khỏi mất sổ sách, hình ảnh trang hoàng, mỗi khi nghe tiếng kiêng báo mần giờ. Bây giờ ông chẳng cần gì nữa, ngay cả rượu.

Ngày Tiên tới thế việc thay cho người hiệu trưởng cũ bị Ty rập tâm trình tấu với bộ, bị bãi chức vĩnh viễn ; ông Bảy đã rứt Tiên đi uống rượu. Đang buồn, Tiên cầm tay lão ra quán. Từ đó, lão cứ kè nè bên Tiên mỗi lúc thềm rượu mà không còn một đồng. Câu chuyện về lão làm Tiên tức giận, nhưng cười mãi sau đó là buổi đại hội phụ huynh học sinh hôm đầu niên khóa. Trước đông đảo phụ huynh học sinh, ông phân hội trưởng vừa bước lên bàn, đọc :

— Kính thưa quý vị, hàng năm đến độ nhà trường khai giảng ; trên toàn quốc nói chung, ở xã nhà nói riêng, chúng ta hội họp lại để tổ chức ngày đại hội...

Ông phân hội trưởng đang ngon tròn trĩnh trọng đọc diễn văn khai mạc đại hội thì lão phu trường lừ đừ bước vào mặt mày đỏ lửng, áo quần bê bết đất bùn, sấn tới giành lấy tấm giấy trên tay ông phân hội trưởng, đọc lấp bắp mấy câu không có viết trong tấm giấy rồi ngã quỵ xuống đất ọe mửa. Vợ con lão phải lằng xằng khiêng lão vào nhà, lục trong túi lão tìm xâu chìa khóa để đóng cửa các lớp học giúp lão.

Sau lần đó Tiên quyết định không cho tiền cho lão uống rượu nữa. Món tiền giúp lão được góp lại, giao cho bà vợ. Đờ say sưa được đôi ba ngày, một hôm lão lại bắt đầu rượt đuổi, múa võ với bọn học trò trở lại. Hối ra, mới biết Sa đã nghịch cho tiền lão đi uống. Sa bảo lão cứ lui tới xin hoài, thật tội. Lão nói thà để lão chịu đói, nhưng rượu phải cho lão uống. Không có rượu tui đau,

cô giáo à. Thế là Sa hỏi lão cần bao nhiêu, lão cười hớn hở, xin cô giáo ít chục. Sa trao cho lão năm chục đồng, lão mừng quýnh, cảm ơn cô giáo ; rồi vụt biến ra ngõ. Trong đôi mắt lão, Sa thấy lão hực hờ niềm vui, và thoáng chút áy náy khi liếc nhìn qua lớp học của Tiên. Lão còn kể cho Sa nghe câu chuyện mấy người quanh xóm thách lão bỏ rượu được nội trong ba ngày Tết cho xóm làng yên tĩnh, lão sẽ được thưởng vài trăm, nhưng lão chỉ chịu được trong buổi sáng, buổi trưa đã thấy lão nhẩy chui vào bờ ruộng, lùm cây gai, mà la lối om sòm. Uống rượu tới nước đó, chỉ có trời mới cấm nổi. Tiên lại cho tiền lão mỗi lúc lão sợ sệt tới gần, và đôi lúc buồn, cũng cặp kè với lão ra quán lai rai...

Tiên cúi xuống nhìn sát lên người lão phu trường nơi có nhiều vết máu đọng. Tiên hỏi :

— Thưa bác, chắc nặng lắm...

Bà vợ lão phu trường ngừng mặt lên, đưa ống quần lau nước mắt. Bà mếu máo kể rằng ông bị trái lựu đạn chôn dưới đất nỏ, bắn tung ra ngoài. Ông nằm rũ dưới đất một hồi, dẫy dựa thê thảm một lúc, rồi im lặng luôn. Trái lựu đạn chôn dưới đất cạnh chiếc bàn bày lá cờ lạ hoắt. Ông ấp trứng bảo ông dọn đi, để chường mắt quá ; ông vừa lấy lá cờ, khiêng một chân bàn lên thì lựu đạn bật nổ dữ dội. Chỉ có một mình ông lãnh hết trơn. Bà kể xong, tiếp tục gục đầu xuống đất mà khóc.

Do dự một hồi, Tiên nói :

— Này, bác có than thở gì thì ông cũng đã chết. Lúc này có biết bao nhiêu là cái chết oan ức kiểu này, bác lo mà tấm liệm...

Tiên định nói tiếp, nhưng thấy bức dọc với chính những lời lẽ khuyên giải của mình, nên thôi. Mọi lời lẽ lúc này đều vô ích hết. Tiên móc túi tìm một miếng thuốc gắn lên môi.

Đưa con trai lão lại cầm bó nhang từ nhà sau ra cắm trên đầu lão, vái lạy. Trông dáng thô kệch, và nghĩ tới cái tính khùng của nó, Tiên thấy nó thật tội nghiệp, thật bơ vơ. Có lẽ từ nay nó lại phải giữ lấy xâu chìa khóa, thế cha nó. Nhìn thấy Tiên đứng yên nơi trụ cờ, chỗ cha nó ngã lăn ra chết, nó tiến tới. Nó lấy chân vẽ dưới đất ghi dấu nơi cha nó nằm với vũng máu trào. Nó cả lăm, lấp bắp kể lại đầu đuôi sự việc. Nó bảo chính mắt nó thấy

ba ông ở trần, bẻ khóa cổng trường mà vào. Một tốp khác vào nhà bắt mẹ nó đi mở các cửa lớp coi thử dân vệ, xây dựng nông thôn có chui vào đó nằm hay không. Mở được vài phòng, mẹ nó lo ngại bị bắn nếu rủi ro có người nào ở trong phòng học. Đang lui cui mở phòng cho vài tên có súng xét, thì có tiếng nói, thôi đi tụi nó điên sao mà nằm trong đó chứ. Bà được trở vào nhà, khóa cửa nằm im. Nó nói lúc mẹ nó đi mở cửa, nó với cha nó núp sau bụi chuối ngoài vườn. Đốt pha xong trụ sở, chúng rút đi êm ru không có một tiếng súng...

Những tiếng súng nổ dồn phía sau lưng làm Tiên chột giết mình, quay phắt lại. Mấy ông nhân dân tự vệ đang ngồi tùm nhau dưới gốc cây cò kê bắn súng. Cạnh đó, ngôi nhà làm trụ sở áp cháy rụi, hoang tàn. Tiên trở vào lớp của Sa, chắc nàng đang đợi. Ngó lui, ngó tới, sân trường vắng ngắt. Tiên nghĩ bụng: Vắng bóng lão phu trưởng, thật buồn.

Tiên nói với Sa ý định dành số tiền đã góp để làm tiệc ngày mai, cho gia đình lão phu trưởng. Đồng thời, kêu gọi tất cả kẻ ít người nhiều giúp đỡ cho vợ lão trong việc lo cho lão có được cái hòm. Tiên nhìn Sa, nói:

— Lễ nào cô giáo đã góp tiền cho lấy uống rượu, mà không góp tiền cho lão cái hòm...

Sa lườm Tiên, gắt:

— Thôi, anh đừng nhắc tới chuyện đó nữa, em ghê quá. Mối hóm kia còn đưa tiền cho lão, hôm nay đã mất rồi...

— Coi chừng lão lại về đòi tiền uống rượu đó.

Nói xong không muốn biết Sa giận đối thế nào, Tiên hối hả bước xuống hiên, đi tới từng lớp học. Sa vẫn đứng yên đó thờ thẩn nhìn lơ lửng ra sân. Mùi nhang thơm phứt quện nồng trong gió. Trong mùi nhang thơm, Sa còn nghe như có mùi rượu phảng phất. Nét mặt tối tăm lèm nhèm của lão phu trưởng lại trở về nó to lên bám sát trong trí. Nàng chột rùng mình, nghe ớn lạnh sau gáy. Nàng quay trở vào lớp trong lúc bọn học trò xới xao như một bầy vịt.

Một tiếng la lớn từ cuối lớp vọng lên:

— Thưa cô, trò Nghiêm đánh con, cô...

Sa đứng giữa lớp, tiếng ồn chìm xuống dần. Nàng quất mắt hỏi: — Nghiêm, sao trò đánh lộn trong lớp?

Nghiêm đứng dậy, nét mặt sợ hãi, hai tay nắm vào nhau. Hình như đôi mắt nó đỏ, muốn khóc. Nghiêm nói giọng thật nhỏ:

— Thưa cô hôm qua cha trò Tư đi đồn củi bị lạc đạn chết, em cầm trống đi đưa đám giúp, mấy trò thấy cứ ghẹo em hoài.

Sa lòi cả bọn nổi tiếng chọc ghẹo, hoang nghịch nhất lớp ên. quí một hàng dài. Sau câu nói, thằng Nghiêm bật lên khóc thật tình. Đã có lần nó đã khóc vì thằng Độ khi nghe tiếng cha nó bắt hai tay làm ống loa, a lô đồng bào tụ họp để nghe xã nói chuyện gì đó rồi cứ nhắc đi nhắc lại hoài ngay trong giờ học. Mỗi ngày tới trường nàng đều có chuyện để phân xử, ngay cả những chuyện vu vơ như chúng tranh nhau để bắt cá, mót lúa, hái củi ở nhà.

Thì nhau bắn súng xem chừng đã mỗi, toán nhân dân tự vệ lần lượt bỏ về. Khi trong sân trường không còn bóng dáng ai, Tiên trở lại lớp Sa. Kiêng báo giờ mần học được ông Trưởng đích thân ra đánh. Thường ngày ông Trưởng vẫn làm thế công việc này cho lão phu trưởng, cho học sinh trực, để được về sớm sớm một chút cho kịp chân mấy người dân vệ canh gác. Ông bảo mấy ông ắp với lính tráng về hết trơn, mình ở lại để bị rượt đuổi như đàn vịt như mấy bận trước à?

Khi xe chạy hết quãng đồng trống quẹo vào con đường đất xuống xóm Tiên quay lại nói với Sa thế là từ nay anh không còn say sưa nữa, dù có buồn cách mấy. Tìm được một người để ngồi uống rượu như lão Bầy thật khó có. Lúc nãy, nghe tin lão chết, anh đã muốn ra quán chỗ lão với anh thường ngồi, mà uống cho tới say. Tự dưng anh đâm thêm những ngụm rượu đắng, nồng, như người ghiền rượu nặng. Có lẽ chỉ có lần đó, anh thấy rượu đã quyen rũ anh thật nhiều. Nghĩ lại, có thấy được sự quyen rũ của những giọt rượu mới thấy rượu cần thiết. Hèn gì lão Bầy không thể bỏ rượu trong cuộc sống lão là phải. Có lần lão đã tâm sự, hình như chỉ có những cơn say vui dập lão khật khù, lão mới quên được những khổ đau trong đời lão. Quên được quê kiểng, bầy bỏ, căn nhà, miếng vườn, và đứa con trai cuối cùng đi lính bên kia bị bắn chết bỏ ở quận mấy ngày lão mới nghe tin tin xác về chôn cất.

Sa cúi mặt sát vào lưng Tiên, tránh gió. Hơi ẩm truyền ra từ hơi thở êm đềm Sa làm Tiên ngáy ngất. Nỗi rét mướt của mùa đông không làm tan được những hơi thở nồng nàn kia. Gió tiếp tục thổi dạt vào người Tiên. Bầu trời xám hần mây. Mầu trời ẩm đục hơi sương sụp thấp xuống gọi Tiên nhớ nụ hôn Sa đầu tiên trong văn phòng, trong cái lạnh rần rật của áo quần bị ẩm ướt nước mưa vào những ngày đông năm trước lúc còn cùng nàng chờ xe ngựa bên này cầu. Một năm qua, một năm gần gũi trong nỗi hoang mang này, Tiên đã nhận ra Sa thật cần thiết trong cuộc sống. Nhưng rồi sự cần thiết của hai người cũng chẳng vượt qua được bờ rào của gia đình, hố sâu của nghi thức tôn giáo. Tại sao những người không cùng một tin ngưỡng, không thể yêu thương, gần gũi nhau? Chúa hay Phật có bao giờ phân chia như vậy trong suốt cuộc đời? Trong nỗi cách ngăn này, nhiều lúc Tiên bỗng thấy bàng hoàng bởi như thấy Sa cũng xa lạ, chơi vơi như những đám mây, như cỏi nào xa lơ của Chúa. Sa bảo rằng Tiên đã bị những ám ảnh không đâu làm mờ trí óc. Sao lại không, trong cuộc sống đã có quá nhiều điều làm mờ trí óc con người, Sa à. Sa bị cả nhà ép buộc làm đám cưới với Hinh, người đồng đạo mà nàng không mấy may yêu thương. Nghe tin đó Tiên thấy những người già thật tàn nhẫn. Họ có bao giờ yêu thương để nghe thấy nỗi đau xót của một tình yêu thương đã vỡ? Dù được gần Sa hằng ngày ở ngôi trường cách biệt này, Tiên vẫn có nhiều hôm cặp kè lão phu trường ra ngồi ở quán uống rượu...

Sa hỏi:

- Chiều mai anh ghé lên Di Thérèse chứ?
- Em có đi không?
- Sao lại không. Bỏ mấy điệu múa cho tụi nó à?
- Còn anh thì ngại Di Lucia trách...

Tiếng Sa cười trong vạt phía sau:

- Dự lễ xong, mình đi lên nhà thờ luôn thề nghe anh?

Tiên cho xe chạy chậm qua cầu. Qua khỏi quốc lộ rẽ vào phố, Tiên bắt đầu thấy những đợt nắng vàng hiếm hoi, ấm áp trong lòng phố vắng. Tự nhiên Tiên cũng nghe trong lòng rộn rã một nỗi vui nào vô cánh...

Qua khỏi chiếc cầu tre vắt ngang con mương nhỏ đục nước nguồn, Sa đã thấy bóng người rộn rịp trên con đường đất dẫn vào sân nhà thờ. Những tà áo dài chập chờn phất phới trong ánh nắng dịu giữa một màu xanh tươi của cánh đồng khởi sắc thúc giục Sa rảo bước. Ngôi nhà thờ đó với nàng không có gì xa lạ ngay khi nàng đi học ở trường tiểu học, nhưng nó vẫn có nhiều vẻ mới gọi âm thầm hồi thúc mỗi khi nàng qua hết chiếc cầu bắt đầu trông thấy đỉnh tháp chuông cao chót vót. Bây giờ, trên đỉnh tháp chuông cũ kỹ khằng khiu kia lại có thêm những dây đèn màu, những chiếc lồng đèn ngũ sắc, những lá cờ giấy lật phật trong gió; Sa cảm thấy nó mới mẻ, thân thuộc làm sao. Dưới chân nhà thờ, rải rác ở các bậc thềm, bóng người đã đông đảo, lấp nập. Cùng đường với nàng, những cô gái lác choắt trong chiếc áo dài rộng thùng thình tung tăng như những cánh chim. Tiên lặng lẽ đi bên nàng, hút thuốc. Sa nói mùa Giáng sinh năm nay không mưa như năm kia anh nhỉ, Tiên trả lời, nếu có cơn mưa như năm kia mới vui. Phải có cái lạnh lẽ thấm thiết mới biết Chúa đã sinh ra đời thế nào. Dường như những mùa Giáng sinh trong trí nhớ anh lúc nào cũng trắng xóa, vấy phủ những giọt nước mưa. Và gió lạnh. Tiên kể lại những mùa Giáng sinh hồi còn Việt Minh ở làng anh. Những ngôi nhà thờ hoang lạnh, âm u như những nhà tù không gót chân người. Những vị Cha sở, thầy dòng, các Di, như những bóng ma chập chùng đơn lẻ. Đêm Giáng sinh thật ít con chiên, thu hẹp trong mảnh sân nhà thờ tối mù mờ bởi ánh đèn dầu, ánh đuốc bập bùng ẩn hiện trong những cơn mưa và gió. Kể hiếu kỳ đi xem thì đông, nhưng người đến với Chúa thực lòng thì ít quá. Anh cũng đã lặn lội đến đó chỉ để ước ao được xem đôi cánh của những thiên thần. Những thiên thần múa lượn trong màu áo sắc sỡ đã quyến rũ anh hoài từ đó. Tiếng hát cất cao, bay bổng, rạn rờ lao xao như hồi chuông trên đỉnh tháp. Lễ nửa đêm mãn, đèn đuốc tắt ngấm, tối om. Những hồi kinh cũng lạnh lẽo tàn mát trong những cơn mưa như xối nước lên đầu. Ngôi nhà thờ trở lại cái im vắng ghê rợn cũ. Những bóng đen bắt đầu thấp thoáng ngập ngừng ở các dãy hành lang nhà thờ. Anh lầm lũi đội mưa trở về, hồi chuông ngân dài não ruột

như vợ tận trên không. Về tới nhà, người ướt mềm như chuột lột nước, anh phải đốt lửa lên ngồi sưởi và mang củ lan ra nướng ăn. Cái lạnh ray rứt anh suốt đêm dù anh đã chui vào bồ lúa mà nằm co như con mèo.

Nghe tới đoạn đó Sa chợt quay lại nhìn vào mặt Tiên cười nói hỏi đó khổ quá hả anh? Tiên nói khổ thì khổ phải nói, nhưng sao những hình ảnh lúc đó khó quên trong trí anh quá. Anh cũng không biết tại sao đến giờ anh vẫn còn bị những cánh thiên thần đêm Giáng sinh năm đó ám ảnh. Những đứa con gái lạ có khuôn mặt thật giống Đức Mẹ, giờ đây không rõ lưu lạc nơi đâu. Họ có còn mang trên vai đôi cánh màu hay đôi cánh đã gãy nát với cuộc đời khốn đốn trong những năm khói lửa sau này? Đôi lúc anh cứ ngỡ rằng họ chắc đã cất cánh bay về trời sau đêm cùng nhau múa hát ở ngôi nhà thờ cổ đó. Anh lại đâm nhớ thương họ trong sự mù mịt của cõi trời và cõi trần...

Tiên dừng lại, chị Hà từ cổng cô nhi viện bước ra. Thấy Tiên đến với Sa, chị cười ngượng ngùng. Tiên tự dừng áy náy vì nụ cười của chị. Có phải đây là lần đầu chị trông thấy Tiên tới đây với Sa đâu? Sa vẫn ưa thích công việc ở cô nhi trong những lúc nàng rỗi, hay có chuyện buồn ở nhà. Tìm tới bên những đứa trẻ ngờ ngác đang đón đợi từng nụ cười, từng chút nâng niu ở người khác Sa bảo thấy người đi con phiền muộn rất nhiều. Với nỗi ngầy thơ tội nghiệp này nàng cũng nhận ra mỗi khổ đau của mình rất ít. Không đến nỗi mịt mù vô định. Tiên cũng mong muốn có mặt ở đó, bên Sa, để cùng hưởng chút yên ổn trong những an ủi đã vỡ vụn.

Sa nắm lấy tay chị Hà, hỏi:

— Chị đi đâu giờ này, chị Hà?

— Di Lucia sai xuống phố mua thêm ít đồ...

Tiên cười:

— Chị tính giao bầy con đó cho lũ tôi chắc?

Chị Hà cười rụt rè, ngượng ngịu bỏ đi thẳng. Tiên mở cổng cho Sa vào. Những giọt nắng chiếu xuyên lá cành rớt đều trên mặt sân, trong lối sỏi. Màu vàng của những đóa hoa dưới tượng Đức Mẹ sáng rực lên trong màu nắng. Nắng ấm trong các dãy hành lang, và phơi phới trong lòng mọi người.

Di Lucia xinh trong bộ áo chùng rộng, dáng vội vã từ dãy nhà sau tiến ra sân. Di Thérèse đứng trên bậc hiên cao nhìn xuống Sa, cười. Lũ trẻ xinh trong bộ đồ mới chạy lui chạy tới trong các lồng gỗ, vỗ tay ca hát ào ào. Tiên cùng hai người giúp việc sắp ghế trên sân. Những chiếc băng dài để theo hình bán nguyệt cho lũ nhỏ, và vài hàng ghế dựa cho quan khách. Theo ý Di Lucia, Tiên phải dàn xếp sao cho khoảng sân thật rộng để lũ nhỏ có thể ca múa, làm trò chơi cũng được. Thêm vào đó, phải để một lối nhỏ cho khách vào giữa. Tiên rộn ràng theo sự nhộn nhịp, hồi thúc của tất cả. Cả bầu không khí im lìm bóng cây như trời dậy xôn xao. Trong lúc Tiên lo trình bày ở sân, Sa tìm xuống nhà chơi chuẩn bị cho lũ trẻ, thế chị Hà. Ngoài cổng, Tiên đã thấy từng nhóm lũ lượt đi về hướng nhà thờ, nói cười vang dậy...

Ở hàng ghế khách, Tiên thấy có hai người lính Mỹ và một người lính Đại hàn. Cả ba đều có đeo nơi cổ một tấm thánh giá. Ông quận trưởng vắng mặt, nhưng hàng ghế dành cho khách đã đầy. Sau những lời nói đầu tiên của Di Lucia, Di Thérèse điều khiển cho một toán cả nam lẫn nữ trong bộ đồng phục hát bài Thánh ca. Tiếp đó, Sa hướng dẫn bọn con gái trình diễn mấy điệu múa lễ. Có một điệu múa làm Tiên xúc động là điệu múa của những thiên thần. Những thiên thần mờ côi, lạc lõng trong những đôi cánh thật lớn trông chậm chạp, tội nghiệp.

Di Thérèse ghé vào tai Tiên nói nhỏ:

— Cậu có thấy mấy điệu múa hơi giống nhau không?

Tiên chỉ cười phụ họa vì chẳng biết tí gì về nhảy múa. Anh đang tưởng nghĩ tới những đôi cánh thiên thần bay lượn trước mặt. Những cánh thiên thần này rồi cũng mịt mù sương khói chẳng? Có đôi cánh nào cứu vớt được chúng trở về với cõi yên ổn hạnh phúc nghìn đời được không? Còn đôi cánh nào cho chính Sa ôm ấp, tin tưởng hơn đôi tay gầy, yếu đuối đó?

Di Lucia ra dấu cho Tiên, Di Thérèse, chị Hà đem quà ra phân phát. Khách đã rời khỏi chiếc ghế quan trọng dành sẵn, đi thăm hỏi từng đứa nhỏ. Lũ trẻ thấy được phát quà nhốn nháo hẳn lên. Di Lucia phải quát mắt hăm dọa chúng giữ trật tự. Một người lính Mỹ dừng lại bên bé Na, bồng nó ra giữa sân. Một người khác lôi máy ảnh ra chụp.

Di Thérèse vỗ tay :

— Đêm đông lạnh lẽo... một, hai, ba...

Lũ nhỏ dừng ăn, dừng nói cười ngóng cổ lên hát theo lời xưng của Di Thérèse. Những âm thanh như dồn đuổi nhau, chen lấn, loạn xạ, nhưng lời hát vẫn được tiếp tục : *Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời, Chúa sinh ra đời nằm trong hang đá nơi máng lừa. Trong hang Bê lem tiếng hát tỏa ra tung bừng, nghe trên không trung...*

Sa đưa cho Tiên gói kẹo bảo là của Di Lucia gửi. Di cho mỗi người một gói kẹo, một phần của lũ trẻ. Tiên nhận gói kẹo ở tay Sa, mở ra ăn ngon lành. Trời đã chập choạng tối. Bóng người vẫn lũ lượt di động về hướng nhà thờ. Trên đỉnh tháp chuông, đèn điện đã sáng choang. Những sợi dây đèn lồng cũng đã hực hờ màu sắc. Sa đi nép bên Tiên, dường như nàng cảm thấy lạnh bởi những cơn gió từ quảng đồng thổi vào. Tới gần, Tiên mới biết bên sân trường trung học cạnh nhà thờ cũng đang tổ chức đêm văn nghệ. Tiếng máy phóng thanh kêu rè rè không nghe rõ gì bên đó trong gió lộng. Tiếng ồn nổi lên như sóng cuộn. Tiên giữ tay Sa đi sâu vào trong sân nhà thờ đông nghẹt người.

Đứng lại bên một gốc cây dương mắc nhiều bóng đèn màu, Tiên hỏi :

— Đợi tới khuya em đói bụng không ?

Sa cười, hỏi lại :

— Anh đói không đã ?

Tiên cúi sát xuống vai Sa :

— Nhờ gói kẹo, cũng đỡ rồi...

Dù nói vậy Tiên cũng nghe đói sôi nổi trong ruột. Tiên lại nghĩ tới những thức ăn dự trữ cho buổi tối trở về, cùng Sa nhấm nháp, mà nói chuyện. Căn phòng trọ cũng được Tiên dọn dẹp cho có thứ tự một chút từ sáng hôm qua. Tự tay Tiên đã làm được cái hang đá bằng giấy màu, máng cỏ xanh, hình ảnh Chúa hài đồng, những bóng đèn là những ngôi sao lấp lánh. Tiên đã từ chối lời mời của vài người bạn đồng nghiệp trong trường, như ông Tường, bà Hạnh, thầy Minh để được có giờ phút ngồi bên Sa mà ngắm cái hang đá. Được thấy đôi còn cào cùng Sa lễ mễ mang thức ăn nguội ra hiện mà ăn uống. Được ngồi bên Sa trong đêm lạnh lẽo

của mưa gió đầy trời mà nghe từng hồi chuông vọng xuống từ đỉnh tháp.

Sa thu ngắn tia nhìn từ những dãy đèn màu giăng ngang khoảng sân nhà thờ xuống đôi mắt Tiên. Lòng nàng bỗng bồn chồn. Tiếng nói Sa thật nhỏ, hao hụt trong nỗi áy náy gần gũi :

— Anh Tiên, anh vào làm lễ với em không ?

Đôi mắt Tiên vẫn mở to, cứng nhắc. Đôi mắt như đã đông đầy muộn nỗi chua xót, buồn phiền. Sa lại nhìn sâu vào mắt Tiên.

— Anh vào dự lễ không ?

Hồi chuông trên đỉnh tháp bỗng nổi lên, ngân nga, réo gọi. Làn sóng người đi chuyển chộn rộn trước mặt. Tiên cúi xuống hôn lên tóc Sa :

— Anh chờ em ở đây...

Sa cười, chờ Tiên hôn lên tóc mình một lần nữa mới chịu rời. Nàng như con mèo con tham lam âu yếm. Nàng rẽ đám đông, len lỏi vào bên trong nhà thờ. Ánh sáng của bóng đèn neon, của những cây đèn sập lớn, chiếu rực rỡ ra ngoài khung cửa. Tiên cố nhìn vào trong, nhưng vùng ánh sáng chói chang làm mờ đôi mắt. Sa đã có một thư ánh sáng riêng rẽ cho đời nàng chăng ? Con đường triền miên lời kinh cầu kia đã ôm ấp, kéo giữ nàng lần hồi ra khỏi đôi tay mơn mõi này rồi sao ? Vẫn không trông thấy bóng Sa nơi khung cửa. Lời kinh nổi lên rào rào như cơn mưa. Nổi im vắng biển biệt trên đỉnh tháp chuông khảng khiu, giá lạnh.

Tiên đưa mắt nhìn thoáng qua khoảng sân. Sân vắng dần bóng người. Hình như người ta đã dồn nhau vào nhà thờ. Vào cõi yên ảm quuyền rũ nào đó. Đêm sâu thăm ngoài cánh đồng. Đêm mênh mông trong mắt Tiên. Tiên nói thầm :

— Không có lẽ...

Hồi chuông thứ hai lại nổi lên dồn dập, rộn rã. Lời kinh trầm, buồn, héo hắt vọng ra nghe rõ như trong cơn gió. Tiên ngàng nhìn lên tháp chuông. Thật lâu. Tự dưng Tiên cảm thấy lòng mình thật yếu đuối, thật trống vắng hoang mang : *Tiên không thể nào giữ Sa ở lại. Tiên thấy như sầu mình treo lơ lửng trên đỉnh tháp chuông cao. Sa ơi, anh trả em lại cho những lời cầu kinh đó ; bởi anh không có một quyền phép nào để giữ em lại bên cuộc đời ngoại đạo lẽ loi của anh.*

Mưa lất phất, thật lạnh. Tiên rời cây dương có mắc nhiều bóng đèn được nhận là nơi chờ đợi, bỏ đi ra phía cổng nhà thờ. Bóng Tiên thấp thoáng trên con đường đất mù mờ ánh sáng. Tiên quyết định trở về để ngồi nhìn hang đá một mình...

mang viên long

VỖ HỒNG

chuyện về tuy hòa

Tôi quyết định việc đi Tuy Hòa một cách gấp gáp bất ngờ, bất ngờ đến nỗi trong túi không mang theo hơn mười đồng bạc. Lê Bá Tại bảo tôi:

— Anh nên đi thẳng ra Tuy Hòa đi. Chỉ cần một ngày vừa đi vừa về. Nếu anh giải quyết công việc nhanh chóng thì sáng chủ nhật đi, anh có thể về đây trong chiều chủ nhật. Chậm lắm thì sáng thứ Hai về.

Vấn đề đối với tôi không phải là thi giờ nhanh chậm mà là những trở ngại trên đường. Sống cuộc đời định cư lâu ngày, tôi như bị tê cứng giữa cái thành phố nhỏ này, như con cây hương hôn thụ suốt ba tháng mùa Đông trong cái hang của nó. Mùa Hè tôi có đi chuyển một đôi lần thì đều dùng máy bay, phương tiện tương đối an toàn để tránh mìn và mũi súng. Tôi nói:

— Đường ở tổ ra đó...

Tại ngắt lời:

— Bữa nay sửa chữa lại tốt lắm. Rộng như xa lộ rồi, chỉ có đoạn Đèo Cả còn đang sửa sang.

Tôi ngồi lặng yên cân nhắc. Đêm xuống êm đềm ở khu Mê Linh này và tôi cảm thấy rằng sung sướng thay là những kẻ khò phải cân nhắc gì hết trong cuộc sống. Mười phút nữa họ sẽ ngồi

lại hàn ăn. Rồi sau đó vừa tráng miệng uống trà vừa đọc tờ báo mới nhận hồi chiều. Nghe tin tức và thông cáo của đài phát thanh địa phương để biết bác sĩ thường trực hôm nay là ai, ngày nào mua đường và mua ở tiệm nào ! Chui vào giường. Kiểm soát xem có con muỗi nào lọt vào trong màn không và sự an toàn diu chân giấc ngủ...

Tôi hỏi :

— Đi xe hiệu nào ? Phải ra mãi ở bến xe Sinh Trung ?

— Không cần, cứ ra bến xe Xóm Mới. Tiện quá mà, đi bộ một trăm thước thì tới, mua giá xe Thuận Thành mà đi.

— Giá tiền ?

— Đầu hai trăm bạc.

Tôi mượn Tại ba trăm, đi thẳng ra bến xe. Bấy giờ tối rồi. Chắc con tôi đang ngồi đợi cơm, chắc nó đang tỉnh xem tối nay tôi với nó sẽ rủ nhau đi xem phim gì ở rạp nào. Nó không thể nào đoán rằng tôi đang bắt đầu một cuộc phiêu lưu riêng lẻ.

Sau bàn giấy của hãng xe, một người thư ký ngồi tỉ tay trên một xấp giấy.

— ... Vàng, ông đi chuyển sáu giờ thì khỏe hơn. Ở đây chúng tôi có chuyển chạy sớm nhất vào năm giờ. Ông ra tới Tuy Hòa vào chín giờ sáng.

Tôi lầm nhầm tính và nghĩ : Phải ba giờ mới đi được một trăm rưỡi cây số. Tôi quen với tốc độ tám mươi cây số/giờ mỗi khi ngồi ô tô, quen tới độ khi nghĩ đến ô tô là tôi thấy cái kim đồ tạo một góc sáu mươi độ ở phía tay phải của mặt đồng hồ tốc độ. Tôi hỏi mua một vé Tuy Hòa.

— Đi Tuy Hòa thì ông phải chịu khó ngồi ở dãy ghế sau. Những dãy ghế trước dành cho hành khách đi Qui-nhon. Xe này chạy thẳng Qui-nhon. Nếu ông muốn ngồi ghế trước thì ông phải mua vé Qui-nhon. Ba trăm đồng. Giá đi Tuy Hòa có một trăm rưỡi.

Lại phải suy nghĩ ! Sao cuộc đời không chịu giản tiện, không chỉ vạch có một con đường mà lại bày chỉ đến ba, bốn ngã ? Ngồi ghế trước thì được gì ? Những người đàn bà đẹp thích ngồi cạnh tài xế để phô diễn sắc đẹp của mình cho mọi con mắt dòm vào chiêm ngưỡng. Tôi không phải đàn bà đẹp. Những người thể chất vắn nhược mà ngồi nhìn ra hóng xe thường bị chóng mặt nôn mửa

Ngồi nhìn ra con đường trước mặt thì không sao. Tôi đâu không được cương cường nhưng cũng không đến nỗi nhược chất. Ngồi dưới ghe bị sóng nhồi mà chờ hề ủa mưa lần nào.

Tôi cũng muốn thử xem ngồi ở dãy ghế sau nó ra làm sao. Nhưng lại có một chút tự ái vắn vợ. Thì vừa lúc ấy một thanh niên bước tới :

— Ông cho tôi một chỗ đi Tuy Hòa.

Người bán vé đọc thuộc lòng những điều kiện mà anh ta vừa đọc cho tôi nghe. Người thanh niên xem chừng rất thành thạo trong việc đi xe đò nên chỉ liến ngôn tay mình xuống một dãy ô vuông có mang chữ số :

— Ông cho tôi một ghế ở dãy này.

Người bán vé suy nghĩ một giây như đề lấy lệ. Đối phương của anh không tỏ vẻ rụt rè ngớ ngẩn như tôi. Hẳn biết việc gì hẳn phải làm. Vì vậy anh ta gật đầu :

— Anh lấy ghế nào ?

— Bốn mươi.

Trả tiền... thối tiền... hẹn giờ... Người thanh niên thoăn thoắt bỏ đi. Tôi thấy mình không có cơ gì để mà lưỡng lự nữa. Ít nhất tôi cũng phải tỏ ra không thua người thanh niên kia bao nhiêu. Tôi móc túi lấy ra tờ giấy hai trăm.

— Ông ghi cho tôi số ghế Bốn mươi mốt.

Và thế là tôi đã nhập cuộc vào chuyến hành trình ngày mai.

Nhưng vẫn chưa yên ! Bích Thủy cô bạn của tôi vụt đến thăm khi tôi đang loay hoay xếp quần áo khăn mặt xà phòng vào chiếc xắc. Khi nghe tôi nói ngày mai sẽ đi xe đò Thuận Thành, nàng la lên :

— Sao lại chọn thứ xe đó ? Sao không ra bến Sinh Trung để đi thứ xe Thuận Thành ngắn đòn ? Loại xe dài đòn hay nằm đường tổ mẹ. Đố ngày mai anh về được tới Tuy Hòa.

— Tôi nghĩ rằng xe dài đòn chạy vững vàng hơn, ít bị tai nạn hơn loại xe ngắn nên tôi chọn nó.

— Lầm to ! Lầm to ! Xe ngắn đòn nó lách chạy lanh lẹ mới dễ tránh được tai nạn chớ. Xe dài cồng kềnh tiến thoái chậm chạp, hễ trở tay không kịp là nằm chổng gọng.

— Tôi lẳng im hết biết, ngỗ cãi.

— Em đi xe đồ hoài, cái xe nào tốt, cái xe nào chuyên môn nằm đường, em thuộc lòng hết. Đã có mấy kỳ đi nhằm cái xe cũ mười đời, máy cũ mà giàn xe sơn phết như mới. Ra tới Lương Sơn thì liệt máy. Sửa tới xế, chiều bỏ trở lại về Nha Trang. Bắt hành khách sáng hôm sau lại đi tiếp chớ không chịu trả tiền lại để người ta tự do chọn xe khác. Phải anh hỏi trước thì em đã bày cho anh rồi. Cứ ra bến Sinh Trung, giờ nào cũng có xe chạy, hề thấy xe nào sắp chạy là mình mua vé leo lên. Tội gì phải mua vé trước.

Tôi tiu nghỉu ngồi nhìn đồng quần áo, cảm thấy mình là kẻ có lỗi. Chừng như mỗi khi phải chọn một trong hai giải pháp thì tôi cứ luôn luôn nhằm cái giải pháp dở nhất. Vừa chọn xong là y như có người tới chê, tới dạy khôn, tới trách cứ.

Thấy tôi xụ mặt, Bích Thủy an ủi :

— Thôi, đã lỡ rồi... mà anh mua ghế số mấy ?

Cực chẳng đã tôi phải nói nhỏ :

— Số bốn mươi mốt.

— Trời ơi ! Ngồi dưới đó chịu sao nổi ? Xe nó chạy vòng như ngồi trên một cái nia sấy gạo. Anh chịu không được đâu.

— Chắc cũng chịu được. Mọi người chịu được mà. Nếu không thì người ta lắp chỉ tới hai dãy ghế chót ?

— Người ta mạnh thì nói gì, dẫu xe vòng hất họ rớt xuống đường họ cũng không chết.

— Mình cũng vậy. Hi vọng rằng mình cũng vậy.

Bích Thủy đắm đắm nhìn tôi, lộ vẻ khó hiểu. Chắc nàng nghĩ rằng tôi dễ vỡ như một cái trứng và cái trứng đang ngu si sắp tự đem mình ra thí nghiệm với sỏi đá. Tôi nói :

— Thôi, đã lỡ rồi, đã trót mua vé rồi. Vả lại, cứ coi như mình đi khám sức khỏe. Lâu lâu phải đi khám lại một lần coi sức khỏe của mình có giảm sút không.

— Đi khám ở đâu ?

— Trên xe Thuận Thành đó. Hễ đi về song suốt tức là sức khỏe còn dồi dào, còn nếu về chưa tới nhà mà đã nằm bệnh tức là sức khỏe có suy yếu. Phải lo đi nằm nhà thương.

Sự lúng túng của con cây hương đồng miên bắt đầu vào sáu giờ hai mươi phút sáng chủ nhật. Tôi xách xách hối hả bước tới bến xe

thì vừa lúc một chiếc Thuận Thành lừ lừ bò ra khỏi bến. Trên xe đầy nhóc người, đèn thấp sáng trưng. Tôi hoảng lên, « trễ giờ mất rồi » và lưỡng lự không biết có nên giơ tay đề gọi xe dừng lại cho mình leo lên không. Thời gian lưỡng lự đủ để xe chạy xa bỏ tôi lại sau lưng. Thật rắc rối. Một người không quen đi xe đồ thì không bao giờ đúng giờ được. Cả đêm cứ sợ trễ giờ nên mới ba giờ sáng đã lò mò đứng dậy bật đèn nhìn đồng hồ. Thấy còn sớm quá nên phải tắt đèn ngủ lại. Nhưng đồ có ngủ được. Nhắm mắt một hồi rồi bật đèn xem lại đồng hồ. Mới bốn giờ. Lại tắt đèn. Bật đèn tắt đèn chừng ba lần thì chợt vào một lúc bất ngờ nhất, một giấc ngủ lừa dối nhất len lén dẫn linh hồn tôi chu du biệt tích. Khi giật mình choàng dậy bật đèn thì kim đồng hồ chỉ sáu giờ mười phút. Hối hả rửa mặt mặc quần áo quơ xác ra đi. Ra đến đường mới mò túi quần xem có bỏ quên ví tiền ở nhà không rồi túi áo xem có bỏ quên giấy tờ không. Và đến bến xe thì cái xe bỏ mình lại.

Lò dò đi tới phòng bán vé. Con đường ngập bùn, phải rón rén tìm những viên gạch bỏ rải rác để đặt chân.

— Xe Thuận Thành hả ? Chuyến sáu giờ ? Ờ, ông đi ra bến. Hành khách đứng lên xe ngoài đó... Không phải chiếc vừa chạy đâu, đó là chuyến năm giờ... Số xe của ông là 27016. Vâng, ông đi thẳng ra đó.

— 27016... 27016. Lạy Chúa, rõ ràng có chiếc xe Thuận Thành nằm dài kia mang đúng con số thần diệu 27016. May quá. Tôi chưa trúng số kiến thiết lần nào nên chưa có kinh nghiệm về cảm xúc mạnh. Vả lại không có lô nào trúng một trăm rưỡi đồng như trường hợp của tôi hôm nay.

Xe còn trống, mới lác đác có chừng sáu, bảy người ngồi. Tôi chậm chạp bước lên. Thật dễ chịu khi mình có dư thì giờ trước mặt. Người lơ xe thu những cái thẻ căn cước. Hành khách lên xe đóng lần. Đóng cho tới đây. Cho tới dư. Tài xế cho kê thêm ghế phụ, những ghế phụ, nhiều ghế phụ. Hết chỗ đặt ghế phụ thì tới loại hành khách đứng. Hành khách dẫu sao cũng chỉ có hai chân, cái ghế giản tiện nhất cũng đòi hỏi đến ba cái chân mới đủ để đứng được.

Khi mọi người bắt đầu ngộp thở, khi tài xế và « lơ » thuyết

phục hết sức mà những hành khách mới đến không ai chịu đứng bằng một chân thì xe chạy. Những người có đeo đồng hồ tay đều nhìn xuống xem giờ. Bảy giờ mười lăm phút. Chỉ chậm hơn lời hứa có một giờ mười lăm phút.

Xe chạy trên những đường phố còn ngái ngủ, những con đường quen thuộc của tôi. Trông chúng dễ thương như những người bạn. Tạm biệt các người nhé ? Ngày mai chúng ta sẽ gặp lại.

Xe lướt qua những chỗ lồi lõm, những hố, những vũng, người tôi nhún nhảy nhẹ nhàng. « Không đến nỗi gì », tôi vừa nghĩ thì sau lưng tôi đã có người vội vã nói, làm như sợ người khác nói tranh trước mắt :

— Trời ơi, đi cái xe này nó vòng chịu gì thấu ?

Giọng đàn bà. Một giọng khác cũng đàn bà :

— Tui biết *rúa* mà cũng không tránh được. Tôi mua xe Châu Thành, dây ghế đầu, *rúa* mà cuối cùng xe Châu Thành không chạy được. Tui nó sang hành khách qua xe này, thành ra tui trả đủ ba trăm mà phải ngồi hàng ghế chót.

À, thế là tôi được may mắn hơn người đó. Tôi được ngồi hàng ghế trước, cách bà ta đến năm tấc.

Một giọng đàn ông :

— Ngồi sau đít xe tuy vậy mà đỡ vòng hơn ngồi ở ngay trên nhíp xe. Ngồi chỗ cái nhíp, nó vòng tới trời xanh.

Có hai ba tiếng hồi cùng một lúc :

— Cái nhíp xe ở chỗ nào vậy ?

— Ngay trên cái bánh xe đó.

Nhiều người ở dây ghế tôi, ở hai dây ghế trước vội vã cúi nhìn xuống sàn xe tìm vị trí cái bánh xe. Có người phải di chuyển hành lý, di chuyển những cặp chân của kẻ khác mới tìm được chỗ trống dành cho con mắt nhìn.

Tôi lại gặp may một lần thứ ba : bánh xe nằm ở dây ghế trước.

Những công trường nằm rải rác dọc đường. Xe ũi đất, xe cán đường, máy nghiền đá... nằm ngổn ngang, thân hình nặng nề nhu những quái vật thời Tiền Sử. Đất bị xẻ, bị ủi, bị nghiền phơi màu đỏ của máu. Chặng đường nào cũng có công việc bộn bề, dở dang.

Qua đèo Rù-rì. Qua Lương-sơn. Những hố vũng trên đường bắt đầu to và những cái vòng của xe bắt đầu xứng đáng. Xe xóc

manh khiến người lao đao chao qua chao lại rồi chọt « rầm » lên một tiếng, thân người bật cao khỏi mặt ghế hơn hai tấc. Rồi lại xóc, lại sàng sảy liên tiếp. Nhiều tiếng la oai oái, — cũng ở dây ghế sau :

— Chạy chậm chậm vậy chứ, ông tài xế.

— Chạy cái kiểu gì lạ vậy ? Qua chỗ đường xấu mà không hãm bớt.

— Đờ quỉ sứ ! May chút nữa cụng đầu lên trần xe.

Lại liên tiếp đánh « Rầm » lên nhiên cái nữa. Người đàn bà bế con ngồi cạnh tôi làm tôi cứ phải giữ chừng né tránh một bên bởi vì khi xe nhảy chồm lên hồi nãy, đầu đứa bé tống mạnh vào cằm tôi. May mà tôi có tật hay ngậm miệng. Nếu đang nói như những người ở dây ghế sau thì hai hàm răng có thể nghiền đứt cái lưỡi. Hú vía ! Tôi lại gặp may lần thứ tư.

Một chị sen ngồi trông chừng ba đứa nhỏ ở dây ghế trước đã qua mưa ra ghế. Lúc mới lên xe, miệng nói như sáo, bây giờ cái mặt trông đờ đẫn như người bệnh. Đã thế, bốn người lại phải ngồi xích lại để tránh cái ghế bị nhiễm uế.

Tôi biết rồi, giá trị của những cái vòng, cái xóc. Chúng nó làm Bích Thủy kinh sợ cũng phải.

Tục ngữ Việt nam không chịu tạo thêm những hình ảnh ví von mới. Chẳng hạn một cái bụng ăn không biết nó là « cái bụng của xe đồ ». Bởi vì đi đến chặng đường nào có người đứng đón nó cũng ân cần ngừng lại. Chặng ngừng lâu nhất ở Ninh Hòa. Một bà đón đi Qui nhơn, đứng giữa năm, bảy giờ cần xé chất đầy bí ngô, chuối, dưa leo. Hai bên mặc cả giá. Hành khách ngồi trong xe nguyên rủa inh ỏi. Hăng hái nhất cũng lại là mấy người ngồi ở dây ghế sau.

— Xe đây nghet rồi mà còn ham chở. Chỗ cho khẳm đi rồi nằm đường.

— Chạy mau đi trời ơi. Xe chạy có gió còn mát chút ít, ngừng lại một đôi nực thấu trời.

— Đờ cái xe quỉ quái. Biết vậy có cho thêm tiền cũng không đi. Ngừng kiểu này, tới đèo Cả chắc quá mười hai giờ trưa. Phải nằm lại đợi chờ khỏi đầu.

Nhiều câu nói được chhyền cho nhau nghe, tan loãng trong không khí, không tới tai người tài xế. Y vẫn ngồi điềm nhiên ở tay lái hoặc tham dự nhiệt tình vào việc cò kè trả giá.

Phải hai mươi phút để chuyển những giỏ nặng đó lên mui xe. Người đàn bà bước lên, được tiếp đón bằng những tia mắt hân học. Và bây giờ đến lượt bà ta lên tiếng :

— Bất đừng vậy hê ? Hai ngàn bạc từ đây ra Qui nhơn. Có mấy cái giỏ cần xé đó chớ bao nhiêu. Ăn mặc tổ cha lại còn bắt người ta đứng. Đứng sao cho nổi từ đây ra Qui nhơn... Ngồi xích lại bà con, cho *tui* ngồi kè.

Một giọng nói :

— Ghế xe có số, ngồi xích sao được ?

— Biết vậy chớ sao. Mà... Tui nghĩ tức cái lũ con ở nhà. Đã biểu không chớ không chuyên không đưa không bí gì hết mà nó cũng nài một nài hai. Hai ngàn đồng bạc chớ phải...

Bỗng « rầm » lên một tiếng, mọi người chụp tay xuống ghế, người đàn bà chụp vào cái kệ gác hành lý mắc ở trần xe và câu nói chấm dứt nửa chừng.

Những ruộng lúa của đồng Vạn ninh đang bắt đầu chín. Bốn năm năm rồi tôi không được nhìn một cánh đồng lúa chín. Ở một khoảng ruộng thật xa có lô nhỏ nhiều dáng người mặc áo đen đội nón trắng. Họ bất động trong một khoảng hẹp. Đó là một thửa ruộng đang gặt, tôi biết chắc vậy và tự nhiên tôi cảm như có mùi lá lúa, mùi cộng rạ phảng phất thơm nhẹ đầu đây. Tiếng lưỡi liềm cắt soạt thân lúa, tiếng chân dậm oanh oạch dưới bùn, tiếng nghe nga của một con trâu mẹ gọi con và trên lưng chừng trời một con chim sơn ca thả rơi những giọt tiếng.

Lòng tôi xúc động ghen ngào bởi cái không khí thanh bình của nếp sống quê mùa, của thiên nhiên không hề thay đổi. Bỏ tôi giữa cảnh ấy, tôi sẽ tìm thấy lại trọn vẹn cái Quà Khứ êm đềm của những ngày thơ ấu, cũng bờ ruộng cỏ ướt sương đêm, cũng dòng nước mương chảy róc rách trên đó những con nhện nước rún rây trên bộ chân gầy. Tôi biết rằng bụi rau chóc không thể không nở những chùm hoa màu tím, và không biết bao nhiêu là cánh hoa nhỏ màu vàng, không tên, nở rải rác giữa những lùm cỏ cũng không tên. Trong khi đó thì não trạng của tôi, của những người ngồi trên xe đã thay đổi biết bao nhiêu. Cái gương mặt thần nhiên bình tĩnh của chúng tôi phát xuất từ lòng can đảm không sợ một quả mìn nào sắp nổ dưới mặt đường hay chỉ từ một sự cam chịu số phận, trông chớ

Định Mệnh ? Những chiếc xe hàng phiếu lưu trên Định Mệnh, những người hành khách không dám quả quyết rằng mình sẽ trở về bến xe khởi hành. Bởi vì chỉ cần một tiếng nổ là họ nhẹ nhàng chuyển từ xe này sang một chuyến xe khác, vô hình, đi về một cõi khác vô hình.

Xe tới chân Đèo Cả. Những người có đeo đồng hồ lại vội vã xem giờ bởi từ 12 giờ trưa tới 3 giờ chiều cấm lưu thông trên đoạn đường này. Công trường bắn đá vào khoảng thời gian đó để mở rộng thêm đường.

Xe hùng hổ leo đèo. Những tảng đá to nằm dọc đường được khoan lỗ. Vết thương đó sẽ được rịt đầy thuốc nổ và thân xác đó sẽ tan tành. Tôi lướt mắt nhìn những tảng đá bị lên án tử hình. Ngày sinh của chúng nằm vào một chặng xa xôi thuở Trái đất còn ngồn ngàng nguyên dung chất nóng bỏng và ngày chết là một ngày tháng Mười năm 1969. Không biết sẽ có ai sau này ngồi thương nhớ một tảng đá nào đó đã ghi dấu những kỷ niệm của mình ?

Xe xuống đèo. Xe chạy trên cánh đồng Hiếu Xương. Những đụn rơm. Những bụi chuối. Những ruộng lúa xanh. Chợ Xéo. Bàn Thạch. Phú Lâm. Hơn hai mươi lăm năm những cuộc hành quân liên tiếp tràn qua bữa lại trên thân thể những làng xóm này như những làn gió tràn trên thân lá.

Cầu Đà Rằng một màu đen nghiêm nghị. Hành khách xôn xao sửa lại giỏ xách, gài lại thắt lưng, quơ tay tìm nón. Những đứa trẻ con tay cầm gói bánh mè, tay cầm túi nước ngọt nhảy vọt lên xe mời khách inh ỏi.

— Mời bà mua gói bánh mè.

— Dạ mười đồng một miếng, một gói mười miếng.

— Dạ thôi, cháu bớt cho bà, hai chục ba miếng... Dạ thôi cũng được, để rẻ cho bà năm đồng một miếng. Dạ bà lấy luôn hai gói để đem về cho các em mừng.

Xe qua một khúc quanh, bỏ vào bến đậu. Xe đứng dừng lại, nghiêm chỉnh như một lực sĩ còn dư sức.

Tôi xách xác chậm rãi bước xuống. Thật sung sướng là người có bước chân chậm rãi. Tôi nghĩ đến Bích Thủy vừa nói thăm vời nằng :

— Xin cảm tạ sự ân cần của em. Anh vừa gặp cái may mắn thứ năm : đó là chiếc xe Thuận Thành không nằm đường như em đã lo lắng.

võ hồng

TRÙNG DƯƠNG

kẻ phản trắc

1

Người vợ rời khỏi rạp hát bước ra phía cửa
giữa lúc một đoạn phim đang được chiếu thử
sau khi nàng đã nhìn thấy chính nàng do một nữ diễn viên thủ
vai xuất hiện trên màn ảnh bởi không thể làm được ở lời nói và
đáng điệu của chính mình dù là do một người khác lặp lại (một
nguy trạng quá vụng về !)

nàng lăm lăm bước đi dọc theo dãy hành lang dẫn ra ngoài
đường

tại sao nàng bỏ đi ?

người đạo diễn tự hỏi

có nên hiểu đó là một lời trách móc hờn giận trong im lặng ?
nhưng rồi hắn cũng đứng lên rời khỏi rạp

và hắn lên tiếng gọi nàng khi nàng sắp đi tới khúc quẹo của
dãy hành lang :

— « Louise ! »

nàng dừng lại quay đầu nhìn hắn chờ đợi.

— « sao em lại bỏ đi ? »

Dường như nàng đã im lặng trong giây lát — hay chỉ để ngăn

lại một câu nói giận dữ ? ngăn lại một lời trách móc nặng nề cay đắng ?

Và cuối cùng, nàng nói, giọng trầm tĩnh, buồn rầu và với vẻ nhẫn nhịn chịu đựng đầy phiền muộn, như sự nhẫn nhịn phiền muộn mà nàng đã chịu đựng từ ngày mang tên của hắn, từ ngày hắn tự buông xuôi trong một cố gắng vầy vùng tuyệt vọng trước một tình trạng đình trệ thâm thương mà hắn thường tự hỏi — vì tuổi tác ? hay chính vì sự bất lực của ngôn ngữ của hình ảnh ?

— « Em chưa bao giờ kể chuyện chúng mình cho một ai nghe cả, tại sao anh lại làm vậy ? »

Tại sao ư ?

Hắn thăm hỏi khi còn lại một mình quay bước trở lại cái thế giới mà hắn đã bị kết án chung thân. Nghệ thuật (ôi, những ngôn ngữ hình ảnh đồ phản trắc).

2

Phải, Louise, em yêu,

anh chỉ là một tên phản trắc tiếc hận rằng sao mình không đủ lực đủ tài để phản trắc thêm lên gấp mấy lần cho đủ diễn tả tất cả những điều mà anh muốn diễn tả

phải, Louise, em yêu,

anh nhận làm một tên phản trắc cũng chỉ vì anh đã lỡ khao khát được đi đến tận cùng, nếu có thể, vượt qua cả biên giới của sự chân thực

chính thế, Louise, em yêu,

anh đã tự phơi trần

và phơi trần những người thân yêu nhất của mình : ba, má, em và những khuôn mặt tình nhân, và bạn bè, và cuộc đời, và dĩ vãng hiện tại tương lai của anh, của em, của tất cả chúng ta dù anh có tệ mê sung sướng đau đớn điên dại mất mát mà làm như vậy

Vâng, Louise, em yêu,

Anh đã nguy trang anh, nguy trang ba, nguy trang má, nguy trang những tình nhân, nguy trang bạn bè, nguy trang cuộc đời,

nguy trang dĩ vãng hiện tại tương lai một cách vụng về quá vụng về khiến cho tất đều bị lộ chân tướng đừng tưởng anh đã hài lòng, Louise đừng tưởng anh không đau đớn em yêu.

Bởi anh còn muốn thấy mình vụng về hơn thế nữa để thấy đủ cảm đủ yêu thương đủ xót xa đau đớn đủ

Nhưng Louise. Louise em yêu

Dường như như anh đã khua khoắng một cách vô ích trên những điều mà mọi người thấy muốn quên đi xóa bỏ quay lưng từ chối làm ngó ?

3

Em đã quay bước rời xa với túi hờn trong đôi mắt trên bước đi lặng lẽ đau xót chia cắt

túi hờn của em làm lòng anh tê dại môi anh cảm nín mắt anh mù sương

như ngôn ngữ hình ảnh đã có lúc trở nên trong suốt vô nghĩa đến ngạo mạn

Louise, em yêu,

sao em không có lấy một lần mắng chửi anh cho thậm tệ để anh khỏi tự mắng chửi ?

sao em không có lấy một lần cào xé anh cho nát tan để anh khỏi tự cào xé ?

Louise, em yêu

tại sao sự im lặng nhẩn tai hờn nhường ấy ở em

4

Hết rồi hết thật rồi, Louise

bây giờ chỉ còn lại sự im lặng mênh mông của đêm tối vô tận. và kẻ phản trắc trong anh để đóng cho trọn vẹn vai trò của mình để đền tội cho xứng với bản án chung thân của mình, tiếp tục lần mò sục sạo tìm đường vượt biên giới của sự chân thực tận cùng.

Hãy tha thứ cho anh.

Tha thứ cho kẻ phản trắc đưa bất lực nhưng không thôi khao khát mặc dù vời vẻ tuyệt vọng trong anh.

Tha thứ cho anh.

Lấy một lần cho tất cả.

Nghe Louise, em yêu muôn đời.

trùng dương

10/1969

(Cảm đề « 8 1/2 » của Fellini)

NGUY NGỮ

trong bầu áo chưa phai

Mùa đông. Khu phố chợ miền cận sơn những ngày quang tạnh sau suốt tháng mưa dầm. Nắng yếu sáng, hơi lạnh trong từng đợt gió nhẹ gai se da thịt. Gạch ngói cũ rêu, những mái nhà bám đầy lá mục, những con đường vắng ngắt, khung trời trắng bệch mênh mông, cây thưa khô. Tất cả cơ hồ chỉ còn lại màu trắng và xanh. Màu xanh của núi đồi, giòng sông, bãi cỏ, khu vườn, màu trắng của thân cây, khung trời, bờ cát, vách vôi, trí nhớ. Không còn gì để nhớ hết. Ngàn trở về, như một cơn mơ nhỏ hoang đường rơi hăng ra ngoài giấc ngủ, chiếc áo khoác xám nhạt, mái tóc dài rũ rượi, khuôn mặt bạc tái, đôi môi nhạt, mắt quầng thâm, cơn đau dài đặc chưa hết. Ngàn trên lối đi ngoài khung cửa mở rộng, dưới hàng sào đông trơ trụi, bên bờ chè tàu rậm kín cất thấp chia ngăn với con đường bên ngoài, những bước chậm ngăn, nụ cười vui. Buồn quá, sáng nay tiêm thuốc xong em bỏ ra ngoài rồi về hẻm, ghé qua nhà một chút và vào đây, em không nói cho ai biết cả, mẹ em hỏi em bảo lành rồi, năm ngoài đó em cũng đoán trước chắc anh đã về đây. Giọng nói buồn buồn tan vào màu ánh sáng loảng nhạt, thứ ánh sáng giăng ngập cả mùa đông. Ngày không có buổi trưa, chỉ sớm mai, chiều xế và đêm. Tôi trong ánh sáng này, nơi đây như Ngàn đoán, từ đầu đông với những bày biện, đợi chờ.

— Sao liều lẫn thế ?

— Em chẳng biết sao nữa, buồn quá.

Tôi cười lắc đầu nhìn Ngàn, nhìn lên tấm lịch. Ngày 22 tháng 12. Con số được ghi ngay vào bia tập vở cũ còn một khoảng trống nhỏ phía trên. Ngàn chẳng biết vì sao mình bỏ bệnh xá về, tôi chẳng biết vì sao từ đầu đông ngồi đây chờ đợi, chẳng biết vì sao con số ghi lên vở bài. Có hẹn hò nào thăm thăm và cái điềm cuối đã đạt đến. 22 tháng 12. Con số là một vùng bất động giữa nghìn đời, trong lòng những chiều quay đời chóng mặt. Ba ngày nữa, lễ Noel, chúa ngồi ba thêm một tuổi già sau những lời rao truyền xa lắc. Năm 1966. Và Ngàn, người thiếu phụ hoang dại buồn phiền, đưa bạn gái thơ ấu tóc dài ở xa xôi về tìm tôi. Ngàn vin tay vào chông sách nhìn quen.

— Dì, đi đi đâu rồi, anh ?

— Về trong ngoại có việc gì đó, hơn tháng rồi.

— Bao giờ đi ra ?

— Có lẽ cũng đến tháng chạp mình.

— Thế anh ăn uống sao ?

— Tự nấu ăn không được à ?

— Trời đất. Tôi chưa.

Ngàn đứng dậy, như thói quen từ bao giờ : sắp dọn lại mấy chông sách bừa bãi, trải lại chiếc chiếu trên chông, lau rửa phin tách bình chén và cần nhả trách móc. Mùa hạ hết, một mùa thu và bây giờ cuối đông vẫn những lời trách móc thân quen. Anh bê bối quá, coi nè, ai lại thế này, trời, coi nè, chao ơi... Tất cả đó, những lời trách móc, những ngón tay mềm mại và dĩ vãng mù tấp sau lưng. Còn gì nữa không ? Ngày mai là sương mù trắng xóa, hư không. Ngàn lật từng quyển sách vợ vẫn tìm lại những dấu vết do tay nàng sắp xếp từ tháng 5, tháng 6, chưa quên. Một lá thư viết lâu ngày không gửi, mấy câu thơ Đường chép rồi, một bài báo cắt ra, một trang sách bị gấp lại với cơn buồn ngủ nào đó. Ngàn vuốt thẳng tờ giấy, đọc lại lá thư, đốt đi, thổi sợi tóc dài vương khỏi lòng sách ra ngoài cửa sổ rồi đi đun nước pha trà ; lặng lẽ tới lui, chốc chốc vuốt hất ngọn tóc ra sau.

— Vào đã về nhà chưa ?

— Em nói rồi, em vào em đổi mẹ là đã lành mà.

— Ừ, quên mất.

Tôi hút hết thuốc này sang thuốc kia, thiết tha, yên lặng nhìn Ngàn, nghe niềm vui mê man trong mình. Ngàn và tất cả bảy biền đang sáng ảm lên giữa bao la. Tôi ngồi trong hạnh phúc. Những thuốc đốt hút vài hơi ngắn, ném đi, bật điềm đốt thuốc khác, bỏ quên cho đến khi cháy vào đến tận ngón tay. Tôi biết yêu lần đầu và đây là mùa đông cuối. Tôi là đứa bé lêu lổng bỏ trường nội trú, lang thang trong mưa lũ tầm gọi ngõ ngàng. Tất cả chung quanh rộng cao xa dài bát ngát, tôi đầy lòng mến mộ, tin yêu. Tôi tin hết, yêu hết. Tôi yêu tin tôi và cuộc đời, yêu tin những ơn phước đã đặt dành. Ngàn đó, Ngàn tới lui, những ngón tay, những sợi tóc, vàng trán phảng phất yên tĩnh, đôi mắt buồn rầu. Tôi muốn được ăn được uống hết. Đây là ngày đăng quang của tôi, phải không ? Tôi biết thế. Và ngày mai kia rồi không còn gì nữa cả, như hôm qua, hôm kia. Tôi biết. Tôi đã đợi chờ và đã đến. Tôi biết hạnh phúc, tình yêu phù du mỏng yếu và sự đói khát cơ hàn thì trường cửu với mặt đất này. Bao nhiêu ngày đề đổi được một hôm nay nhưng phải làm sao đây để ăn để nuốt hết cho no nê như người đời cất dấu những vốn liếng âm thầm đi qua khổ ải. Tôi lặng yên. Có ngày nào những xếp đặt thu dọn dưới tay Ngàn đó sẽ bị xóa hư, Ngàn có còn về đề sắp xếp lại được không. Mùa xuân tới. Mùa đông năm sau. Không, e không bao giờ đâu. Những lúc đó tôi nơi nào ? Phúc thay cho người... Bao nhiêu mùa đông trắng bạc tôi ngồi nghe lời rao giảng trên cát đất lạnh giá này. Cuộc chiến tranh 20 mấy năm còn ngập ngựa bên ngoài khu phố, tách nước trà ấm giữa lòng tay tôi, tay Ngàn, nụ cười vui trên môi bàng quơ.

— Anh về đây bao giờ ?

— Từ tháng 10, tin không ?

— Tháng 10, về làm gì thế ?

— Không biết nữa, buồn quá mà.

Ngàn cười thành tiếng nhỏ, tách trà hơi chao nhẹ. Khung cửa được mở rộng hơn trông ra vườn cây, khoảng sân lối mòn, hàng sầu đông không lá. Những ngày nắng ấm đã xa, tiếng chim sẻ đầu đó còn riu rít gọi nhau giữa màu trời trắng bạch lãng quên.

— Anh có nghe tin em đâu ?

— Nghe.

Có lẽ một câu hỏi vô tình. Hỏi vì thương yêu, vì vui, vì hạnh phúc, vì chút giận hờn bùi ngùi thơ ấu. Và câu trả lời lung tung bởi chạm phải sự thật. Nghe mà biết làm sao giữa những che ngăn khốn khổ này. Em đâu phải còn thời con gái son sê tự do. Chim vào lồng, cá cắn câu, ván đóng thuyền... Gì nữa nhỉ? Bao nhiêu lời ví von. Nhưng em đã trở về. Mùa đông mang mang, chúng ta thoát ra ngoài những giăng mắc bưng bít. Căn nhà trống, chuyển đi xa của người mẹ là một đồng lửa bao dung. Có phải đó là sự xếp đặt đã sẵn từ bao giờ cho em ngồi xuống bưng lấy tách trà. Một căn nhà nhỏ trên mặt đất đông hàn, một người nữ, một người nam như ý muốn của Thiên Chúa khi thời cho hơi thở mang sự sống xuống đời. Em là cái xương sườn cắt của tôi, da thịt tôi đã chia ra, thất lạc lâu ngày vừa được trở về tìm gặp. Ngồi xuống đó, mím cười, rồi thôi. Không còn gì để kiểm tìm để gặp lại nữa cả. Đây là nơi tuyệt cùng, với mùa đông, một vùng trắng ngát tinh khôi cao sáng trên thân kiếp bọt bèo. Em đã sinh ra đời ở đây và chiến tranh xô dạt tôi đến. Chúng ta là kỷ niệm của tất cả, kẻ đầu tiên hay sau cùng. Chúng ta, anh và em, có cửa nhà quần áo và không lịch sử, không tuổi tác. Chúng ta là tuổi trẻ, là thợ đại. Em là người nữ của tôi theo lòng thương xót của Thiên Chúa. Mỗi người nam đều có một người nữ, và trái lại, như thế. Tôi có em. Chúng ta có nhau, thương yêu nhau. Rồi thôi. Đừng nghĩ ngợi gì thêm nữa. Tôi đã đợi chờ, em đã trở về, dù không có một hò hẹn nào cả. Trong hai đứa không ai có đủ sức để hò hẹn. Cuối mùa hạ, buổi sớm mai sương mù tan yếu, nắng lên, Ngân, cái áo trắng mỏng phơ phất đầu ngổ, thôi em về. Tiếng nói buồn, chuyển xe đồ đạc những triền dốc sương bít trắng xuôi về thị trấn. Sáng hôm sau cũng con đường đó chia ra, tôi đến nơi khác với những đời sống mặt mày khác, không thể nào Ngân tham dự vào, chia sẻ, buồn vui. Nhưng mùa đông đã trở về kiểm gặp. Phải chăng có một lời dắt dẫn nào giữa cao rộng từ nghìn đời cho chúng tôi vâng lời tìm nhau.

— Anh về đây Ngân biết?

— Không, ai nói đâu mà biết, em đoán thôi.

— Về đây di không nói à?

— Có, nhưng đến đây mới nghe nói thì cũng thừa.

Tách trà nguội dần. Tôi uống từng ngụm nhỏ. Buổi chiều cuối đông đang lắng xuống cái chiều sâu mỗi mê an nghỉ. Trời sẽ tối rất chóng và đêm tan quá muộn. Hơn hai tháng này tôi quan sát kỹ càng sự kiện đó. Hai tháng, bao nhiêu chiều tôi một mình lật phật đọc những con đường mòn sau nhà ga cũ, nhìn sang ngôi giáo đường bị bom Nhật dội hư nát không tu sửa đầy cỏ hoang cây dại trên mấy bậc thềm đến chuyện trò với mấy chị nhà phúc dạy học thời trước. Chiều nay, tôi sẽ có thêm Ngân đến đó như những ngày mùa hạ. Ngân nhắc tới Thuận và Thúy. Thúy còn ở nội trú MK, Thuận đâu đó ở TH, hai tháng này không nhận được thư từ gì cả. Thuận và Thúy. Một thằng cận thị lêu lổng, một con bé métisse học trường giồng. Nhiều lúc cơ hồ chúng là cái mốc bám vào, đề cập, chuyện trò lan man quanh chúng. Chúng tôi lo âu cho tương lai chúng, sợ hãi từng nét xấu thói hư của chúng và chẳng lo gì cho chúng tôi cả. Cuộc chiến tranh mịt mù trước mặt, những nhiệm vụ, phận sự u ám mù lòa cho từng đứa. Ngân: làm vợ, con dâu, mẹ, chị em cô di để sinh bệnh hoạn. Và tôi. Làm sao để hoài hỷ thế này, những mùa đông chờ về những mùa hạ mùa thu hẹn gặp. Phải phân tán, chẳng thế nào hơn được cả. Bởi tình yêu từ ngàn đời vốn phù du, bởi cái vĩnh cửu của sự đói khát, cơ hàn. Đừng nghĩ tới mùa đông sau. Thúy còn trong nội trú MK, Thuận ở TH. và chúng ta sum vầy, liêu lẩn với hạnh phúc, không biết sao nữa. Không biết sao nữa là cái mức cùng tuyệt hay bắt đầu. Cùng tuyệt hay bắt đầu có lẽ cũng chỉ là một. Và Ngân, một ngày mai rồi không còn tên gọi.

Những điều thuốc đốt nổi vào nhau. Ngân nhieu mảy trách hút gì nhiều thế, rồi hỏi đến đám, bạn tôi, mấy đứa em: thằng Ân, con Hòa, thằng Mạnh...

— Mấy chiều này anh thường dắt Hòa đi chơi, con bé dễ thương lạ.

— Đi chỗ nào?

— Thì vẫn cái lang thang chi đạo.

— Rồi tập cho nó uống café.

— Sao Ngân biết?

— Thì bữa hè đã tập rồi.

Tôi chợt nhớ. Bữa hè tôi đã tập cho bé Hòa uống café rồi. Thêm một điều nữa tôi lần quên sau mấy tháng bỏ xa. Trong đám em trai gái của Ngân, Hòa là đứa giống chị nhất, từ đôi mắt, nụ cười và sự buồn rầu lẻ loi trong dáng bước. Những buổi chiều đợi chờ, nhớ Ngân tôi dắt Hòa lang thang. Tôi không ngờ được thế. Tất cả đã thoát ra khỏi sự kiểm soát của mình: Tôi trong tình yêu, tôi giữa mùa đông. Vợ vẫn chuyện trò một lúc, Ngân lại đứng dậy thu xếp chung quanh soạn coi những thức ăn. Tôi cười.

— Suốt hơn tháng này ăn chay mà.

Ngân dờ nấp son này, lật nấp son kia, nụ cười trên môi, những sợi tóc lòa xòa, chốc chốc mấy ngón tay xòe ra vuốt gọn.

— Anh ăn chay thật à?

— Thật chứ giỡn sao.

— Hèn gì.

— Hèn gì em trở về phải không?

Anh ăn chay nằm đất để cầu nguyện nên em đã về. Tôi định nói, tôi không nói, đốt thêm điều thuốc, mỉm cười. Con mưa đang che trắng cả vùng núi non trên xa kia, lúng úng hàng triệu hàng nghìn tiếng nổ. Cuộc chiến tranh đã 20 mấy năm ròng, Chúa ngồi ba già 1 ngàn 9 trăm 66 tuổi. Ngân thiếu phụ và tôi ăn chay lặng lẽ đợi chờ. Tôi bật cười. Ngân đang thu xếp đám son quanh quay lại hỏi gì thế? Tôi lắc đầu, rồi ghé đến bám tay vào khung cửa nhìn ra sân. Khu vườn xanh im dầy kín giữa mấy hàng dừa rậm khỏe vây quanh, những tàu lá vươn cao lên đông đưa lay lắt rõ nét trên nền trời như nổi ngóng trông nào quen thuộc. Tôi búng điều thuốc mới đốt ra đường mòn, thoảng nghe tiếng lao xao nói cười đầu khu phố, tiếng nước chảy xiết vỗ vào đá tảng mọc chênh giữa lòng sông, tiếng Ngân: thường mấy giờ chiều anh ăn cơm? Tôi quay lại, cánh tay phác một động tác hồ hững.

— Không định được, có lúc 2 giờ đã ăn.

— Trời đất.

Ngân nói nhỏ, tiếp tục soạn xếp bảo ăn uống thế không thành bịnh sao được. Thành bịnh, điều có thể xảy ra nhưng tôi hình như từ lúc về đây chưa bao giờ nghĩ tới, hơn nữa chẳng có gì quan trọng. Những ngày buồn nản, hai chiều tôi đã đem ăn phần cơm từ trưa còn lại hoặc quanh ra chợ dọc quán café ăn vài cái bánh nhỏ

rồi lang thang một lúc vào ngủ vùi cho đến khuya khoắt trở dậy biếng trễ nằm nghe tiếng mưa vỗ trên mái nhà, tan mất từng khoảng rộng với gió lộng qua, hút hết điều thuốc này đến điều kia, nhớ Ngân, rồi thiếp đi, hôm sau trở dậy thật muộn, một mình tôi lui. Giá tôi nói hết tất cả những điều đó Ngân sẽ thế nào? Có nghe một chút xót xa, se sắt? Bên ngoài thời con gái của em đó, buồn không? Trời đất. Có lẽ đất và trời giữa hàn giá mệnh mông đã thấy anh đợi chờ đêm đêm nằm mỗi mê với những đường máu mờ mịt trong thịt da mình. Trời đất đã đưa em về, răn bảo, thúc hối em về. Mùa đông, có trời, có đất, có ơn cao ơn sâu ơn rộng nuôi nấng cho lời hẹn hò. Lòng anh nhớ lòng em từ vạn kỷ. Tôi đứng lặng lẽ nhìn Ngân. Ngân đun thêm nước pha café theo lời tôi. Đun nước, lau rửa phin tách, cẩn thận. Bỏ café bột vào phin, rót nước sôi, cẩn thận. Cứ thế, những giọt café chậm chạp nâu sánh rụng xuống đều đều. Anh kỳ cục quá, ăn ở thế này mà ai chịu nổi, coi nè, trời ơi phin với tách, coi nè... Tôi cười, tôi nhìn theo những ngón tay Ngân. Nơi nào cũng đang sáng lên, ấm áp với đôi vợ chồng trẻ trong những thu dọn đầu đời. Người chồng còn giữ cái thói nhác nhớm của bọn trai độc thân, người vợ thích sạch sẽ, hay cẩn thận. Mùa đông, căn nhà nhỏ và hai vợ chồng vừa ra ở riêng, Ngân, con dâu đầu của mẹ. Tại sao lại không như thế? Con dâu, chị dâu, em dâu, vợ... Những tên gọi, những danh xưng của Ngân ở một chỗ khác, nơi không bao giờ có tôi. Và Ngân đã đến đây từ đó, mặc cơn bệnh chưa lành, liều lần qua những trông ngó của chung quanh. Tôi cảm động rung rung, niềm vui thấm thía xui tôi muốn nói lên, muốn thủ thật, muốn qui xuống cảm ơn tán tụng những phước lành mà chúng tôi đang có. Giữa phước lành, chúng tôi, hai đứa bé lạc đường, mất khăn quàng cổ, tìm gặp nhau phải không? Một ngày rồi thôi, một khoảng thời gian ngắn ngắn giữa đất trời này bởi xóa cả trăm năm dài chừng lê thê nhân ngãi. Xin sự ngắn ngủi để vừa đủ ấm áp với ngàn đời. Tôi biết thế nhưng tôi tham lam, tôi lo sợ, tôi mơ hồ thấy trước những lời cho tôi, cho Ngân nói với nhau hay mỗi người tự nói, để an ủi, khóc lóc, để vừa tầm với những sự kiện không thể tránh thoát. Ngân đã trở về, chúng tôi có nhau. Tất cả đang thấy vậy. Một ngày giữa đông trắng mịt có đứa con đầu xa ngắt, không cau trầu nghi lễ. Bởi những lễ

nghe khăn áo đã có, đầu đó từ nghìn xưa, trên những hẹn hò, tan nát, trên mệnh số, trong thịt da, réo gọi chúng tôi tìm nhau. Tìm gặp, chia tay và hẹn hò. Chia tay nhau chúng tôi sẽ khóc.

Café rõ xuống gần hết, Ngân nhắc phin ra khỏi tách, thêm nước sôi, muổng đường, khuấy đều.

— Hôm nay mấy giờ anh ăn cơm ?

— Gì thế ?

— Em mang cơm sang, khỏi nấu.

— Thôi, không ăn nữa, chẳng thấy đói khát gì cả.

Tôi nói, tôi vô tình và Ngân có ý, nàng mỉm cười lắc đầu.

Tình yêu. Vàng, tình yêu chúng tôi như thế đó. Dưới bóng mát, trong mắt nhìn của mấy người mẹ, chúng tôi : Ngân, Thuận, Thủy, tôi, chưa bao giờ khôn lớn cả, dù mỗi đứa đã có một cuộc đời với khá nhiều trách nhiệm gánh mang. Tôi thả diều thuốc xuống nền nhà, chà mạnh. Ngân hỏi anh mơ mộng gì thế. Tôi lắc đầu, không, và mỉm cười nhìn Ngân. Phía sau Ngân, trên chõng sách, quãng tường rộng, tấm hình màu lồng trong khung kính nhỏ, đôi tình nhân trên cánh đồng nhiệt đới, chàng mặc chemise tay dài đứng hút thuốc nhìn nàng ngồi trông xuống giòng suối, dáng giận hờn. Tôi uống ngụm café, rủ Ngân chốc nữa đi chơi, mấy ngày ở nhà buồn quá. Ngân gật đầu. Chợt một hồi chuông từ giáo đường bên kia quốc lộ vọng về. Noel sắp tới, Ngân nhắc lại một mùa giáng sinh thời nhỏ, khi chưa có tôi nơi này, Ngân trên giường bệnh, nghe chuông tưởng mình sắp chết, lâm râm cầu kinh.

— Bây giờ Ngân còn nhớ kinh không ?

— Nhớ chứ. Còn anh ?

Tôi lắc đầu, không. Tôi không có chân trong một quy định, giới hạn của tôn giáo nào cả. Không kinh kệ, thập giá, nhang đèn, tôi là con đồ của thần linh, tôi đang giữa ơn phước, tôi là kết quả của bao nhiêu chuông mõ kinh cầu. Tôi đang yêu, đang tin hết. Lớn lên giữa giáo dục gia đình, xã hội này, không mang một tên thánh một pháp danh nào, nhưng bên trên, bên ngoài đó, tôi vẫn mơ hồ thấy có một cõi khác, nơi sẽ trở về của tất cả mọi người. Tôi nói điều đó. Ngân hỏi tôi có biết mấy khúc hát ca mừng Noel không ? Biết, thú lắm nhưng không thuộc. Ngân hẹn, đề rồi dạy cho. Làm sao Ngân thuộc được. Trước em học ML,

mà. Ờ ờ. Ngân cười hát khẽ, đứng dậy bưng tách café uống một ngụm, trả lại nói về một chút rồi qua đi chơi. Nhanh nhé. Nhanh. Ngân đi ra. Khung cửa sáng, tôi yên lặng. Bước chân Ngân xa dần trên lối mòn tĩnh vắng. Mùa đông lạnh trắng mênh mang và đáng Ngân càng có vẻ lẻ loi, cách biệt hơn. Trông Ngân trên lối mòn đó dưới, những cây khô làm sao tưởng được nàng có thể thuộc vào một đời sống nào để đến ngày già yếu con cháu mỗi mẹ lưng còng tóc bạc. Không. Chắc không thể nào được cả. Ngân sinh ra đời chỉ để làm con gái, một mình, son sẻ, rồi thôi. Bởi lẽ đây là mùa đông sau cùng và em, tình yêu cuối. Lần cuối, tiếng nói cười vui trên vết nhau chôn sâu trong cát đất đợi chờ.

Càng về chiều trời càng sáng tạnh hơn. Tôi uống xong chút café còn trong tách, đi ra ngoài. Những thân dừa, thân sần đông dọc lối đi còn đầy vết tích của đám bạn bè từ những mùa hạ ghé tìm, ghi lại. Tôi cúi tìm lần lần đọc từng câu đoán từng nét chữ người viết : Tout passe tout lasse tout lasse, hạ nắng vàng bay em lớn khôn, anh đi mất hồn, comme un bohémien, j'irai... Nét chữ của Vân của Thuận, Nguyễn, chú Hóa, Cu... Tất cả bây giờ xa xôi, trên mặt trận, trường học, thành phố, núi rừng, có đứa nào đang hạnh phúc, đang tưởng tượng được tôi hút thuốc thơ thần đứng chờ. Những diều thuốc đốt lên ném đi với ý nghĩ. Tôi quanh quẩn tới lui, vô vào những thân cây trông sang nhà Ngân. Hai căn nhà ở gần nhau cách một khoảng vườn trồng cam quýt, lối mòn nhỏ dẫn nối vắt qua bờ đất cao trồng dừa. Tôi huýt sáo mấy khúc nhạc rời, ngâm nhỏ mấy câu thơ tiền chiến còn nhớ vương vất, tới lui đến khi Ngân sang. Ngân sang, nàng vừa đi vừa hát khẽ sau những cây cam rậm lá, đêm đông lạnh lẽo chúa sinh ra đời, chúa sinh ra đời... Khúc hát mừng chúa xuống trần gian. Tiếng hát gần lại dần và khuôn mặt trắng mắt, nụ cười. Đêm đông, chúa sinh ra đời nằm trong hang đá.

Ngân vừa hát vừa đi đến. Tôi đứng lặng yên nhìn. Tiếng hát trên môi mơ hồ niềm vui, bàn tay đưa ra, nắm hạt dưa đỏ chói. Tôi sốt hốt, tựa lưng vào cây dừa cần ăn. Ngân cũng ăn. Khúc hát bỏ nửa chừng.

— Ngân hát hay quá.

— Thôi mà, cổ điển quá.

— Về nhà làm gì thế?

— Thay đôi dép, trình diện bà một chút cho có chừng thế.

Tôi nhắc lại tiếng Ngàn mới dùng. Trình diện. Hẳn là một chữ vừa học ở ông chồng nhà binh. Đôi dép da thấp thay cho đôi guốc mộc trắng cũ mòn. Tôi đi vào nhà, Ngàn hỏi thế không đi chơi à? Đi chơi. Thêm cái khăn quàng cổ cho Ngàn, hộp diêm, uống ngụm nước, cánh cửa khép lại. Hai đứa đi ra. Ngang qua quán nhỏ đầu đường tôi tạt lại mua gói thuốc và đi học về phía sau xóm, băng qua mấy thửa ruộng cỏ hoang, vào khu nghĩa địa dẫn lên nhà ga, vùng đồi. Mùa đông, hơi lạnh mướt trên từng lá cây, xam đục những bìa mộ. Vùng đồi thấp phía trước. Tất cả mở ra thành thang lặn lẽ như một nỗi đợi chờ đầu từ nghìn trước, chúng tôi đi vào, vừa đi vừa chuyện trò, chốc chốc đứng lại cười vui nhìn chung quanh. Khung trời rộng hẳn với buổi chiều tanh sáng. Những cơn mưa vùi trong trí nhớ đã quên. Ngàn đã về. Ngàn đang bên cạnh tôi, nhắc nhở đến những bạn bè xa, lâu ngày không tin tức. Những đời sống đầu đó mù giữa mưa dầm đá đất lá cây, xa xôi bùng mất bên ngoài hạnh phúc tôi. Có đứa nào bây giờ đang chửi thề, đang chảy máu. Nắm hạt dưa vơi dần. Đến khu nghĩa địa, lối mòn nhỏ giữa hai bờ cỏ thấp dán trên mặt đất phủ lên mồ mả chập chùng. Nắm hạt dưa hết, tôi đem thuốc hút.

— Hình như ở đây lạnh hơn những nơi khác, anh?

— Ừ, lạnh hơn.

Tôi nói, tôi rùng mình. Con ghê ớn chạy lan nhẹ khắp thịt da. Bja mộ hàng hàng trong ngái ngủ, lạnh tanh. Hàng nghìn cuộc đời, tên tuổi đã bị loãng mờ, mất tích ở những vùng tiếng động, qui tụ về đây, u ám, đợi chờ. Đợi chờ và sự lãng phai càng ngợp đầy trắng xóa với không gian. Bao nhiêu mệnh kiếp chìm dưới bàn chân chúng tôi đang đi. Những ước mơ, mộng mị, khóc lóc hân hoan khổ đau hẳn học. Mặt đất dày cứng im lìm. Con đường ngoằn ngoèo tránh qua những ngôi mộ, chạy dài. Đang đi, chợt Ngàn đứng lại nhìn cái bia chên ra, cạnh đường rồi cúi xuống. Tôi cũng đứng lại cúi xuống theo. Máu sơn đỏ kẻ trên những nét chữ khắc chìm trong ciment âm đục: Trần thị Hà, sinh ngày 1-9-42, chết ngày 3-1-56. Mười bốn tuổi. Chết trẻ. Trần thị Hà. Ngày 3-1-1956, mặt trời không còn thấy nắng nữa, bởi đất đã ngập từng hơi thở.

— Trần thị Hà. Nghe quen quen anh à?

— Có lẽ bữa hè mình đã đọc rồi, không đề ý.

— Ừ.

— Thôi đi, khéo lắm cầm.

Hai đứa tiếp đi sâu vào khu nghĩa địa, theo một lối mòn khác hướng về nhà ga. Càng đi sâu vào, đường mòn càng nhiều. Những con đường nối nhau chạy lan man như một tấm mạng nhện căng ra, đợi những con mồi âm thầm rơi xuống, xanh ngắt, nín thinh. Mộ đất chập chùng tràn nổi với vóc dáng của núi đồi. Gần nhà ga, bên đường sắt, đất vòng cao lên. Đứng giữa đám cỏ tranh sim dại chúng tôi thấy được giòng sông lộ ra phía đầu khu phố. Nước trắng bạc màu mây.

— Nắng như trắng anh nhỉ.

— Ồ, như trắng.

Nụ cười lơ đãng, đôi mắt Ngàn hơi nheo lại nhìn xa. Tôi nhìn theo. Núi đồi gối nhau hút mù vào màu trắng sáng. Phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, sông núi biển rừng đồng phố xóm thôn. Như trắng. Vàng, trắng. Nơi đây không có mặt trời, không có ngày. Mùa đông là đêm, những đêm. Đêm có trăng và đêm không trăng. Tôi nói đến điều đó; mùa đông là những đêm. Ngàn nhắc lại thời còn bị nhốt trong nội trú, những đêm trăng nhớ nhà nằm khóc, trăng biếng học, bỏ bài làm, trăng trên hành lang khuya và những người bạn mang tên trăng: Hằng, Bích Nga, Tiểu Nguyệt... Sao mà nhiều thế, một cái chấm tròn đó đến bao nhiêu tên gọi, đã trăng lại còn nguyệt, còn nga. Vàng, vì đã nguyệt thì không bao giờ còn là trăng là nga cả. Nguyệt là hóa thân của trăng từ một chấn động sâu thẳm, bàng hoàng. Cũng như em với mùa đông này mai kia rồi không còn là Ngàn nữa. Ngàn, viết hoa, sẽ thành ngàn: biển ngàn, sương ngàn, ngàn sao, ngàn kiếp, ngàn năm, và ngàn năm nữa trên trần thế, có bóng người trong bóng nguyệt... Phải không? Mai kia rồi nguyệt xanh với cái vĩnh cửu của sự cò hàn. Thiên thu, lòng thơ ấu, nỗi đợi chờ. Khuôn mặt đầm đẫm. Gió và những đợt khói thuốc tỏa ra tan nhanh, những sợi tóc lòa xòa quanh đôi mắt trông vơi lên vùng cỏ lau trên đồi thấp sau lưng nhà ga, môi cười con đường sắt dài trong cỏ hoang xa khuất. Chợt từ nhà thờ bên kia

đường số 1, hồi chuông vang lên. Ngân quay lại nhìn tôi. Nụ cười không còn nữa. Những sợi tóc lay lắt vật vờ, đôi mắt mở lớn lặng lẽ như vừa tỉnh dậy sau cơn mơ hụt hẫng, vô phương gọi nhớ, níu bắt. Trong cái im lặng của đôi mắt, trên vầng trán phẳng phiu và những sợi tóc, tôi thoáng thấy sự thẳng thốt sống sò :

— Ngân.

Ngân nhấp nháy mắt. Tiếng gọi điệp vào hồi chuông u u trên thính không. Hai đứa đứng im, tay buông thõng. Da mặt Ngân càng lúc càng trắng bạc theo màu mây bát ngát phía sau. Tôi gọi lại, nhỏ hơn, Ngân. Hai đứa mơ hồ đáng lẽ riêng ra hai nơi, hai cõi, không thể nắm được tay nhau. Gọi, nghe, nghe và không gọi lại được. Khuôn mặt trắng buốt, tiếng gọi mất tăm. Con ớn lạnh suốt thịt da tôi khua những gai ốc nọc lên. Ngân, có phải còn là nàng đó không? Ngân, người bạn gái trẻ nhỏ của tôi vừa về từ bệnh viện, cơn đau chưa lành hay từ một nơi nào xa xôi khuất lấp trong chuyện kể lời ra không lối kiếm tìm. Gai ốc vẫn từng đợt lắng xuống mọc lên với hơi lạnh thoáng trong gió núi. Tôi muốn nói một cái gì đó nhưng không nói được. Sau lưng Ngân là đồi non mây trời xa thăm lênh đênh. Sau lưng tôi. Tôi nghe được những tiếng động lao xao của khu phố, tiếng nước chảy xiết vỗ vào đá tảng, tiếng một con chim đầu đỏ giữa vùng cây bèn kia nghĩa địa, tiếng gió kéo từng đợt rì rào sau nhà ga để trống. Những ngôi mộ cũ, những nhánh cây thưa cao, những bia mộ xám thấp, những giò chữ vô nghĩa, những tượng vôi lở lư. Tất cả như có một cái gì kết nối giữa mờ mịt vắng hoang. Và Ngân và mùa đông, khuôn mặt trắng-lạ-mới-về. Hồi chuông này vừa hết, hồi chuông khác tiếp theo. Âm thanh u ám, từng giọt một nhả ra, nối vào nhau lan xa mất tích. Khu nghĩa địa phía dưới, những lối mòn lan man quanh bia mộ lặng câm cơ hồ đang trở mình, bao nhiêu xương rời thịt mỗi từ nghìn kiếp thức đứng nghe chuông. Ngân vẫn lặng yên, đôi mắt nhìn tôi như đang xa dần. Có phải em đang nhìn anh đó không?

Có phải Ngân đang nhìn tôi? Không. Không đâu.

— Ngân.

Nụ cười, đôi môi mấp máy, trở về, thấy lại tôi.

— Gì anh?

— Ngân có thấy mệt?

— Không.

— Thôi chúng mình về. Ham vui anh quên mất Ngân chưa hết bệnh.

— Bệnh gì?

Câu hỏi ngờ ngẩn, một mình. Gai ốc trên da thịt tôi đã chìm xuống lại mọc lên. Ngân không còn nơi này nữa, không thuộc về ai, không liên đới, thân quen với ai nữa hết. Con bệnh, khu phố, ngày về, chồng, vợ, sự liều lĩnh. Tất cả là những bài trí đã lạ chẳng còn ích lợi gì. Ngân nơi xa xôi lâu ngày mới trở lại, bơ vơ nghe tích kẻ về mình. Bệnh gì? Thuở đó em bị bệnh gì nhỉ? Tôi từ bao giờ đến bây giờ vẫn nhớ như những người còn ở: em bệnh, em chưa lành... Hồi chuông dài âm âm sau đôi, tiếng động của khu phố và giọng sông dâng trước. Đây là quê hương tội nghiệp của em, em đã mở mắt khóc một lần, lớn lên và tôi đến. Tôi, tình yêu, và sự buông rời biếng nhác tan vào niềm bao dung. Em có bao nhiêu bạn bè, bao nhiêu cuộc đời ghé lại, bây giờ đang xa hết, tôi ở đây, trong đông trắng với cơn ớn lạnh, dai khờ. Tất cả chẳng còn gì. Chúng ta là kỷ niệm của nghìn điệu ước mơ không thành, hoa trái của một mùa những lời ru, kinh nguyện, chúng ta đang có vật che thân trên trần thế. Rồi thôi. Sao em quên đi. Sao chúng ta không khóc lóc, không bám chặt, không cắn vào thịt da nhau bởi bao nhiêu kỷ quan đã mất, như chúng ta ngày mai. Đừng nghĩ ngợi gì cả, Ngân. Tôi đã biết. Tôi biết hết.

Hai đứa đi men theo lối mòn nhỏ bên đường sắt dọc về phố. Không dừng Ngân đôi lên thăm Soeur Madeleine và xem cây Noel. Tôi lắc đầu, dễ dàng.

— Thôi Ngân về uống chút nước nóng đã.

— Dạ.

Ngân đáp nhỏ như một bé gái ngoãn ngoãn hiền lành. Tôi nhìn sang, Ngân đang nghĩ gì đó, quay lại, mỉm cười. Với nụ cười màu tái bạc trên đôi môi đã bớt, khuôn mặt trở lại ấm áp gần gũi. Những hồi chuông vẫn đổ đều. Ngân nói đến chị Madeleine, thuở nhỏ Ngân đã học Pháp, vịn vịn với chị ấy, chị thương em lắm, chị dạy em hát dặt em đi chơi, lúc đó em có hẹn với chị lớn vài tuổi nữa em sẽ vào nhà chung như chị luôn, rồi mãi tới bây giờ. Ngân điệp lại câu cuối, giọng thấp trầm như một tiếng nuốt, thả rơi.

— Mai tới bây giờ.

— Anh lên chơi, nhắc đến Ngân, không nghe chị nói chuyện đó.

— Chắc chị quên rồi.

Quên. Chắc chị Madeleine chưa quên nhưng không muốn nhắc lại, bởi đã lỡ. Thêm một điều nữa về Ngân. Thêm một đời sống nữa, vẽ ra và bỏ trắng. Sao Ngân không đi tu. Thoảng trong trí tưởng tôi Ngân mặc áo dài đen chấm gót, chân sandale gót mòn, khăn chít đầu, chuối hạt, khuôn mặt trắng sáng, lời kinh, những hồi chuông. Không có gì chung quanh. Ngân một mình giữa cây lá, ơn phước, điện thờ. Tôi ở nơi nào ? Và những ràng buộc đang có bây giờ ? Chị Ngân. Tôi đem thuốc hút, cười thành tiếng nhỏ. Ngân hỏi gì thế ? Tôi lắc đầu, không và hẹn sáng mai sẽ lên nhà thờ chơi. Một chiếc xe hàng sơn xanh từ ngoài chạy vào qua cầu, khuất về phía sau đồi. Những hồi chuông róng rã. Chiều sắp tới. Nắng vẫn sáng càng lúc càng se lạnh hơn. Tôi xoè lòng tay xoa lên gò má mình nói nhỏ.

— Hai hôm nữa Noël rồi.

— À, anh còn tập bài ca mừng Giáng Sinh nữa mà.

— Ừ nhỉ.

Tiếng cười trong vui tan lẫn vào nhau. Gió tạt lộng hất mái tóc Ngân ra sau phơ phất. Tiếng nước reo, tiếng nói cười trong khu phố trước mặt. Đám gái trai nghỉ lễ đã bỏ học trở về. Những hồi chuông tan chậm lê thê trên vùng dương liễu thấp ngọn hiện ra cuối tầm mắt ngoài nhìn, vây quanh ngôi nhà thờ nhỏ vươn cao. Nhớ khúc hát tôi huyết sáo miệng và Ngân hát theo. Khúc hát, khuôn mặt bình an thanh thoát, bước chân thì thầm. Tôi lặng lẽ yên nghe. Đêm đông, đông... Tiếng hát từ một cơn buồn ngủ xa vời hiện lại, rõ dần. Thêm một tuổi già cho chúa ngôi ba. Đêm đông lạnh lẽo. Đông. Tiếng hát lang thang giữa đông ngàn kêu thức sự hồi sinh với sương mù gió cây mang mang quên lãng. Tiếng hát kỷ niệm của tất cả những gì đã có trên trần gian, như tuổi thơ em. Bởi lẽ đây là mùa đông cuối, tình yêu sau cùng, phải không ? Cho một sớm mai nào. Ngân, sớm mai nào ai nhớ ?

nguyễn ngữ

THƠ

đặng tấn tới, huy tường, từ kê tường

ĐỒNG GIAO

Còn trời không lẽ mất tôi
Có trăng sáng vọng cổ ngời thiên thanh
Hoa mười sáu, mộng xuân xanh
Nước sông mười tám, lá cành hai mươi
Tôi còn đứng giữa hoa cười
Biển nuôi nước cả nên trời cứ mưa
Em còn một mái lưng vừa
Tôi hồn mây dựa gió đưa xa đời
Một mai em thành sao rơi
Nhất định tôi phải thành trời rụng theo

HOANG MANG

Về đây bay tạt trưa nồng
Những chân gió lạ mọc hồng thu non
Đưa tay tôi bắt mây buồn
Trôi đi, trôi đến cõi mòn xa xăm
Nắng nào xô đất trăm năm
Tôi trong rêu mục mù tăm lệ người
Năm nghe lượng máu thơm tươi
Văng thanh vọng biệt diệu rời hoang mang

đặng tấn tới

MÃN KHAI

Bay tìm em tận cánh chim
 Đổ chum tuyết ngọc qua miền hạ du
 Một chiều ngã bóng chân tu
 Tôi ngồi trụ diệt hồn tù trên mây
 Rừng già nhuộm lá xuống cây
 Chợt say khướt mộng rót đầy tàn phai
 Em nằm trong nụ mẩn khai
 Để ra tôi với dăm bài thơ điên.

Sịch mảnh trời đất man thiên
 Trăng sao bốc cháy tận miền thịt xương

Sương ăn cỏ cỏ ăn sương
 Nghiêng theo cánh mộng ngợp vườn thu đông
 Mây đè trĩu nhánh cây cong
 Trôi thiem thiếp dưới một bông hoa tàn
 Đâu rồi, áo mộng chưa tan
 Em đi bỏ lạnh trăng ngàn dưới khe,
 Chim chao cánh hiện tôi về
 Tâm đầy sắc tượng bên lề nhân gian
 Vàng thu bay trắng mệnh mang
 Lòng xanh để lộ bụi vàng vô minh.

Lòng xanh để lộ bụi vàng vô minh
 Chiều trong nắng nhớ lời kinh
 Rủ con bướm lạ động tình trên mây
 Cửa trời đã ngập cơn say
 Hai hàng chân khép no đầy xuân xanh.
 Kia em, mấy cỗi ba sinh
 Theo con bướm nhỏ lên cành thụ thai
 Và em, trong nụ mẩn khai
 Để ra tôi đẹp một đài pháp thân;

Rừng già nhuộm lá xuống chân
 Cúi xin cảm tạ em lần xuất tinh.

Dòng thâm viễn trót chềnh vênh
 Tôi theo mây bạc quên mình tài hoa.

huy tưởng

CHO VỆ LÚC LÊN XE

Chiếc xe đỏ màu vàng
 Một chỗ ngồi lúc lắc
 Đưa tôi về miền Tây
 Những cánh đồng mát mắt
 Buổi trưa nắng hiền lành
 Khói rừng ai bỗng đốt
 Con sông dài mộng mênh
 Nhà cửa sao thưa thớt
 Ly nước ở dọc đường
 Trái thơm cầu bến Lức
 Mùa mận của Trung Lương
 Những vườn xoài vàng hực
 Cơn mưa dầm tháng tư
 Nghe thoáng hơi gió bắc
 Tôi đứng dựa thành cầu
 Chờ sang một chuyến bắc
 Sóng với trời tím tím
 Mây mù giăng một nẻo
 Tôi ôm chút đời thăm
 Ném ra trần mặt biển
 Tôi tôi thật ngu ngơ
 Giữa một thành phố lạ

Tìm em như mơ hồ
 Thấy trên cây chiếc lá
 Tới gõ cửa căn nhà
 (Như gõ lên hạnh phúc)
 Nổi sâu cũng lên hoa
 Ngồi trên cây ngũ sắc
 Tôi tới giữa buổi chiều
 Như con ve đầu hạ
 Hát trên cành hắt hiu
 Một chút hồn tôi tả
 Em khóc trong cơn mưa
 Thơm lừng mùi tóc ướt
 Tôi vẫn đợi thật thà
 Một nụ hôn bằng mặt
 Chiếc xe đỏ màu xanh
 Một chỗ ngồi lúc lác
 (Một chỗ ngồi một mình)
 Hai hàng cây xa tắp
 Thôi bắt tay miền Tây
 Giữa một mùa hạ vỡ
 Xa em như trời mây
 Một ngày sầu hực hờ
 Phía cuối một lộ trình
 Tôi như người quay mặt
 Hành lý có mưa dầm
 Nhớ em bằng hương mật.

từ kẻ tường

PHẠM THIÊN THU

cửa vào tâm giới

Như hạt mưa nào động nhẹ trên giậu hoa bầu xanh,
 Như mảnh tơ trời vương trên bờ lau vàng,
 Như dòng nhận bay lác đác giữa hư không,
 Như ngọn cỏ may ngàn hiu hắt giữa mây trắng,
 Như sợi gió xanh mở cửa buồng khuâng,
 Như tinh tú đầu thai vào huyết mạch., Đó chỉ là những dòng
 chữ, những hiện tượng nhật nguyệt không bao giờ động máu.

Viết là hủ vĩa những chùm sao chết hồi sinh.
 Viết là lay thức sỏi đá.
 Viết là hủ hồn xác cỏ vàng.
 Viết là xưng tụng hoa ngàn trắng bãi
 Viết là bùa chú chuyển mặt ý thành biểu tượng cô đọng tinh
 lực vũ trụ.

Viết là mạch sống bất diệt — Hãy viết để hiện bày đời sống
 sâu thẳm nhất.

Mỗi dòng chữ là một hơi thở — Mỗi hơi thở là hấp thụ tinh
 chất vũ trụ. Mỗi nét mực là tụ hợp thiên thu — Mỗi mạch văn là
 nổi mây trắng về mười cõi — Mỗi ý hiệmlà cánh chim xanh, là
 cây trâm gió biếc, là tia chớp sáng tạo trong rừng thẳm mịt mù.
 Mỗi suy tư là xoáy nước hào quang xuôi về yên mặc. Mỗi ngữ

ngón là một thanh âm thần bí nhất. Mỗi ngón thuyết là một ẩn dụ, là một ngụ từ, một công án sương trắng, là cánh cửa không cửa.

Viết là mạch máu của đời sống vì diệu: khi chất vũ trụ nuôi dưỡng từng nét chữ, tạo dựng từng mạch văn như nghìn con mây đồ xuống làm dòng sông vĩnh tuyệt. Mỗi biểu tượng là mầm mống của nhật nguyệt sinh trường.

Viết là hiện tượng của tâm giới, là hơi thở thanh tịnh của đời sống huyền nhiệm, là muôn ngàn mạch nguồn tinh lực nổi sương.

HIỆN TÍNH TẠO HÓA

Viết là hóa thành một thế giới mới: Vô ngàn chòm tinh tú rụng xuống làm dòng văn. Vô ngàn lần chủng loại hoa thơm kết thành ý niệm. Vô lượng thiên thu làm văn khi phiêu bồng. Những trùng để khuôn nhật nguyệt tìm về. Bầy kiến hồng cũng vác mây tia trở về. Những cồn trắng gọi gió trở về. Những cội đá đỏ. Những chòm sương mù. Những biển tím thắm thiết. Những bầy chim và 'dòng' suối. Những con sông và mưa rào. Những chuyến xe nghi ngút tà dương. Những tà áo bạch lụa thôn mai phơ phất... Dù nhỏ hữu hình như bụi vàng, dù lớn vô tướng như hư không, tất cả đều trùng sinh trong một tâm giới mới, một vũ trụ biểu tượng linh diệu; cõi giới đầy những mặt ngón của lá khô, ẩn ý của trái rụng, một hàng cây trơ vơ cũng làm nên dòng thơ vô tự rừ rì.

Hãy cất giữ vũ trụ trong mỗi tế bào.

Hãy viết để hiện tính tạo hóa.

KHU THÀNH HY VỌNG

Mỗi người tự giấu mình trong một hang động đá trắng. Thực ra chỉ là những phiến sương đọng lại dựng nên thành quách, những khu tường ảo tưởng chồng chất.

Qua bức tường ấy vạn vật chỉ hiện diện với một bóng dáng mất máu, một thức giới vàng vọt, một dáng vóc xanh xao, nuôi dưỡng một sinh thể ngất ngư mỗi mết. Con người tàn lụi trong

thế giới cũ kỹ của nó. Con người tắm tối trong hang hốc của nó. Hãy gọi gió về ngọn bút, thổi dạt mấy giải sương mù, để hát ca với triều dương, vươn vai với núi cao, im lặng trước mặt nguyệt hoa cổ.

Lối thoát cuối cùng vẫn là vô lượng nét mực làm dòng sông. Một dòng sông nước huyền trôi dạt dất cát tắm tối, những cát nổi đọng xuống làm bùn nâu cho khóm sen lưu ly thường trụ, cho con sông hoa hồng biêng biếc nước xanh.

Viết là xô đổ bức tường hư vọng, khai mở nội tâm, cho ý thức nhập với vô thức, cho tạng thức tự phơi bày chân tướng vũ trụ. Hãy đâm vào tù ngục hư ngụy một cán bút hư ngụy để thanh thân ra đi trong cuộc trùng sinh.

VẮNG LẶNG NHỊ TƯỢNG

Viết và viết như sóng cuộn. Ý chuyển như triền âm. Tâm linh cất cánh như chim hồng chim học phiêu bay bên ngoài nhật nguyệt. Viết là lia bóng nhập đồng. Viết là tự giải phóng ra khỏi những con đường tù ngục ảo tưởng. Tương lai, quá khứ, cả nghìn dặm thu phong, cả trăm ải mây trắng, cả triệu triệu đời sương nguyệt rụng, tất cả hóa thân như cánh hoa vàng vô khép dần, như mười ngón tay dài của Trần thị Ninh Hòa kết thành búp lau ngọc huyền diệu; một búp lan cao quý nhất của Pháp thân Phật. Con đường ảo tưởng muôn dặm đó đã thu về trong một giọt mực xanh, giọt mực của thực tại, giọt mực thăm thẳm xuân thu, giọt mực từ, cán bút trúc vàng xơ xác cầu mai dặt xuống trang giấy tuyết băng, cán bút chuyển chân không thành diệu hữu. Viết là kéo vô hạn về hữu hạn. Viết là nỗ tung hữu hạn đồng nhất với hư không. Viết là cửa ngõ thông xanh nhẩy vào thực tại, chỉ có thực tại và một tâm thể sâu nhiệm. Mọi khuôn diện nhị tượng vắng lặng như một gợn mây hồng mất hút dưới lòng suối cát trắng.

NỖ TUNG THỨC GIỚI

Viết là một rung cảm mê thiếp của xác thịt, mở tung hình

hài giữa cỏ hoa. Như con để tiếc nuôi nguyệt rụng — Như con suốt hoài niệm về một dòng chim bay — Như vách đá cưu mang sương mù — Như biển xám nổi mây ra đi — Như tà dương đầu ngọn tóc — Như hoa rơi thiên cổ sâu — Như gió sông lửa bãi — Như cỏ mộ rù rì — Như sao là đỉnh tháp — Như mưa thu đầu hiu. Như lách lau lãng đặng. Viết là vượt tử sinh. Bùng nổ mọi tư duy tử lượng. Viết là giải thoát. Viết vu vơ. Viết khắc khoải. Viết cuồng bạo. Viết tung mây. Viết quanh quẩn. Viết bụi cuốn. Viết chấp trùng. Viết không nhằm một lý giải. Viết không chứng từ. Viết thôi thóp như chúc thư. Viết là cất giữ mùa thu vĩnh cửu dưới lá mục. Cất giữ tạo vật, vượt thoát vô thường. Viết là giao hợp với thực tại. Viết là sống với tất cả, sống ngoài không thời gian. Viết cuồng bạo đề nổ tung ý thức.

TIẾNG RÉO CA CỦA MẶT TRỜI

Con người là một hiện tượng thâm diệu nhất của vũ trụ. Tâm giới và nhiên giới chỉ là hai mặt của một thực tại bất khả phân biệt. Con người nô lệ trong giả ngã ảo tưởng. Con người héo úa trong định kiến vàng vố. Con người sa đọa trong mọi thuyết lý : Mọi con đường — Mọi đạo sư — Mọi tín điều — Mọi giá trị... chỉ là biện minh trá ngụy nhất cho sự thất bại của ý thức. Hãy đập phá bằng hết mọi ý niệm về tuyệt đối và tương đối. Hãy mở cửa đón tinh tú trùng sinh. Bùng thức đề hội ngộ với dun đế. Hát ca với suối nguồn. Từ khước mọi thứ địa ngục và thiên đường. Giải phóng bằng hết mọi sợ hãi và hèn tiệt. Hãy chuyển y ra đi và từ bỏ mọi què hương lễ thói sau lưng, đề sự sống bùng khai trong uy lực réo ca của mặt trời, con số không tiêu hủy vĩ đại nhất.

Con người thường xuyên thờ phượng mặt trời, tán ca muôn đời mặt trời, cất giữ một mặt trời mã não, một mặt trời ngọc hồng, một mặt trời của ý niệm diệu dụng, một mặt trời hồi sinh. Hãy uống cạn đầu rượu thắm trên hư không. Hãy bẻ gãy bánh xe cát đỏ trên hư không. Hãy thể nhập mặt trời và nổi lửa cùng khắp.

Mặt trời là mầm mống của hủy phá và tạo dựng. Mặt trời là chân thân của số không, con số hình thành ý niệm về sunya của vòm trời Ấn Độ; con số làm hình tượng của Thái cực, mức thăng hóa dung hợp của mâu thuẫn. Con số làm biểu tượng cho Vô tướng, vắng lặng nhưng sinh động sấm sét.

Mặt trời cưu mang vô lượng thế giới, huyết mạch của cỏ hoa, nhập với cỏ hoa làm một; mặt trời là cỏ hoa; cỏ hoa là mặt trời, là vô lượng mặt trời bùng khai trong mỗi phiến kinh thơm.

Hãy thể nhập mặt trời khởi nguyên như con tinh trùng hành hương về thai hoa. Hãy vươn dậy trong máu đỏ triều dương. Hãy cất giữ lửa hồng hủy tính trong mỗi tế bào.

Thức giới là thức giới của ý niệm. Ý niệm là sự giản tĩnh hóa vũ trụ. Vũ trụ là vũ trụ của ngã chấp. Bản ngã là cõi giới mô phỏng sai lầm về nhiên giới, là mang ý niệm tồn chứa của không gian chụp xuống tâm giới; thực ra tâm không bao giờ có giới, và vượt ra ngoài tầm tay của ý niệm : Sinh Diệt — Hữu vô — Phi hữu Phi vô — Diệc hữu Diệc vô — Nội Ngoại — Nhất nguyên Nhị tướng — Thủy Chung — Thường Đoạn — Khứ Lai — Ngã Pháp... chỉ là một chuỗi ảo giác, ngưng đọng của nhận thức. Nhận thức là cánh cửa nhị tướng đóng chặt mọi suối nguồn tâm linh, mọi hát ca huyền diệu. Chỉ có nghệ thuật và cảm thông là nổ tung nhị tướng. Hãy vượt thoát khỏi thế giới ý niệm khô chết. Xa lìa nhị tướng đề thức ngủ vùi cỏ hoa, ôm ấp sỏi đá, hít thở với tinh chất trắng sao cùng vạn tượng mà ra vào, theo vạn trạng mà biến đổi, đó là trực nhập thực tại, lối ngõ thiên tông. Đó là Pháp thân ngọc biếc của tâm thể. Một vô môn quan của tình thương và đại nguyện của Quán Thế Âm.

phạm thiên thư

Ý niệm về thiên

TỪ KẾ TƯƠNG

cửa biển

Quán nằm chơi vơi trên mặt nước. Muốn lên, phải bước qua chiếc thang cây bắt từ dưới mặt đường thấp. Buổi chiều, con nước hãy còn ở ngoài xa mí cát. Nhưng bên này triền dốc, những thửa ruộng kéo vòng vòng qua cái xóm nhỏ ven biển nước ứ tràn. Mưa to suốt một tuần qua. Nước có thể rút cạn với những cơn nắng lửa ít nhất cũng phải một tháng. Quán có thể coi như một cái nhà nổi. Dưới chân thang dòm chỉ thấy toàn những cây trụ chống, khô mốc. Mặt nước kéo lừng lững trên những mặt đê viền cỏ xanh ngát. Và màu đất, như màu phù sa đỏ quạch, y hệt mái ngói của ngôi đình nằm im ỉm dưới bóng lá pha nắng chiều vàng hực cả một vùng. Đã lên quán, tức chỉ còn lại một bầu trời. Và ngoài kia, biển xanh. Bãi cát kéo từ những chân sóng trắng xóa để lên tận chân dốc có cây xanh, mang theo từng cơn gió thổi heo hút cuốn bụi cát mịn mù trở xuống.

Chiều nào, Niệm cũng đi xe lôi của lão Năm từ quận ra đây ngồi uống uống cà phê trên quán chờ ngọn hải đăng lóe sáng thì mù khơi mặt biển mới trở về. Hay đi xuống bãi cát ăn vặt vặt những thức ăn của miền biển. Niệm thích nhất là những con tôm càng vỏ xanh mượt vừa được vớt lên cho và vĩ sắt hừng hực than hồng. Mùi than và mùi vỏ tôm cháy khét lên trong gió biển thành một thứ hương vị riêng biệt. Những hôm biển động mọi người

không thể ra khơi nên tập trung mọi thú vui lại trên bãi cát. Những hôm đó Niệm thức rất khuya, lê lét gần khắp các hàng quán ven bãi, bụng đầy thức ăn và rượu mới trở về quán. Thường thì Niệm phải đi bộ, hoặc đi nhờ xe của mấy người quen. Vì vào giờ đó những người đánh xe lôi nếu không ở nhà ngủ thì cũng say bí tỉ. Vùng biển là một vùng tương đối có an ninh. Nên sinh hoạt ban đêm chỉ giới hạn sau mười hai giờ, khi mọi người từ ngoài khơi trở về hết trên đất liền. Tháng trước có một số lính Mỹ xuống đóng trong quán và thiết lập một đồn canh ngoài cửa biển. Sinh hoạt lại càng trở nên náo nhiệt hơn. Niệm đã thấy những cô gái từ quận kéo ra dựng lều bằng vải nhà binh trên bãi cát bán thức ăn. Nước giải khát bây giờ có thêm những lon bia, cô ca cô la ướp đá trong chiếc thùng ván thông đầy trấu. Đêm đến đèn thấp sáng bãi cát. Từ trên dốc nhìn xuống nom như một khu phố nhỏ. Niệm ném điều thuốc xuống ruộng nước bước vội lên những bậc thang để lên quán. Buổi chiều quán chỉ lưa thưa một vài người khách, Niệm không gặp ai quen, mừng khắp khơi. Chàng kéo ghế ngồi khi chọn được cái bàn vừa ý. Từ chỗ ngồi này chàng được nhìn biển, nhìn bãi cát, nhìn bao quát hết cả một phía trời xanh đang xuống trên mặt biển chiều mà không bị những ngọn cây cao làm vướng bận mắt. Niệm kêu một chai bia lúc người hầu bàn bước ra, rồi gả người sau thành ghế rút điều thuốc châm lửa ngậm hờ hững lên môi. Nắng chiều như một tấm lưới óng tơ vàng chụp xuống cái khoảng không mênh mông bát ngát. Hôm nay không có mưa, nắng tự do đổ về và gió biển thúc bách trong từng thớ thịt. Tiếng sóng đánh dạt dào ngoài mí cát xa. Niệm bắt gặp những cánh chim bay trắng cả mặt nước. Người hầu bàn mang bia ra cười với chàng một cái, Niệm gật đầu.

— Có gì lạ ?

— Vẫn như mọi hôm.

Người hầu bàn quay đi. Niệm rót bia ra ly ngồi uống từng ngụm, chậm rãi, nhàn hạ như một người uống trà. Bức thư của anh An vẫn còn nằm trong túi, bức thư đến cách đây hai ngày và Niệm đọc đi đọc lại nhiều lần. « Dù sao chú cũng phải trở về. Ở thành phố này và trong căn nhà thơ ấu của chúng ta có những người thân đang chờ chú. Mẹ muốn xuống thăm chú nhưng không biết làm sao

tôi được nơi chú ở. Vậy thư này có thể coi như một chiếc vé lên chuyến tàu sớm nhất nếu chú không còn giận hờn gì Mẹ, không còn gì giận hờn anh chị, không còn gì giận hờn ai nữa. Ba đã chết, người nằm xuống như một chiếc cầu nối lại hai bờ sông xa cách nghìn trùng. Hơn năm năm chú bỏ gia đình, hay gia đình đã bỏ chú trong năm năm. Gia đình và chú, ai là người có lỗi. Dù sao thì chú cũng phải trở về, dù chỉ một lần trong căn nhà thơ ấu của chúng ta». Bức thư đã làm Niệm phân vân lo nghĩ suốt hai ngày nay. «Dù sao thì chú cũng phải trở về, dù chỉ một lần trong căn nhà thơ ấu của chúng ta».

Tôi có một căn nhà. Thật sao? Niệm không thể nhớ hết lại những gì xảy ra trong căn nhà đó. Năm năm như một lượt sóng biển ồ ạt tràn vào bãi cát rồi tan mất. Căn nhà mà chàng đã sống qua một tuổi ấu thơ cũng mơ hồ như ngọn hải đăng mỗi đêm lóe sáng ngoài khơi mặt nước. Niệm không thể tưởng tượng ra chàng trong căn nhà ấy. Mà có nhớ cũng không hơi đâu để nhớ. Trí óc Niệm không còn đủ chỗ để nhét những kỷ niệm xa lắc xa lơ hay giận hờn một người nào đó trong gia đình. Niệm tự coi như mình xa lạ hoàn toàn, một người nào đó, không có liên hệ quyền thuộc. Một người chỉ tới ở nhờ một thời gian không rồi bỏ đi. Niệm đã đi, không vì một người nào. Bây giờ, có thể Niệm sẽ trở về cũng không vì một người nào hết. Năm năm không một lần trở lại thành phố, Niệm không thấy rộn lên những nỗi nhớ thương. Tất cả đều phiêu bồng như những giọt nắng hiếm quý trong mùa mưa! «Dù sao thì chú cũng phải về». Bức thư của anh An như một lời thúc giục làm Niệm tự nhiên nghĩ rất nhiều tới thành phố.

Có tiếng xe lôi đờ xích dưới đường. Rồi hai người lính xách súng leo lên quán. Một người quen dơ tay chào Niệm, chàng gật đầu chào lại. Anh ta hỏi:

— Hôm nay đi có một mình?

— Tôi vẫn đi một mình

— Người bạn hôm đó đâu?

— À, anh ta ở nhà.

Hai người lính kêu bía và thước nhẩm. Họ ăn uống vui vẻ như không có việc gì phải nghĩ ngợi. Niệm nhìn ra những mái nhà xa, nắng chiều chụp xuống và đứng lại trên từng ấy thứ ngó thấy

được. Dưới bãi cát đã có ngòai căng lều, những chiếc bàn thấp được kê dài thành một dãy, những chiếc ghế sắt nom không rõ trên nền cát. Vài ba cô gái đi đi lại lại trong áo màu sắc sỡ. Người lính đưa tay chỉ xuống bãi cát hỏi trống không:

— Chút nữa xuống dưới đó lại rai chứ?

Niệm gật đầu cười. Người lính ném vội chiếc nón rộng vành xuống mặt bàn nói:

— Tụi này thì không có đêm nào lỗi cả

Trong quán bây giờ có thêm vài người khách nữa. Những người này là thợ trong một công trường xây cất đặt phía bên kia vườn cây, sát với mặt biển. Giờ này là giờ tan sở. Những người thợ hình như ngày nào cũng có mặt vào giờ này. Họ uống bia, và sau đó thì tản mát đi đâu mất hết. Có khi Niệm gặp một người thợ say rượu dưới bãi cát, quần áo rách bươm, ca hát ngêu ngao giữa tiếng vỗ tay của đám lính Mỹ. Niệm chưa bao giờ đặt chân qua phía bên kia vườn dừa để tới cái công trường đang xây cất. Nhưng ngồi ở đây Niệm cũng có thể nghe tiếng máy nổ xịch xình vọng tới. Bên đó, thật ồn ào và náo nhiệt. Đám thợ có khi từ các làng khác tới, nhưng hầu hết đều ở trong làng này. Luôn luôn Niệm thấy những người thợ mặc áo màu sắc sỡ và đội nón vàng của công trường đi lại trên con đường đất chạy ngang qua vườn dừa. Ở đây ai nấy đều có vẻ bận rộn, chỉ có Niệm thì nhàn rỗi và mấy người lính khi măn phiến gác. Lính Mỹ thì chỉ ra đây vào buổi tối, họ ít khi ngồi trên quán này. Dưới bãi cát, trong những căn lều nhà binh có những thứ quấy rầy hơn. Đôi khi đang ăn uống Niệm nghe thấy tiếng súng bắn chát chát dưới bãi cát, không thấy Niệm cũng đoán ra tiếng súng của mấy người lính Mỹ dành gái. Những cô gái quê mùa của quận lỵ hôm trước hôm sau đã trở thành những cô chiêu đãi. Họ cũng đầy đủ nghệ thuật moi tiền lính Mỹ không thua gì các cô chiêu đãi trong các bar lớn ở thành phố. Nếu cô nào tỏ vẻ khó tánh, quán sẽ vắng hoe, không kè bị gây sự rồi đập phá đồ đạc. Có nhiều cô bỏ nghề trở về sống bình thân với công việc ngày xưa, nhưng cũng có rất nhiều cô theo đuổi và nhờ vậy đã trở nên giàu có, sum xoe nhất trong làng.

Nắng nhạt dần trên những ngọn cây. Cái dáng chiều trở nên nghiêng xuống bãi cát. Từ trên cao nhìn xuống, bãi cát xuôi theo một chiều,

thăng tằm tấp. Sóng ngoài xa làm sùi bọt trắng và gió mang hơi nước đưa lên. Niệm thêm đi một vòng bãi cát. Đón những cơn gió lạnh ngấm ngấm trong da thịt của buổi chiều miền biển. Niệm uống hết ly bia, kêu tính tiền rồi bước xuống cầu thang. Hai người lính lúc này mặt đỏ rừ. Họ dòm Niệm cười cười, hai cái đầu lắc lư trong cơn say. Niệm bước xuống đường. Hơi bia nồng trong hơi thở, và da mặt Niệm nóng ran. Niệm nghe như máu trong người cũng đang chảy mau. Xuống tới bãi cát Niệm đi một vòng rồi quay nhìn lại dấu giày mình in rõ phía sau. Có tiếng động cơ ở xa và thoáng sau đó chiếc trực thăng bay tới. Đám trẻ con từ phía trên kéo cả xuống bãi cát. Tất cả mọi cái đầu đều ngừng lên dòm chiếc trực thăng. Đám lính Mỹ trong đồn chạy ra. Chiếc trực thăng bay vòng vòng một lúc rồi sà sát xuống mặt nước. Cánh quạt quay vun vút trong gió. Mặt biển chuyển động như vào mùa gió lớn. Chiếc trực thăng rề rề bên trên. Đám lính Mỹ lấy xuống chèo ra nhận đồ tiếp tế. Trẻ con cúi phăng áo lội theo, vài người đàn bà cũng lấy xuống bơi ra vớt hy vọng vớt được nhiều đồ hộp từ trên phi cơ rơi xuống. Chiếc trực thăng thả đồ hộp tiếp tế cho lính Mỹ xong bay cất lên, trở về. Đám lính Mỹ chèo xuống trở lại bãi cát khiêng những thùng đồ hộp vào đồn. Trẻ con bu lại đưa tay xin nói ngọng ngịu ô kê sa lem, ô kê sa lem, ô kê du, thần kiu. Lính Mỹ nhe răng cười ném cho vài hộp. Chúng đê cồ nhau để giựt, chửi thề và đánh đấm nhau túi bụi. Ngoài kia đám trẻ con và mấy người đàn bà vẫn đuổi theo mấy cái hộp trôi lênh bênh trên mặt nước. Niệm đi ngược lên phía trên bãi cát, chui vào một căn lều. Mấy cô gái thấy Niệm vào đồn đã mời :

— À anh, ngồi đi, uống gì ?

Niệm vẫn đứng, hỏi :

— Có bia hộp không ?

— Có chứ

— Mang cho tôi một hộp. Tôi ngồi chiếc bàn ngoài kia

— Không ngồi trong này sao ?

Niệm cười cười lắc đầu :

— Không, ngại thờ lắm

Niệm bước ra, ngồi chiếc bàn bên ngoài. Cô gái mang ra một

hộp bia ướp lạnh. Cô dùng cái đồ khai bằng sắt gõ gõ lên mặt hộp bia rồi bấm mạnh một cái, rót bia ra ly

— Anh dùng chi không ?

— Có tôm càng mới vớt ?

— Thiếu gì, anh ăn nướng nhé ?

Niệm gật đầu.

— Chờ em một chút sẽ có ngay

Cô gái bước vào trong. Niệm bưng ly bia lên uống một hơi. Chắt bia ướp lạnh sền sệt. Niệm ngã người sau ghế chầm điếu thuốc, phà khói nhìn lên hàng cây trên bãi cát. Xung quanh Niệm, rải rác bên những căn lều cũng đã có rất nhiều người ra ngồi ở những chiếc bàn thấp. Họ uống bia, cười khắc khắc. Và Niệm, ngồi yên lặng nhìn chiếc sắp tất trên những ngọn cây ở xa. Tiếng sóng đột nhiên nghe âm i như đang có một cơn bão lớn thổi về vùng biển

— Niệm, Niệm.

Tiếng kêu lớn ở sau lưng của một người nào làm Niệm giật mình quay lại. Thạc đang giơ ly bia lên ngang mặt cười. Niệm hơi nhếch mép. Thạc rời chỗ ngồi tiến lại, anh ta chống một chân lên chiếc ghế chứ không ngồi xuống. Và nói lúc khum người xuống :

— Ra đây bao giờ, lúc này đi ngang nhà trọ tôi có ghé vào. Bà già nói đi mất rồi.

— Tôi đi vào lúc xế chiều, ngồi mãi trên quá kia.

— Đề tôi qua ngồi với cậu.

Thạc đi về phía bàn mình mang chai bia đã vơi đi phân nửa. Anh ta ngồi xuống ghế. Tay cầm chai bia rót vào ly :

— Mới có một chai.

— Tôi cũng thế, mới ngồi chưa nóng đít.

Cô gái mang thức ăn ra. Niệm kêu làm cho một phần nữa. Và Thạc giục mang hai chai bia ra. Niệm nói :

— Một chai thôi, còn tôi thì thêm một bia hộp.

Đèn đã thấp sáng trong và ngoài những căn lều. Ánh đèn dầu mù mờ, leo lét trong lồng kính che gió. Biển bây giờ đen ngòm. Niệm dòm ra không thấy gì hết, những cánh chim ban chiều đã chìm vào bóng tối. Tiếng sóng đánh nghe rõ hơn, âm i như ngay dưới chân ghế ngồi. Thạc ngồi dựa ngửa trong ghế, tay luôn luôn

cầm ly bia và miệng nhai nhóp nhép. Cô gái lúc này đi ra tự nhiên kéo ghế ngồi bên Thạc. Anh ta cười khắc lên đặt ly bia xuống bàn:

— Cô Cúc phải không?

— Sao anh biết tên em?

— Nghe mấy người khác kêu.

— Đề ý ghê.

Cô gái mặc áo ngắn, loại vải mỏng màu xanh lơ lơ có lấm chấm những hoa trắng. Gương mặt không trang điểm bị hắt bởi ánh đèn nom trơ trên kỳ cục. Cô gái vòng tay ôm lấy đầu gối, về quê mùa. Thạc hỏi:

— Cô ở trong quận?

— Dạ ở trong quận?

— Sao tôi không biết?

Cô gái cười khúc khích:

— Làm cái gì mà biết.

— Trong quận tôi quen hết. Ai tôi cũng biết, trừ cô. Vì cô nom lạ hoắc. Chắc không phải ở trong quận.

— Rồi sao?

Cô gái hất cằm, điệu bộ ranh mãnh. Thạc cười:

— Có làm sao đâu. Tôi chỉ hỏi vậy.

Hai người lính Mỹ xộc xệch đi tới. Cô gái đứng lên ra dấu mời ngồi. Người này nhìn người kia, xong gạt đầu ngồi xuống bàn bên cạnh. Cô gái ra dấu hỏi uống gì. Người lính nhìn quanh quất, chợt anh ta chỉ lon bia của Niệm. Cô gái đưa hai ngón tay lên cười. Người lính nói ô kê và cười phá lên. Một tốp lính Mỹ nữa lại đi qua, họ chui vào những căn lều khác. Niệm ngửa mặt lên trời nhìn sao. Những ngôi sao mới mọc trên trời nom xa vời vợi. Có lúc Niệm không thấy các ngôi sao đâu cả, và có cảm tưởng chúng đã rơi xuống mặt biển.

Bức thư của anh An đã làm Niệm nghĩ ngợi nhiều. Dù sao cũng phải có trả lời, hoặc Niệm trở lại thành phố, hoặc một bức thư về thành phố. Năm nay ở thành phố có gì? Năm nay như cái bóng thoát qua, không đầy một cái chớp mắt. Nếu không có bức thư của anh An Niệm đã không nghĩ tới. Thời gian ở đây không jam rộn lên thành một ngóng trông, nó là một cõi trầm lặng nhất, tách biệt với đời sống thường nhật. Niệm không hề đếm thời gian

trên đầu ngón tay, và hoàn toàn không nhớ mình đã ở đây ngót năm năm như một tên tù bị đày. Ngoài này là biển, trong kia là rừng. Thành phố xa vời như một nơi nào đó.

— Cậu có ngờ rằng tôi sắp sửa trở về thành phố không?

Thạc trợn mắt:

— Cậu sắp về đó, cậu sắp bỏ nơi đây?

— Có thể sẽ như vậy

— Cậu không đùa chứ?

— Có phải trẻ con đâu mà đùa

Thạc đặt ly bia xuống bàn, vuốt mặt nhìn Niệm:

— Bộ chán nơi này rồi sao?

— Tôi không thích nơi nào hay chán nơi nào. Tôi tới là tới, đi là đi. Sống ở đây năm năm rồi, quen hết mặt mọi người, quen đến từng cái cây cọng cỏ. Cũng hơi lâu. Tôi muốn đi nơi khác chứ không muốn về thành phố. Nhưng trước khi tới một nơi nào khác có thể tôi sẽ ghé qua thành phố. Bây giờ chắc ở đó lạ lắm.

— Lạ cái con khỉ. Cậu về đó là cậu điên

— Tôi vừa nhận được thư của ông anh. Ông ấy nhắc đến mẹ tôi, nhắc tới căn nhà mà tôi đã sống hồi thơ ấu.

Thạc đùa:

— Cậu về đó đề đòi mẹ cho bú và làm trẻ con lần thứ hai, phải không?

Niệm uống một ngụm bia và cười:

— Chúng ta không bao giờ là người lớn cả

— Tôi thích sống ở đây hơn. Vùng biển này có nhiều không khí để thở hơn là ở thành phố.

— Nhưng tôi về đó tìm không khí để thở đâu?

Thạc moi túi tìm bao thuốc, rút một điếu gắn lên môi, châm lửa. Niệm nhìn cái bóng của Thạc in trên nền cát. Cái bóng im ỉm. Hai người hoàn toàn rơi vào im lặng, không ai nói với ai một lời nào. Niệm lại tiếp tục ngắm sao trời. Bây giờ hình như có thêm những ngôi sao mới mọc phía trên mặt biển... Niệm đưa mắt tìm ngọn hải đăng, nhưng mắt Niệm bị án bởi những cái cây ngoài xa mí cát. Hàng cây cũng là một khối đen dày bịt.

Hai người lính Mỹ uống bia như uống nước lã. Hộp bia không đã chất đầy bàu. Một người ngoắc cô gái lại ngồi kế bên nói giọng

ngong ngiệp: « Cô đẹp quá. » Anh ta suy nghĩ một lát rồi vỗ trán nói tiếp: « Tôi yêu cô. » Cô gái lắc đầu lia lịa. Người bạn của anh ta vỗ bàn cười nghiêng ngả. Anh cao hứng ôm đại cô gái vào lòng, cô gái hoảng sợ la chói lói. Người bạn của anh ta khoát tay, anh buông cô gái ra nhưng cũng cố nói một câu « Tôi yêu cô, cô đẹp lắm. » Cô gái mặt mày tái mét chui vào lều. Hai người lính Mỹ lại tiếp tục uống bia. Người bạn của anh ta bỗng ném cái lon bia lăn long lốc trên cát. Và chẳng hiểu sao anh ta bật khóc ngon lành. Mấy cô gái trong lều kéo ra coi, anh lính Mỹ vẫn gục đầu trên bàn khóc ngất. Người kia vừa nhịp tay lên bàn vừa hát ồ ồ. Thạc nói:

— Chắc anh ta nhớ nhà.

Niệm làm thình. Điều thuốc vẫn lóe trên môi. Lúc này không còn cái bàn nào trống. Họ ăn uống vui đùa giữa tiếng khóc không biết vui hay buồn của người lính Mỹ. Còn bạn anh ta hát như mếu. Niệm ngồi dỗi tai nghe tiếng gió rít trên vườn dừa. Tiếng gió thật nhẹ, xa vời, giữa bao nhiêu âm thanh hỗn độn trên bãi cát. Thạc vỗ vai Niệm:

— Tôi với cậu lên trên kia. Uống ăn hoài cũng chán.

Niệm đã biết ý Thạc. Niệm chán nản, nhưng cũng gật đầu kêu cô gái ra tính tiền rồi đứng lên. Thạc cười:

— Nếu có về thành phố hãy ráng mà nhớ.

Niệm làm lý bước phía sau Thạc. Người lính Mỹ vẫn khóc ngon lành. Nhưng bạn anh ta đã ngưng tiếng hát.

Thạc dẫn Niệm lên tận mái căn lều xa tít trên bãi cát. Ở đây chỉ thấp có một ngọn đèn mù mờ trong lều, còn bên ngoài dày đặc bóng tối. Niệm thấy mờ mờ những người lính Mỹ. Thạc kêu Niệm ngồi xuống ghế và chui vào lều. Một lúc Thạc nắm tay một cô gái dắt ra. Niệm không nhìn rõ được mặt cô gái vì chất bia trong người làm mắt Niệm hoa lên, da mặt nóng rần. Niệm gục xuống bàn và thoáng nghe tiếng Thạc gọi Niệm. Niệm.

từ kẻ tường

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

tiếp theo

Trầm nhón từng cuộn tóc nhỏ đánh rối, uốn vòng đàng trước cao lên, hai bên buông trễ. Ngày hắt lên những tia nắng hồng gạch cùng màu với trái đu đủ chín, ngày dấy lên những lớp gió mong manh thổi dạt tóc dày. Những trái đậu dài như chiếc đĩa cùng màu với lá chuối non vừa hái xuống vút vào góc nhà cho Trầm cảm giác xanh mát bằng lòng. Đôi hài đen thêu cườm vàng hôm qua đi ăn khuya về vút vào dưới gầm bàn chưa đẹp. Trầm cắt một lát dưa leo mỏng đắp lên má lên trán, mở tủ lạnh lấy đĩa đông sương đặt lên bàn. Phiến đông sương tuyệt sắc như một miếng mống trời cắt ra trong veo ánh nước là một món ăn đẹp mà vô hương mà ngọt ngào mát lưỡi. Trầm nhẹ nhát dao cắt một miếng dày sung sướng ăn.

Trương bước vào lẳng lặng im im kéo ghế ngồi đối diện nhìn đĩa thạch màu lắc đầu. Trầm ngưng ngây:

— Bộ anh tưởng đĩa thạch này dễ nấu lắm sao? Nội cái pha cho đủ bảy màu cũng là một công trình đó...

Trương nhếch môi cười nhìn ra cửa sổ nhìn bụi chuối ba cây lớn nhỏ không đều. Trầm tiếp:

— Mặt mày anh sáo mà nặng trịch trịch khó tiêu quá.

Trương xô đĩa đồng sương về một phía tha thiết :

— Trầm ơi, đêm qua anh nằm anh kêu tên những người đàn bà, những cái tên đẹp, đẹp như mơ, đẹp như giấc... Anh gọi thầm những cái tên giấc, anh gọi to những cái tên giấc... hãy đến giúp anh với, hãy đến cứu anh với...

Trầm chun mũi :

— Xin anh đừng gọi tên tôi.

Trầm cười to ngắt nghễ, hai tay che miệng :

— Xin đừng động chạm gì đến tôi, xin hãy để tôi yên.

Trương lắc đầu cũng cái chớp mắt, mặt quay ra cửa sổ nhìn vạt cỏ tranh cao gần tới đầu người mà bất cứ ngọn lá nào cũng sắc như dao, cũng gây cho chàng những sợ hãi nhỏ. Cả khuôn mặt Trầm nở tươi trong một cơn vui bấp bênh, nàng vừa cười vừa cắt thêm một miếng đồng sương mát rười rượi khoan khoái ăn cho Trương nhìn ngắm một vẻ thư thái dễ chịu nào đó. Chàng tha thiết :

— Ngồi ngắm em ăn thật đẹp.

Trầm cho ngón tay trở vào miệng mút rồi nhìn ra ngoài trời có nắng ban mai đang sưởi ấm cánh cửa bức thềm.

— Trầm à, anh đã khai trương quán cà-phê, mời em trông coi với mời em đóng vài cổ phần.

Trầm tròn mắt :

— Anh mở quán cà-phê cạnh tranh với cô Dung há ?

— Em có thể đóng bao nhiêu cổ phần ?

— Bao nhiêu tiền em chơi hụi hết rồi... bây giờ nợ lút cổ.

— Anh bán cà-phê đen, không bán cà-phê sữa. Quán lấy tên là « Quán bạn », trong đó sẽ bày bán một ít sách của bạn thân. Lúc kiếm được tí tiền, sẽ tổ chức một kỳ ký sách, nghĩa là trưng bày sách của một số tác giả danh tiếng trong nước rồi chịu tiền phí tổn mời họ ra Huế ký tên vào sách.

Trầm chum miệng hú lên một tiếng nhỏ Trương nghe như là tiếng tru đẹp nhất của loài chó.

— Trời ơi, vĩ đại quá ta ! Cái chương trình chi mà to đại chang vậy ?

Trương đập đập bàn tay Trầm :

— Bắt đầu ngày mai em sang coi quán cà phê nhé !

— Ở đâu ?

— Gia hội !

Trầm nghĩ đến nếp sống phóng khoáng như ngựa thả rong trên những lưng đồi hiền, Trầm nghĩ đến nếp sống lặng lẽ chập chững thật khỏe như đàn voi thuần thực đã xếp gọn lại thời oanh liệt vui lòng làm những chuyện tầm thường.

Trầm quát khẽ ngón tay chỉ vào mũi mình :

— Mặt mũi này mà anh sai đi làm cô quán bán cà-phê à ?

— Khách hào hoa văn vẻ sẽ vào quán thật nhiều mà.

Trương nhìn cây chuối chia mấy cành lá lớn qua ngoài khung cửa, bên dưới mấy tàu chuối có sự mong manh, nhỏ bé ẩn hiện yên lặng của tấm mạng nhện đồng sương, chàng nhìn tăng ngực béo của người đàn bà ngồi trước mặt, chàng đứng lên. Trầm cũng đứng lên bước ra cửa hát nhỏ bài tình cảm ca « Bông Cỏ-May » của Trúc Phương : Nhớ Cỏ May, nhớ thương May, nhớ cả hơi người... nhớ cỏ May, nhớ thương May, nhớ cả hơi người... Trương đi tới bình hồng nâng niu mấy cánh đồ thốt kêu đẹp quá đẹp quá... ai cho Trầm năm cái bông hường tuyệt diệu quá trời. Trầm quay lại nói Sinh vừa ở Đà Lạt về, Anh Trương ăn mặn Đà Lạt không ? Anh Trương ăn đậu Tây không ? Ngày mai tôi làm kem đậu anh có rảnh lại ăn. Trương rùng hai vai có sinh về rồi tại hạ xin rút lui. Trương vừa nói vừa đi ra cửa, Trầm hỏi với theo anh ra quán cà phê há ? để vài bữa tôi sẽ ghé !

Trầm hát lên vài câu thơ phổ nhạc. Nàng nghĩ rằng thơ không cần phổ nhạc vì tự nó, thơ đã có âm nhạc rồi. Trầm nhìn mặt đồng hồ trên tay, nảy ý định đi giặt quần áo. Thay ra một bộ áo quần là phải giặt liền, giặt tức tốc. Chỉ một bộ quần áo bẩn thôi thì còn hăng hái, còn nhuệ khí để giặt chứ mà tấp lại một đồng ra đó thì... Trầm có ý định mua một cái máy giặt nhưng thấy người bà con vừa mới mua đã bán lại nên nàng dùng dằng. Nàng xấn tay áo múc ra bốn thau nước, đổ bột Tiole vào ngâm, hát quanh quần vài câu thơ phổ nhạc hồi nãy. Trầm nhìn lên mấy chiếc áo dài bẩn vắt trên giây thép, những chiếc áo dài nội hóa ngắn tay, ngắn cổ, ngắn eo thời thượng mặc vào giản tiện như đàn ông mặc sơ mi. Tiếng chuông reo dục nàng ra mở cửa, Trầm nhúng vội hai bàn tay trơn nhầy xà bong vào thau nước.

— Anh Sinh.

Người đàn ông đi giày đế mềm tiến vào ngồi liêu lên ghế đáng không thẳng, lắc đầu khi Trầm đưa ra bao thuốc lá trước mặt. Người đàn bà lại bên chiếc bàn nhỏ tay sờ nhẹ lên chồng sách miệng ư ư hát quand je danse, danse, danse dans danse tes bras..

— Trầm nghĩ sao ?

Mắt Trầm chạm nhanh lên cái nhìn của Sinh, mắt nàng vội lảng nhanh ra xa.

— Nghĩ gì. ?... Không dám nghĩ tới.

— Có lẽ nào Trầm lại không nhận thấy anh yêu Trầm... Có lẽ nào Trầm lại thiếu khôn ngoan khước từ ý định của anh muốn cùng Trầm chung sống ?

(còn tiếp)

túy hồng

thời sự và

sinh hoạt

● Những giải thưởng văn chương

1.— *Giải thưởng văn chương Nobel*. Giải thưởng văn chương Nobel năm nay 1969, về tay một nhà văn Ái Nhĩ Lan nhưng hầu hết những tác phẩm đều được viết bằng Pháp văn : Samuel Beckett. Từ xưa tới nay, giải Nobel thường chú trọng tới phần nội dung của tác phẩm cho nên thay vì ban cho một Beckett như một kẻ tiên phong trong phong trào tiểu thuyết mới, những người phát giải lại tìm kiếm ra cái vẻ thâm hại đến cùng cực của kiếp người trong những kịch bản của Beckett.

Nhưng Beckett đã tìm đâu ra, đã mặc khải từ đâu cái số phận mặt rệp của con người ? Xin thưa : Chính từ quê hương ông, từ xứ Ái Nhĩ Lan khốn khổ vì nghèo đói, xứ Ái Nhĩ Lan hoang vu, khô cằn, sống thường trực bằng những cuộc nổi loạn chống lại người Anh, sống thường trực bằng những cuộc nội loạn do vấn đề tôn giáo gây nên.

Nhiều nhà phê bình Tây phương đã chỉ nhìn thấy khía cạnh

biểu tượng, siêu hình của tác phẩm trong đó những nhân vật hoàn toàn có tính cách trừu tượng hoặc hơn thế nữa, huyền hoặc, nhân vật Godot chẳng hạn, nhưng thật ra, những nhân vật, tàn tật về thân thể cũng như về tinh thần, của Beckett hoàn toàn sống thực, cụ thể cũng như số phận nghèo đói của một xứ Ai Nhĩ Lan có thực đã tạo nên cái không khí « siêu hình » của tác phẩm.

2.— Giải thưởng văn chương Goncourt

Giải thưởng văn chương Goncourt của Pháp năm nay về tay nhà văn Félicien Marceau, với tác phẩm mang tựa đề Creezy, do nhà xuất bản Gallimard phát hành.

Tác giả Félicien Marceau không phải là một tay « viết mới », viết mới hiểu theo nghĩa mới nhập tịch làng văn. Trước tác phẩm Creezy vừa mang lại giải thưởng, tác giả đã xuất bản hai ba tác phẩm khác, đều khá cả. Thành ra giải thưởng Goncourt năm nay được nhà phê bình Robert Kanters của báo Figaro Littéraire định nghĩa như là một nghệ thuật nhằm khám phá ra những tài năng đã có sẵn, đã được nhìn nhận.

Creezy kể một câu chuyện tình của một cô gái chuyên môn được chọn làm mẫu bìa cho những tạp chí, tuần san... Một nghề « kỳ diệu », nguy hiểm bởi vì nghề đó ở giữa vinh quang và nhục nhằn, tuyệt vọng. Một cô gái chuyên làm mẫu bìa cũng tương tự như một cô đào ci né. Nàng đã thành công, nhưng nàng cũng bị kết án phải thành công mãi mãi, hơn thế nữa, bởi vì những nỗi lo sợ sẽ bị lãng quên, sẽ không còn hợp goùt nữa. Một cô gái bị ám ảnh bởi những hình ảnh của chính mình. Đối với Creezy, nhân vật của F. Marceau thậm chí còn tệ hơn nữa, cái nghề làm mẫu bìa còn tiếp tục ăn lấn sang cả đời sống riêng tư của nàng : Người tình của nàng thuộc hạng nghị sĩ, dân biểu, một thứ « phương diện của quốc gia. » Càng thành công bao nhiêu trong nghề nghiệp làm người mẫu ngoài bìa, nàng càng cảm thấy nghỉ ngơi hạnh phúc của nàng, càng cảm thấy cô đơn bấy nhiêu.

3.— Giải thưởng văn chương Renaudot

Một giải thưởng văn chương khác nữa của Pháp, giải Renaudot

năm nay về tay Max Olivier Lacamp với tác phẩm đầu tay Des feux de la colère.

Trước đó, trước khi trở thành nhà văn với tác phẩm đầu tay mang lại giải thưởng, Max Olivier Lacamp là một ký giả, một phóng viên. Ông đã có mặt ở nhiều nơi, Phi châu, Ấn độ (Ấn độ của những năm khủng hoảng cùng với cái chết của thánh Cam Địa) Triều Tiên, Bắc Việt (Bắc Việt thời kỳ Việt Pháp cùng với tướng De Lattre) và cả ở Saigon.

« Tôi ao ước viết một cuốn sách », đó là hy vọng của tác giả đề vượt lên trên về phù du, sự yếu mệnh của thời sự tính, của đời sống thường nhật. Hai cuốn sách trước của tác giả không làm tác giả hài lòng, L'impasse indienne và Les deux Asies đều là những phóng sự. Phải bước thêm một bước nữa. Một bước nữa để trở thành một tiểu thuyết gia.

Giải thưởng Renaudot năm nay gây nên sự rũ áo ra đi của ba ông Hàn trong ban giám khảo. Đó là những ông Etienne Lalou, Maurice Nadeau và Roger Grenier.

Etienne Lalou cho rằng những giải thưởng văn chương gây ra những hậu quả tai hại, thứ nhất, đó là tinh thần snobisme ở nơi độc giả. Họ mua sách được giải thưởng để « trình diễn », để chứng tỏ với một vài người bạn thân rằng họ cũng « có » đó, nhưng thật ra họ chưa hề đọc tới. (Lời chỉ trích này trước đây cũng đã được một phê bình gia dành cho những cuốn tiểu thuyết mới) Thứ nhì, đó là người ta chỉ nói năm nay nhà xuất bản Gallimard, nhà Laffont, nhà Seuil đã « vớ » được giải thưởng này, giải thưởng nọ, thay vì nói tác giả cuốn sách đó được giải thưởng. Bất hòa đưa đến sự ra đi của tôi năm nay một phần vì lý do : Giải thưởng Renaudot năm nay gần như đã được chỉ định sẵn từ trước, theo như tôi biết.

Maurice Nadeau thì tuyên bố tôi ra đi vì những lý do cá nhân. Nhưng một điều chắc chắn là tôi cũng cảm thấy khó chịu khi vừa có chân trong một nhà xuất bản vừa là một người ở trong thành phần phát giải thưởng, nghĩa là phải chống đỡ, bình vực cho một tác giả mà tôi đã xuất bản tác phẩm của ông ta. Một đôi lần, tôi thích một tác giả khác thay vì tác giả mà tôi đã bỏ phiếu thuận. Năm nay, giải thưởng lại còn có phần vội vàng, hấp tấp.

Còn Roger Grenier thì vui về nói ông đã lợi dụng đúng cơ hội « ngân vàng » này đề ra đi. Ông cũng đồng ý với hai ông bạn nhưng thêm vào đó ông nghĩ rằng bản chất tinh tinh của ông không hợp với vai trò « chủ khảo ».

● Nhìn lại triết học hiện sinh.

Nhà xuất bản Đêm Trắng vừa cho phát hành cuốn sách thứ nhì một tiểu luận nhan đề hiện hữu tha nhân với Gabriel Marcel, tác giả thiên tiểu luận là Đặng Phùng Quân, giảng nghiệm viên của Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Trong bài tựa tập tiểu luận, tác giả Đặng Phùng Quân viết : « Ngày nay, triết học hiện sinh đã đi vào lịch sử triết học. Không còn như một bùng nổ của một khuấy động tư tưởng, cũng không còn sự ồn ào của một trào lưu thời thượng, triết học hiện sinh sau gần nửa thế kỷ, đã trưởng thành, quay lại tự nhìn một cách chừng chạc, để phân biệt những nhận thức sai lầm, những ngộ nhận, những vấn đề căn bản đích thực của triết học con người ».

Cuốn sách chỉ là một phần của tiểu luận : *L'existence d'Autrui et la Fidélité dans l'œuvre de G. Marcel*. Tiểu luận này theo tác giả họ Đặng, gồm ba phần : Introduction, De l'Existentiel à l'Ontologique — *L'existence d'autrui — La fidélité*. Ngoài ra, theo Huỳnh Phan Anh cuốn *Ca Ngợi Triết Học*, tác phẩm của M. Ponty do chính ông dịch đã được « chuyển nhượng » cho nhà xuất bản Kỹ Nguyên. Thời Sự Sinh Hoạt của Vấn Đề số trước đã loan báo sách do Đêm Trắng xuất bản).

● Trường hợp Alexandre Soljenitsyne.

Khoảng tháng hai 1945, một sĩ quan pháo binh trẻ, 27 tuổi, bị thương nhiều lần, hai lần được tuyên dương công trạng, phạm một lỗi lầm chưa từng có : Anh đã viết một bức thư cho một người bạn anh ta, anh này cũng đã bị gọi động viên, trong thư, vị sĩ quan tỏ vẻ nghi ngờ thiên tài chiến thuật của đồng chí Staline vĩ đại. Lá thư bị chặn lại, viên sĩ quan lúc đó đang cùng đơn vị đóng ở Prusse Orientale, bị bắt, bị lột lon, bị tống vào trại giam nổi

tiếng Liubianka ở Moscow, sau đó ra tòa lãnh án tám năm khổ sai vì tội « khuấy rối trị an » (agitation anti-soviétique). Vị sĩ quan này tên là Alexandre Soljenitsyne. Trong tác phẩm *Le Premier Cercle*, tác giả đã tả lại trại giam nổi tiếng Liubianka, nơi ông đã được ném mùi tân khổ.

Hết hạn khổ sai, A Soljenitsyne bị đày đi Á Châu. Nếu Staline cứ sống hoài chắc A. Soljenitsyne vẫn còn ở đó với chứng bệnh ung thư của ông. Nhưng, may, Staline chết và A. Soljenitsyne được trở về. Tác phẩm *Le Premier Cercle* cũng nói cho độc giả nghe tâm trạng « Hòn vọng phu » của vợ một kẻ bị phát lưu. « Họ » — Soljenitsyne và vợ — sau đó cư ngụ tại Riazan, cách Moscow khoảng 180 km, và A.S. trở thành một giáo sư môn vật lý.

Không hiểu A. Soljenitsyne có tin rằng trường hợp Staline chỉ là « tai nạn » của Lịch sử. A. Soljenitsyne gom góp những kỷ ức và tạo thành một tác phẩm. Tác phẩm này may mắn tới tay Krouchtchev và được đồng chí chủ tịch này hài lòng lắm. Đó là tác phẩm « Một ngày trong đời Ivan Denissovitch » — Xuất hiện năm 1962. Tác phẩm của một thời kỳ « tuyết rã, băng tan », ở Nga, tương tự như thời kỳ trăm hoa đua nở ở Bắc Việt.

Ngày nay cũng chính nhà văn đó, Alexandre Soljenitsyne đã bị kết án vì đã cho phát hành (đã không phản đối) những tác phẩm của ông, *Pavillon des Cancéreux* và *Premier Cercle*, ở ngoại quốc. Bị kết án và bị khai trừ ra khỏi Hội Nhà Văn. (Độc giả của Vấn Đề có thể ngạc nhiên vì sự việc bị đuổi ra khỏi Hội Nhà Văn ở Nga Sô và có thể nghĩ đó là một sự việc thật tầm thường. Nhưng ở Nga Sô, một cây viết ở trong Hội Nhà Văn là có thể yên chí khỏi lo chết đói. Yên chí ngồi viết văn khỏi phải lo chạy gạo, tháng tháng có lương. Lương tháng của một nhân viên của Hội tương đương với một cán bộ cỡ khá bự ở trong Đảng)

Alexandre Soljenitsyne, trong một bức thư ngỏ phản đối quyết định khai trừ, đã diễn tả cái xã hội mà ông đang sống, một xã hội bệnh nặng (gravement malade). Một xã hội chỉ lo bùng bít, chỉ lo « kẻ thù » sẽ nghe thấy, « viết như vậy sẽ bất lợi cho ta. » « Những kẻ thù muôn đời và thường trực », lý do biện minh sau cùng trở thành nguyên nhân hiện hữu của xã hội bệnh hoạn. « Các

ông không thể sống mà không thể có kẻ thù. Sự thù hằn đã trở nên khí hậu khô cằn của các ông».

Có hai sự kiện tiếp theo đó, đáng để chúng ta suy ngẫm. Sự kiện thứ nhất : A. Soljenitsyne sau khi « hung hăng » viết thư ngỏ như trên, vẫn được nhớn nhor, chưa bị Đảng vờ. Phải chăng đó là một dấu hiệu tiến bộ của một xã hội bệnh nặng ? Và xã hội bệnh hoạn này đang cố gắng tự điều trị ? Sự kiện thứ nhì : chúng ta phải nghĩ sao về một hệ thống Đảng và Nhà Nước, một hệ thống hiện hữu đã nửa thế kỷ, hệ thống này phải chăng đã quá « mảnh dẻ yếu ớt » đến nỗi chỉ cần một tiếng nói của một nhà văn đủ để biến thành nguy kịch ?

● « Ngày tháng » trở thành âm thanh và hình ảnh

Cuốn tiểu thuyết Ngày tháng của nhà văn Nguyễn Đình Toàn đã được ông Thái Thúc Nha giám đốc kiêm đạo diễn hãng phim An-Pha, đề ý tôi và có dự định mang lên màn bạc. Ông Nha đã tiếp xúc với tác giả, và trong cuộc tiếp xúc có mặt tài tử Hoàng Kim Uyên. Rất có thể nữ-tài-tử á-hậu này sẽ trở thành diễn viên chính (nhân vật nữ xưng « tôi » trong truyện.) của cuốn phim.

tuần anh

tiếp theo từ trang sau

— Ba thành phố lớn nhất của ba miền đất nước : Hà-nội, Huế, và Sài-gòn.

Tôi nói :

— Một nhà xuất bản ở đây, đầu như hai ba năm trước đã làm một tuyển tập : Ba miền mười khuôn mặt. Sự cái ý kiến của Thanh Tâm Tuyền không mới.

— Tuyển tập ấy chỉ mời những tác giả của ba miền mà nội dung tuyển tập thì không nói đến ba miền. Giai phẩm xuân Văn Đề đã mời những người viết sinh trưởng ở ba miền, còn mời các tác giả ấy, từng người, viết về chính cái thành phố mình đã sống, cái thành phố có nhiều điều đáng nói nhất, tác giả có với nó nhiều kỷ niệm nhất.

— Như thế nào ?

— Chẳng hạn anh với tôi, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Nam, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sỹ Tế, đã đi trên Hàng Đào, đã rẽ sang Hàng Quạt, chúng ta sẽ viết về Hà-nội. Về Huế, chúng ta sẽ mời các chị Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, anh Phạm Công Thiện và các nhà văn nhà thơ khác đã ra đời, đã sinh trưởng ở Huế viết. Về Sài-gòn, thì các anh Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Tô Thùy Yên v.v... Như vậy, có nghĩa là những trang đầu của giai phẩm sẽ dành cho Hà-nội, phần giữa sách cho Huế, phần cuối cho Sài-gòn. Giai phẩm mang hình ảnh một con đường, một cuộc hành trình, người đọc giai phẩm xuân năm nay của chúng ta được mời tham dự vào cuộc hành trình đặc biệt của văn chương và sáng tác này. Sẽ đọc những trang xuân từ Hà-nội. Đọc sang tới Huế. Đọc tới Sài-gòn là hết.

Tôi nói :

— Nghe được. Sẽ làm như thế. Nhưng châu rượu ai trả tiền đã ? Chủ biên, như một cái bang chính thống nói về một cái bang chính thống khác :

— Không tôi, đã đành. Cũng không y. Một tên khác.

Cũng hay. Vậy, bài viết trang bìa số này là một giới thiệu trước. Chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc chờ đợi số xuân Văn Đề Canh Tuất, đồng thời xin loan báo với các tác giả chúng tôi sẽ tìm gặp, sẽ mời viết, là giai phẩm năm nay của Văn Đề sẽ được thực hiện theo một chủ đề. Đó là những bài viết sẽ viết về Huế, về Sài-gòn, về Hà nội, về ba thành phố lớn của ba miền đất nước Việt Nam.

MAI THẢO

mai thảo

Bạn đọc thân mến hẳn còn nhớ số Giai Phẩm Mùa Xuân năm ngoài của Văn Đề. Đó là cái số Xuân in ở ấn quán Vạn Hạnh, với hình bìa nền đỏ thắm vẽ một con gà ô lông cánh tan tác, chân căng nhếch nhác, kinh hoàng trong điệu dáng, chấn động từ thần trí của họa sỹ Duy Thanh. Duy Thanh nhiều khi tính quái và thâm trầm đáo để. Con gà ngộ nạn đó chính là cái hình ảnh biểu tượng cho dân chúng và đám đông ta năm ngoài, đón mùa xuân nhưng còn nhát nháo kích, hái nhảnh mai vàng nhưng còn sợ nhà cửa mình cháy dột dỏi vì một cái Tết Mậu Thân huyết lệ nhàu nát năm trước. Văn Đề chưa được lãng quên trong trí tưởng mọi người.

Ngoài tấm hình bìa đỏ khé và đen thẫm tượng trưng cho một nhân tâm của quảng đại xao xuyên trước giao động tinh thể, số xuân Văn Đề năm ngoài không có chủ đề. Giai phẩm đầy hơn hai trăm trang chỉ là tổng hợp ngẫu nhiên buông thả của một số báo viết tùy hứng, giai phẩm là một cái bình cấm lớn, bó hoa cấm trong bình là một gồm thành không chủ định của rất nhiều thể loại hoa. Bàn đến số mùa xuân của Văn Đề năm nay, anh Vũ Khắc Khoan tỏ ý muốn thực hiện một giai phẩm mang một nội dung hoàn toàn khác biệt với số mùa xuân Văn Đề năm trước. Trong hình dung của người chủ biên Khoan, công trình gợi đến bạn đọc vào Giao thừa và Trừ tịch năm nay phải trang trọng hơn, nội dung giai phẩm phải nhất trí, những bài viết không thả lỏng theo tùy hứng nữa, mà cần nhằm thể hiện một chủ đề.

Đồng ý. Số xuân Canh Tuất năm nay, không là một công trình tùy hứng nữa, mà tòa soạn sẽ đặt ra với những người mời viết một chủ đề, mời viết theo chủ đề đã định. Trong sự tìm kiếm một chủ đề thích hợp cho một giai phẩm mùa xuân, chủ biên Vũ, một buổi chiều cuối năm đã ghé vào tòa soạn một tờ báo ngày tên là Tiền Tuyến, rủ một người bạn làm thơ tên là Thanh Tâm Tuyền đi uống rượu. Cái Bang ít có chịu mời ai. Rủ là rủ không thôi. Tôi không biết châu rượu ấy, Khoan, Tuyền ai là tài tử, ai là thằng ngốc, kẻ nào phải trả tiền. Chỉ biết hôm sau, chủ biên gặp tôi :

— Tên Thanh Tâm Tuyền hỏi tại sao Văn Đề không nghĩ đến chuyện làm một số xuân về ba thành phố ?

— Ba thành phố nào ?